

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH**  
**THÀNH THÀNH CÔNG**

**Tp.HCM, tháng 4 năm 2018**

## PHẦN MỞ ĐẦU

- Điều lệ này được thông qua lần đầu ngày 11 tháng 7 năm 2006;
- Sửa đổi, bổ sung theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 30 tháng 5 năm 2016;
- Sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/7/2017.
- Sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
  - c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
  - e. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng của Công ty.
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG
- Tên tiếng nước ngoài: Thanh Thanh Cong Tourist Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TTC TOURIST

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08.38634.999 ; Fax: 08. 38634.888
- E-mail: info@ttctourist.vn ; Website: www.ttctourist.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49.2 và Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 07 năm 1995.

## III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành     |
|-----|--|--------------|
| 1   | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>-Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh) | 5510 (Chính) |
| 2   | Bán buôn đồ uống<br>-Chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia)  | 4633         |
| 3   | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>-Chi tiết: Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa                                   | 4610         |
| 4   | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>-Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ                               | 5610         |
| 5   | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng                                 | 4663         |
| 6   | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách liên tỉnh; Vận tải hành khách nội                             | 4932         |

|    |  |      |
|----|--|------|
|    | tính   |      |
| 7  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>Chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước   | 4634 |
| 8  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng)   | 4312 |
| 9  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại  | 4511 |
| 10 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Tổ chức tour du lịch lữ hành   | 7920 |
| 11 | Hoạt dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển. Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô  | 5229 |
| 12 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương  | 5011 |
| 13 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa  | 5021 |
| 14 | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, thuế, kế toán)  | 7020 |
| 15 | Thu gom rác thải không độc hại<br>(chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)   | 3811 |
| 16 | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>- Chi tiết: Tư vấn giáo dục, tư vấn du học (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)   | 8560 |
| 17 | Thu gom rác thải độc hại<br>- Chi tiết: Thu gom rác thải y tế (chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)   | 3812 |
| 18 | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế (địa điểm xử lý phải phù hợp với quy hoạch của ngành và chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)  | 3822 |
| 19 | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ  | 9632 |
| 20 | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp<br>(không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)   | 0150 |
| 21 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>- Chi tiết: Kinh doanh bất động sản: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh công trình đô thị | 6810 |
| 22 | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại<br>(địa điểm xử lý phải phù hợp với quy hoạch của ngành và chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định)  | 3821 |

Số: 1/2018/CT-UBND

|    |   |      |
|----|---|------|
|    | của pháp luật) (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)  |      |
| 23 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>-Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động (chỉ được phép hoạt động khi được Sở Lao động- Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động) (trừ cho thuê lại lao động)<br>Đào tạo, xuất khẩu lao động (Chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội) (trừ cho thuê lại lao động) | 7830 |
| 24 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác   | 7730 |
| 25 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh<br>-Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở)   | 0118 |
| 26 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>-Chi tiết: Bán buôn hoa, cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở)  | 4620 |
| 27 | Giáo dục mầm non<br>-Chi tiết: Nhà trẻ mầm non (chỉ được phép hoạt động khi được Ủy ban nhân dân cấp Huyện cấp giấy phép)   | 8510 |
| 28 | Cho thuê xe có động cơ<br>-Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện   | 7710 |
| 29 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>-Chi tiết: Đào tạo nhân viên phục vụ nhà hàng, khách sạn (chỉ được phép hoạt động khi được Sở Lao động- Thương Binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động)  | 8559 |
| 30 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>-Chi tiết: Dịch thuật (tài liệu, sách báo); phiên dịch   | 7490 |
| 31 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>-Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, kho bãi  | 5210 |
| 32 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>-Chi tiết: Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở)  | 8299 |
| 33 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>-Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ (Chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ). Tư vấn đầu tư   | 6619 |
| 34 | Đại lý du lịch<br>-Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế  | 7911 |
| 35 | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>-Chi tiết: Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh). Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ)   | 9000 |
| 36 | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết: Dịch vụ cắt tóc, làm đầu   | 9631 |
| 37 | Xây dựng nhà các loại   | 4100 |

|    |  |      |
|----|--|------|
|    | Chi tiết: Xây dựng nhà ở   |      |
| 38 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường công cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng)  | 4290 |
| 39 | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Mua bán đường. Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa.  | 4632 |
| 40 | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp   | 4711 |
| 41 | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác   | 4719 |
| 42 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4722 |
| 43 | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4723 |
| 44 | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế   | 7912 |
| 45 | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (trừ sản xuất - chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở).  | 1062 |
| 46 | Sản xuất các loại bánh từ bột  | 1071 |
| 47 | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn  | 1075 |
| 48 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu   | 1079 |
| 49 | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận   | 7320 |
| 50 | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4751 |
| 51 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép   | 4641 |
| 52 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết: thiết kế website; thiết kế đồ họa; thiết kế ma kết, biểu trưng, tờ rơi, tờ gấp, ca ta lo, ấn phẩm quảng cáo, nhãn mác, bao bì. Thiết kế lắp đặt hệ thống tin học. Thiết kế hệ thống mạng máy tính, phần cứng, phần mềm | 7410 |

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể bổ sung thêm những ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty, theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Mục tiêu của Công ty là thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh theo lĩnh vực, chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty, đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho các lợi ích xã hội và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 797.185.180.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi bảy tỷ một trăm tám mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 79.718.518 (Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu bảy trăm mười tám nghìn năm trăm mười tám) cổ phần, với mệnh giá là 10.000đồng/CP (Mười nghìn đồng Việt Nam/một cổ phần).
2. Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

##### **Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh)

và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.



3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;
  - i. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
  - a. Đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các 24.2;
  - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.

d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp gia hạn theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc sáu (6) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Khi số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;
  - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.
- b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a và Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3e Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.  

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
  - b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán;

- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - p. Thông qua định hướng phát triển của công ty.
  - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
5. Quy định tại khoản 4 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại khoản 4 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người

đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại 13.3 và Điều 13.4.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.



4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng;
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục theo quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập lại trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

## Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ bầu một ban kiểm phiếu với số lượng theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì một trong các thành viên Hội đồng quản trị có quyền điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.  
Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  
Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
  - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội

đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết họp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.  
Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

## Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, kể các các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận;
- b. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận:

i. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

ii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

iii. Tổ chức lại, giải thể Công ty; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

iii. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng quản trị xác lập tại Thẻ lệ bầu cử và trình đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị) quy định tại Điều lệ Công ty. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này, các ứng viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng

viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại).

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thẻ lệ bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được thông qua.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ này và Khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty và công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
  - b. Chủ toạ và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;
  - c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

**Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp;
2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết và nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà Nghị quyết được thông qua đã bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; nắm giữ từ 60% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Khi bị phát hiện cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
5. Việc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.



## **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; Ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
  - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - g. Quyết định việc phát hành trái phiếu, đề xuất các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
  - m. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
  - a. Thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập, giải thể các công ty con của Công ty;
  - c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 14 Điều lệ, Khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần, trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
  - l. Các định mức Kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản Trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc Người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con,

công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có).  
Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị

#### **Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và tùy theo từng thời kỳ, có thể bầu một hoặc nhiều Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 31/12/2017           | 01/01/2017           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| Tiền mặt                        | 495.576.740          | 114.632.919          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.443.416.249        | 5.347.520.335        |
| Tiền đang chuyển                | 34.603.809           | 256.507.103          |
|                                 | <b>7.973.596.798</b> | <b>5.718.660.357</b> |

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Chứng khoán kinh doanh

|   | 31/12/2017            |                        | 01/01/2017            |          |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------|
|   | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng |
|   | VND                   | VND                    | VND                   | VND      |
| Đầu tư cổ phiếu                                   | 13.923.704.222        | (1.008.920.250)        | 50.626.000.000        | -        |
| - Công ty Cổ phần Golf 1                          | -                     | -                      | 50.626.000.000        | -        |
| - Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa [*] | 13.923.704.222        | (1.008.920.250)        | -                     | -        |
|   | <b>13.923.704.222</b> | <b>(1.008.920.250)</b> | <b>50.626.000.000</b> | <b>-</b> |

[\*] Trong năm, Công ty đã mua 608.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (Mã cổ phiếu BHS), tương ứng giá trị 13,9 tỷ đồng với mục đích làm chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm tháng 9/2017, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã hoàn thành sáp nhập với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (Mã cổ phiếu SBT) theo tỷ lệ hoán đổi 1:1,02. Theo đó, 608.700 cổ phiếu BHS đã được hoán đổi thành 620.874 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty. Đến thời điểm tháng 11/2017, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã hoàn thành thủ tục đổi tên thành Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ theo giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31/12/2017 là: 12.914.783.972 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG  
 AN  
 TÀI CHÍNH

X:1010123456789

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ba mươi ngày.

#### **Điều 27. Ủy quyền tham dự cuộc họp Thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm Người quản lý khác;
  - b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
  - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
6. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Thông báo họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất hai ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

9. Số thành viên tham dự tối thiểu:

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a khoản 9 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Khoản 10b Điều 28 mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 10d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại **Error! Reference source not found.5.4a** và **Error! Reference source not found.5.4b** của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

16. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.
17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 29. Ban Kiểm toán nội bộ**

1. Công ty có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ; quyền và nghĩa vụ; cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ và chi phí hoạt động được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

### **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

#### **Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 31. Người điều hành Công ty**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng hoặc thuê Người điều hành khác của Công ty cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.



2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc điều hành**

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị số lượng Người điều hành mà Công ty cần thuê hoặc tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày 31 tháng 05 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
  - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
  - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.
- Đối với trường hợp Tổng Giám đốc xin từ chức thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải có quyết định xử lý vụ việc.

### **Điều 33. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (hoặc nhiều) Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
  - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - i. Các quyền và nghĩa vụ khác tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

## **IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY**

### **Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, hoặc những tổ chức, cá nhân liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép

thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận, bằng chứng nào cho rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

## **XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 38. Công nhân viên và công đoàn**

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 39. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc cá khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan đến một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

#### **Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 41. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 42. Trích lập quỹ**

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày Một (01) tháng Bảy (07) dương lịch và kết thúc vào ngày Ba mươi (30) tháng Sáu (6) dương lịch của năm tiếp theo. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

#### **Điều 44. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc Chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các

hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty và theo quy định pháp luật.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 47. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.



5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVI. CON DẤU**

### **Điều 48. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### **Điều 51. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động Công ty sẽ được gia hạn thêm khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## **Điều 52. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra *Toà án có thẩm quyền giải quyết*.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

## **XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XX. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 55. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm XX chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công nhất trí sửa đổi thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
  - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.
  - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

### **Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.**



**NGUYỄN THẾ VINH**

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....  | 2  |
| Điều 1. Định nghĩa.....   | 2  |
| <b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....              | 3  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....                  | 3  |
| <b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....   | 3  |
| Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....   | 3  |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....  | 6  |
| <b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....   | 7  |
| Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....   | 7  |
| Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.....   | 7  |
| Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....   | 8  |
| Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....  | 8  |
| Điều 9. Thu hồi cổ phần.....  | 9  |
| <b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....  | 9  |
| Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....  | 9  |
| <b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....  | 10 |
| Điều 11. Quyền của cổ đông.....   | 10 |
| Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....  | 11 |
| Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....  | 12 |
| Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....  | 13 |
| Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....  | 14 |
| Điều 16. Thay đổi các quyền.....  | 15 |
| Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....                 | 16 |
| Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 17 |
| Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....   | 18 |
| Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....   | 20 |
| Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 21 |
| Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 22 |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....  | 23 |
| <b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....   | 23 |
| Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....   | 23 |
| Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....   | 25 |
| Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....  | 27 |
| Điều 27. Ủy quyền tham dự cuộc họp Thành viên Hội đồng quản trị.....  | 28 |
| Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....  | 28 |
| Điều 29. Ban Kiểm toán nội bộ.....  | 31 |
| <b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b> .....                                    | 31 |
| Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý.....  | 31 |
| Điều 31. Người điều hành Công ty.....   | 31 |
| Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc điều hành.....                                     | 32 |
| Điều 33. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty.....  | 33 |
| <b>IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY</b> .....         | 34 |
| Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng.....   | 34 |
| Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....   | 34 |
| Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....  | 35 |
| <b>X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....   | 36 |
| Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....   | 36 |
| <b>XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....  | 36 |

|   |           |
|---|-----------|
| Điều 38. Công nhân viên và công đoàn .....  | 36        |
| <b>XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>  | <b>36</b> |
| Điều 39. Cổ tức.....  | 36        |
| Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận .....                              | 37        |
| <b>XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....</b>          | <b>37</b> |
| Điều 41. Tài khoản ngân hàng .....  | 37        |
| Điều 42. Trích lập quỹ .....  | 38        |
| Điều 43. Năm tài chính .....  | 38        |
| Điều 44. Chế độ kế toán .....   | 38        |
| <b>XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b> | <b>38</b> |
| Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....  | 38        |
| Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....                                    | 39        |
| <b>XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>  | <b>39</b> |
| Điều 47. Kiểm toán.....   | 39        |
| <b>XVI. CON DẤU.....</b>  | <b>40</b> |
| Điều 48. Con dấu .....  | 40        |
| <b>XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>  | <b>40</b> |
| Điều 49. Chấm dứt hoạt động .....   | 40        |
| Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....              | 40        |
| Điều 51. Gia hạn hoạt động .....  | 40        |
| Điều 52. Thanh lý .....   | 41        |
| <b>XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>   | <b>41</b> |
| Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....   | 41        |
| <b>XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>   | <b>42</b> |
| Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....   | 42        |
| <b>XX. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>   | <b>42</b> |
| Điều 55. Ngày hiệu lực .....  | 42        |
| Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....                            | 42        |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----☉ ⊕ ☉-----



DU LỊCH THĂNG LỢI

ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THĂNG LỢI



## MỤC LỤC

|  |            |
|--|------------|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....  | 4          |
| <b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....</b>   | <b>4</b>   |
| Điều 1. Định nghĩa .....   | 4          |
| <b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>               | <b>5</b>   |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....                  | 5          |
| <b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>  | <b>6</b>   |
| Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....   | 6          |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....  | 8          |
| <b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>  | <b>8</b>   |
| Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....   | 8          |
| Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu .....   | 9          |
| Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác .....   | 10         |
| Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần .....  | 10         |
| Điều 9. Thu hồi cổ phần .....  | 11         |
| <b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>   | <b>12</b>  |
| Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý .....  | 12         |
| <b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>   | <b>12</b>  |
| Điều 11. Quyền của cổ đông .....   | 12         |
| Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....  | 13         |
| Điều 13. Đại hội đồng cổ đông .....  | 14         |
| Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....  | 15         |
| Điều 15. Các đại diện được ủy quyền .....  | 17         |
| Điều 16. Thay đổi các quyền .....  | 188        |
| Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....                 | 18         |
| Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 19         |
| Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....   | 20         |
| Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....   | 22         |
| Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... | 23         |
| Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 25         |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....  | 25         |
| <b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>  | <b>266</b> |
| Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....   | 266        |
| Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....   | 27         |
| Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị .....  | 30         |
| Điều 27. Ủy quyền tham dự cuộc họp Thành viên Hội đồng quản trị .....  | 311        |
| Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....  | 311        |
| <b>VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....</b>   | <b>34</b>  |
| Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý .....  | 34         |
| Điều 30. Cán bộ quản lý .....  | 34         |
| Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Giám đốc .....  | 355        |
| Điều 32. Thư ký Công ty .....  | 36         |
| <b>IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ .....</b>                       | <b>377</b> |
| Điều 33. Trách nhiệm cần trọng .....   | 377        |
| Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....   | 377        |
| Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....  | 38         |
| <b>X. BAN KIỂM SOÁT .....</b>  | <b>399</b> |

|  |            |
|--|------------|
| Điều 36. Kiểm soát viên .....  | 399        |
| Điều 37. Ban kiểm soát .....   | 40         |
| <b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>                                     | <b>41</b>  |
| Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....   | 41         |
| <b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>  | <b>422</b> |
| Điều 39. Công nhân viên và công đoàn .....   | 422        |
| <b>XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....</b>   | <b>42</b>  |
| Điều 40. Cổ tức .....  | 42         |
| Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận .....                             | 43         |
| <b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....</b>         | <b>43</b>  |
| Điều 42. Tài khoản ngân hàng .....   | 43         |
| Điều 43. Trích lập quỹ .....   | 444        |
| Điều 44. Năm tài chính .....   | 444        |
| Điều 45. Chế độ kế toán .....  | 444        |
| <b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b> | <b>44</b>  |
| Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....                                       | 44         |
| Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....                                  | 455        |
| <b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>  | <b>45</b>  |
| Điều 48. Kiểm toán .....   | 45         |
| <b>XVII. CON DẤU .....</b>   | <b>466</b> |
| Điều 49. Con dấu .....   | 466        |
| <b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>   | <b>466</b> |
| Điều 50. Chấm dứt hoạt động .....  | 466        |
| Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông .....            | 46         |
| Điều 52. Gia hạn hoạt động .....   | 477        |
| Điều 53. Thanh lý .....  | 477        |
| <b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>   | <b>47</b>  |
| Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....  | 47         |
| <b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>  | <b>48</b>  |
| Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....  | 48         |
| <b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>  | <b>48</b>  |
| Điều 56. Ngày hiệu lực .....   | 48         |
| Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty .....                          | 499        |



## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần du lịch Thăng Lợi (dưới đây gọi là "Công ty"), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được Công ty Cổ phần du lịch Thăng Lợi thông qua theo Nghị quyết họp lệ của Đại hội đồng cổ đông ngày 27/02/1999 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ 16 lấy ý kiến cổ đông Công ty tổ chức ngày 27/6/2017.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
  - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
  - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
  - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

### 1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THẮNG LỢI
- Tên tiếng nước ngoài: **Thang Loi Tourism Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **Thang Loi Tourism**
- Tên viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

### 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 04 Pasteur- Phường Xương Huân - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam
- Điện thoại: 84.58 3820820 Fax: 84.58 3821905
- E-mail: info@michelia.com Website: www.michelia.vn
- Các chi nhánh của Công ty đặt tại:

+ Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi - Chi nhánh Dốc Lết

Địa chỉ: Đông Cát, Phường Ninh Hải, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

+ Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi - Chi nhánh TTC Hotel Premium – Phan Thiết

Địa chỉ: Khu Đồi Dương, đường Lê Lợi, P. Hưng Long, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

+ Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi – Chi nhánh TTC Palace Bình Thuận

Địa chỉ: 01 Từ Văn Tư, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

+ Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi - Chi nhánh Trung tâm kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Bình Thuận

Địa chỉ: 105 Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

+ Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi tại TP. Hồ Chí Minh

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là 50 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh lần đầu.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1   | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: khách sạn, làng du lịch, nhà nghỉ du lịch   | 5510     |
| 2   | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng  | 5610     |
| 3   | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp   | 9610     |
| 4   | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: dịch vụ karaoke, kinh doanh bãi tắm, chiếu sáng 3D  | 9329     |
| 5   | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết: dịch vụ cắt tóc   | 9631     |
| 6   | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: mua bán rượu, buôn bán đồ uống có cồn và không có cồn  | 4633     |
| 7   | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước   | 4634     |
| 8   | Đại lý, môi giới, đầu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; dịch vụ đại lý đối ngoại tệ, đại lý bán vé máy bay   | 4610     |
| 9   | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: dịch vụ kết nối truy cập Internet   | 6190     |
| 10  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô, vận tải hành khách đường bộ khác theo hợp đồng, tuyến cố định   | 4932     |
| 11  | Đại lý du lịch   | 7911     |
| 12  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế   | 7912     |
| 13  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê<br>Chi tiết: cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại. Cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hòa nhạc, hội trường, phòng cưới) | 6810     |
| 14  | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú   | 9620     |
| 15  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia   | 4723     |
| 16  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: đại lý bán vé máy bay, tàu lửa  | 5229     |

|    |   |      |
|----|---|------|
| 17 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch  | 7920 |
| 18 | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Mua bán đường. Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa.   | 4632 |
| 19 | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  | 4711 |
| 20 | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác  | 4719 |
| 21 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4722 |
| 22 | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ  | 4781 |
| 23 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành bằng xe taxi, xe xích lô và xe thô sơ khác                                | 4931 |
| 24 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ  | 4933 |
| 25 | Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh   | 4649 |
| 26 | Bốc xếp hàng hoá  | 5224 |
| 27 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất khăn bằng vải không dệt  | 1709 |
| 28 | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá   | 4724 |
| 29 | Cho thuê xe có động cơ  | 7710 |
| 30 | Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm  | 4773 |
| 31 | Sản xuất bìa và mạch nha ủ men bia<br>Chi tiết: sản xuất bia hơi  | 1103 |
| 32 | Hoạt động thể thao khác:<br>Chi tiết: Bowling, hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, sân quần vợt, phòng tập thể dục - thể hình, đua thuyền, hoạt động thể thao trên biển (hoạt động ca nô, dù lượn, lướt ván diều, lướt ván buồm) | 9319 |
| 33 | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Bán lẻ rượu bia  | 5630 |
| 34 | Hoạt động trung gia tiền tệ khác<br>Chi tiết: thu đổi ngoại tệ  | 6419 |
| 35 | Hoạt động tư vấn quản lý  | 7020 |
| 36 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại   | 8230 |
| 37 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề   | 9321 |
| 38 | Quảng cáo   | 7310 |
| 39 | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận  | 7320 |

|    |  |      |
|----|--|------|
| 40 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo nhân viên phục vụ nhà hàng, khách sạn, khu du lịch                     | 8559 |
| 41 | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục  | 8560 |
| 42 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu  | 8299 |
| 43 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch thuật (tài liệu, sách báo); phiên dịch | 7490 |
| 44 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động,<br>- Đào tạo, xuất khẩu lao động.       | 7830 |
| 45 | Sản xuất các loại bánh từ bột  | 1071 |
| 46 | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn  | 1075 |
| 47 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu   | 1079 |

Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh nào trong số những lĩnh vực được nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì Công ty chỉ thực hiện lĩnh vực đó sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Mục tiêu của Công ty là thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh theo lĩnh vực, chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty, đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho các lợi ích xã hội và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- Vốn điều lệ của Công ty là: 283.689.770.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi ba tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.368.977 cổ phần với mệnh giá là 10.000

đồng/cổ phần (mười nghìn đồng trên một cổ phần). Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị

được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm các khoản cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.



## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;
  - i. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 36.2;
- b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
  - e.1 Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - e.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc sáu (6) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e Khoản 3 Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.  
  
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
  - d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
  - b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - d. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng

hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền**

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
  - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.
5. Quy định tại khoản 2 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại khoản 4 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
  4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3, Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
  5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
    - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
    - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
    - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
  6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
  7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 60 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng



cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

#### **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ bầu một ban kiểm phiếu với số lượng theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ hoặc (d) các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
  - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận;
- b. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận:

- i. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

- ii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh

- iii. Tổ chức lại, giải thể Công ty; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

- iv. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này thì phải

được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT và BKS, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ này và Khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các quyết định đã được thông qua;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
  - a. Phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
  - b. Chủ toạ và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;
  - c. Phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty; Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công bố biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
2. Các cổ đông có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; nắm giữ từ 60% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bãi nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bãi nhiệm.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bãi nhiệm có hiệu lực. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

#### **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;



- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc; Ký hợp đồng lao động đối với Giám đốc, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
  - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - g. Quyết định việc phát hành trái phiếu, đề xuất các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập, giải thể các công ty con của Công ty;
  - c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 14 Điều lệ, Khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần, trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
  - l. Các định mức Kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản Trị thông qua.
  6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
  7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
  8. Tổng số tiền trả thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
  9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có).

Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị

#### **Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

**Điều 27. Ủy quyền tham dự cuộc họp Thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

**Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp, gửi thư mời ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
  - b. Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
  - c. Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
8. Thông báo họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất hai ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
9. Số thành viên tham dự tối thiểu:
  - a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
  - b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a khoản 9 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Biểu quyết
  - a. Trừ quy định tại Khoản 10b Điều 28 mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Khoản 10d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.
13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị

quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

## **VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc và một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

### **Điều 30. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và

thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

### **Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Giám đốc**

1. **Bổ nhiệm.** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. **Nhiệm kỳ.** Theo Điều 26 của Điều lệ này, Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 3 (ba) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. **Quyền hạn và nhiệm vụ.** Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.



- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
  - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
  5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.
- Đối với trường hợp Giám đốc xin từ chức thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải có quyết định xử lý vụ việc

### **Điều 32. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
3. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

4. Tham dự các cuộc họp;
5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

### **Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Giám đốc, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng

hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó

đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## X. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 36. Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát phải gồm có ba đến năm kiểm soát viên, trong đó có ít nhất 02 thành viên thường trú tại Việt nam. Kiểm soát viên phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông và phải làm việc chuyên trách tại công ty (trừ bộ phận kế toán, tài chính của Công ty). Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các kiểm soát viên;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế cụ thể. Cơ chế này phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm, Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế..
5. Kiểm soát viên không còn tư cách làm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
  - b. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
  - c. Bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị hạn chế năng lực hành vi;
  - d. Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong thời hạn 6 tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Kiểm soát viên bị cách chức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
    - i. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
    - ii. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
    - iii. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông..

#### **Điều 37. Ban kiểm soát**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
  - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
  - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
  - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
  3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
  4. Tổng mức tiền lương hoặc thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định mỗi năm. Mức tiền lương hoặc thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.1 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 39. Công nhân viên và công đoàn**

Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 40. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các

khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

#### **Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.



#### **Điều 43. Trích lập quỹ**

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 44. Năm tài chính**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31 tháng 12 tròn hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

#### **Điều 45. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc Chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và

khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty và theo quy định pháp luật.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

## **Điều 52. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động Công ty sẽ được gia hạn thêm khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## **Điều 53. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra *Tòa án có thẩm quyền giải quyết*.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 56. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần du lịch Thắng Lợi nhất trí sửa đổi thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 4 năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
  - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.
  - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT**



*Phan Thị Hồng Vân*





**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500753423 cấp lần thứ 16 ngày 26/7/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27/04/2018;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua các Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội, bao gồm:
  - a. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2017, định hướng hoạt động cho năm 2018;
  - b. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của năm 2017, định hướng hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm Soát;
  - c. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Điều hành;
  - d. Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán;
  - e. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;
  - f. Thông qua ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018;
  - g. Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - h. Thông qua miễn nhiệm Kiểm soát viên;
  - i. Thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị;
  - j. Thông qua bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị;
  - k. Thông qua Quy chế quản trị Công ty;
  - l. Thông qua việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ;
  - m. Thông qua Thù lao thành viên Hội đồng quản trị năm 2018;
  - n. Thông qua Chủ trương sáp nhập và phương án hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu theo Hợp đồng sáp nhập;
  - o. Thông qua phát hành cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu (5.015.020 cổ phiếu) theo Hợp đồng sáp nhập;



- p. Thông qua Bổ sung ngành nghề kinh doanh;
  - q. Thông qua việc thay đổi điều lệ;
  - r. Thông qua Lưu ký Niêm yết bổ sung;
  - s. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2018;
  - t. Thông qua dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi và Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công;
  - u. Thông qua việc tăng vốn, Esop;
  - v. Thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.
2. Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2020

| STT | Họ tên              | Tổng số phiếu bầu | Số cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ tán thành (%) |
|-----|---------------------|-------------------|--------------------------------|---------------------|
| 1   | Ông Hoàng Mạnh Tiến | 69.029.117 cp     | 69.029.117 cp                  | 91,79%              |
| 2   | Ông Vũ Viết Bản     | 69.029.717 cp     | 69.029.717 cp                  | 91,79%              |
| 3   | Ông Đỗ Huy Hiệp     | 69.029.717 cp     | 69.029.717 cp                  | 91,79%              |

**Điều 2.** Giao cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và đôn đốc triển khai, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong các phiên họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên) kế tiếp.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, các phòng/ban và toàn thể CBCNV Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 “để thực hiện”;
- Các cổ đông;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐOÀN**

CỘNG TY  
CỔ PHẦN  
DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG

T. P. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THẾ VINH

**CTY. CP DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG  
SAO Y BẢN CHÍNH**

Số:.....  
NGÀY 07 THÁNG 05 NĂM 2018

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG TY  
CỔ PHẦN  
DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG

T. P. HỒ CHÍ MINH

*Phan Lợi Hồng Vân*



Số: 01/2018/NQ-DHDCD-TL

Khánh Hoà, ngày 16 tháng 04 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THẮNG LỢI**

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200351556 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 02/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08/02/2017;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2018/BB-DHDCD-TL, ngày 16/04/2018.

**QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2017 và định hướng hoạt động cho năm 2018:  
Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2017:  
Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Giám đốc:  
Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.
- Điều 4.** Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017:  
Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,75%.
- Điều 5.** Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.  
Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,63%.
- Điều 6.** Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018.



Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.

**Điều 7.** Tờ trình thông qua uỷ quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.

Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.

**Điều 8.** Tờ trình thông qua mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2018

Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,79%.

**Điều 9.** Tờ trình thông qua chủ trương sáp nhập và phương án hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu theo hợp đồng sáp nhập:

Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.

**Điều 10.** Tờ trình thông qua Dự thảo hợp đồng sáp nhập sẽ được ký kết giữa Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công và Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi:

Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.

**Điều 11.** Tờ trình thông qua dự thảo Điều lệ công ty sau khi Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi sáp nhập vào Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công:

Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.

**Điều 12.** Tờ trình về việc xin chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch có liên quan của công ty.

Vấn đề này được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành: 96,80%.

**Điều 13.** Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và đôn đốc triển khai, theo dõi việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong các phiên họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.

**Điều 14.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 15. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các phòng/ban, bộ phận, chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- BKS "để giám sát";
- Lưu.



## NGHỊ QUYẾT

V/v : triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu (5.015.020 cổ phiếu)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Cạnh tranh số 27/2004/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/12/2004;
- Căn cứ Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số: 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2018/ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT thông qua ngày 02/5/2018.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Thông qua triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu (5.015.020 cổ phiếu), chi tiết như sau:

### 1. Mục đích phát hành

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công đăng ký phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công



chưa sở hữu (5.015.020 cổ phiếu) theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi, trên cơ sở tỉ lệ hoán đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Sau hoán đổi, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công sẽ là chủ sở hữu duy nhất sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi.

## 2. Phương án phát hành

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mã chứng khoán: VNG
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 4.513.518 cổ phần.
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 45.135.180.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo Danh sách cổ đông tại thời điểm Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi chốt danh sách để thực hiện quyền.
- Phương thức phát hành: phát hành để hoán đổi 5.015.020 cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi, theo đó cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi sẽ nhận được một lượng cổ phiếu tương ứng của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi giữa hai Công ty.
- Tỷ lệ hoán đổi: 1 : 0,9 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu DLTL vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 0,9 cổ phiếu VNG).
- Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi không đủ 01 cổ phiếu VNG sẽ được hủy không tính.  
*Ví dụ: cổ đông A sở hữu 371 cổ phiếu DLTL, với tỷ lệ hoán đổi 1 : 0,9 thì cổ đông A sẽ được nhận  $371 \times 0,9 = 333,9$  cổ phiếu VNG, làm tròn thành 333 cổ phiếu, phần lẻ 0,9 sẽ không tính.*
- Số lượng cổ phần DLTL được hoán đổi dự kiến: **5.015.020 cổ phần**, chiếm 17,68% tổng số cổ phần lưu hành của DLTL.
- Tại thời điểm hoán đổi, đối với các cổ đông sở hữu cổ phiếu DLTL đang bị hạn chế chuyển nhượng, sau khi hoán đổi sang cổ phiếu VNG với tỷ lệ hoán đổi như trên, cũng sẽ tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng theo thời hạn được quy định giống như đối với cổ phiếu VNG đang bị hạn chế chuyển nhượng mà cổ đông đó đang nắm giữ. Việc xác định cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.  
*Ví dụ: Cổ đông B sở hữu 1.538 cổ phiếu DLTL, trong đó có 1.234 cổ phiếu là tự do chuyển nhượng và 304 cổ phiếu là hạn chế chuyển nhượng. Với tỷ lệ hoán đổi là 1 : 0,9, số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là  $304 \times 0,9 = 273,6$  cổ phiếu, làm tròn thành 273 cổ phiếu. Số cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng là  $1.234 \times 0,9 = 1.110,6$  cổ phiếu, làm tròn thành 1.110 cổ phiếu.*
- Thời điểm thực hiện phát hành dự kiến: Trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn phát hành (nếu cần) kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần mới phát hành thêm của cổ đông hiện hữu: Đại hội đồng cổ đông VNG đồng ý và xác nhận việc các cổ đông hiện hữu của VNG sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phiếu đối với số cổ phần mới phát hành thêm trong đợt này.

**Điều 2:** Thông qua Hợp đồng sáp nhập với các nội dung chính đúng với bản dự thảo hợp đồng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ủy quyền cho Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập.

**Điều 3:** Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công sau sáp nhập đã được ĐHCĐ CTCP Du lịch Thành Thành Công thông qua ngày 27/04/2018.

**Điều 4:** Thông qua việc lựa chọn chi nhánh Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt là đơn vị tư vấn phát hành thêm cổ phiếu VNG để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà VNG chưa sở hữu (5.015.020 cổ phần) theo Hợp đồng sáp nhập.

**Điều 5:** Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng Ban trong Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

**Nơi nhân:**

- Các TV HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN THẾ VINH



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính 0 7 6 0 0

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày.....09-11-2017.....

Phó Chủ Tịch UBND P.1, Q.Tân Bình



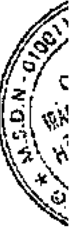
*Bùi Hoàng Lộc*

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DU LỊCH  
THÀNH  
THÀNH  
CÔNG

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG  
DN: E=info@vinagolf.vn,  
OID.0.9.2342.19200300.100  
.1.1=MST:3500753423,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH THÀNH THÀNH  
CÔNG, L=TPHCM, C=VN  
Reason: I am the author of  
this document  
Location:  
Date: 2017-03-31 22:06:06

**NỘI DUNG**

|  | Trang   |
|--|---------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty           | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                  | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  | 06 - 37 |
| Bảng cân đối kế toán riêng                 | 06 - 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 09      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng           | 10 - 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng        | 12 - 37 |



11/21/2012 11:20:00 AM

11/21/2012 11:20:00 AM



## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |              |                               |
|----------------------------|--------------|-------------------------------|
| Bà: Tsan Quay Liang        | Chủ tịch     |                               |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch |                               |
| Bà: Nguyễn Thái Hà         | Phó Chủ tịch | Bỏ nhiệm từ ngày 19/12/2016   |
| Ông: Trần Mẫn              | Thành viên   | Bỏ nhiệm từ ngày 30/05/2016   |
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Thành viên   | Bỏ nhiệm từ ngày 30/05/2016   |
| Ông: Nguyễn Cường Dũng     | Thành viên   | Bỏ nhiệm từ ngày 30/05/2016   |
| Ông: Nguyễn Phong Phú      | Thành viên   | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016 |
| Bà: Dương Thục Linh        | Thành viên   | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016 |
| Ông: Trần Hoàng Anh        | Thành viên   | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016 |

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |                    |                               |
|----------------------------|--------------------|-------------------------------|
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Tổng Giám đốc      | Bỏ nhiệm từ ngày 01/12/2016   |
| Bà: Hồ Nguyễn Duy Khương   | Phó Tổng Giám đốc  | Bỏ nhiệm từ ngày 04/07/2016   |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Tổng Giám đốc  | Bỏ nhiệm từ ngày 04/07/2016   |
| Ông: Đặng Đình Nam         | Phó Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm từ ngày 04/07/2016 |
| Bà: Dương Thục Linh        | Phó Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2016 |
| Bà: Nguyễn Thị Huệ Trính   | Giám đốc Tài chính | Bỏ nhiệm từ ngày 27/06/2016   |
| Bà: Lê Thị Mộng Thu        | Giám đốc Tài chính | Miễn nhiệm từ ngày 27/06/2016 |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                             |            |  |
|-----------------------------|------------|--|
| Ông: Hoàng Mạnh Tiến        | Trưởng ban | Bỏ nhiệm từ ngày 30/05/2016                        |
| Bà: Phạm Ngọc Thanh Mai     | Thành viên | Trưởng ban kiểm soát từ ngày 01/01/16 đến 29/05/16 |
| Bà: Nguyễn Trần Hằng Phương | Thành viên | Bỏ nhiệm từ ngày 30/05/2016                        |
| Ông: Nguyễn Công Khanh      | Thành viên | Bỏ nhiệm từ ngày 30/05/2016                        |
| Bà: Lưu Đặng Mỹ Quỳnh       | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016                      |
| Bà: Bùi Thị Thúy Hằng       | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016                      |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

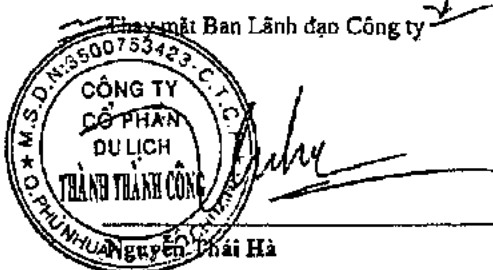
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Số: 4289/2017/BC.KTTC-AASC.KT7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty  
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 - Sự kiện phát sinh sau niên độ, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Chế Ngọc Bảo và hoàn tất các thủ tục pháp lý trong quý I năm 2017.



**CN. Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 0725-2013-002-1

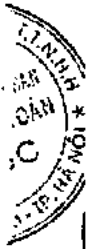
*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017*

**Nguyễn Ngọc Lân**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 1427-2013-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 31/12/2016       | 01/01/2016       |
|-------|---|-------------|------------------|------------------|
|       |   |             | VND              | VND              |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | 101.423.700.641  | 38.313.240.515   |
| 110   | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 03          | 5.718.660.357    | 2.787.155.905    |
| 111   | 1. Tiền                                     |             | 5.718.660.357    | 2.787.155.905    |
| 120   | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 04          | 50.626.000.000   | -                |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                   |             | 50.626.000.000   | -                |
| 130   | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 40.156.891.496   | 28.465.713.346   |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 05          | 5.490.741.868    | 5.771.565.163    |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 06          | 5.209.751.347    | 13.839.477.017   |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 07          | 29.507.821.788   | 8.924.854.166    |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       |             | (70.183.000)     | (70.183.000)     |
| 139   | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                  |             | 18.759.493       | -                |
| 140   | IV. Hàng tồn kho                            | 09          | 1.041.694.042    | 857.030.015      |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                             |             | 1.041.694.042    | 857.030.015      |
| 150   | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 3.880.454.746    | 6.203.341.249    |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 13          | 522.938.226      | 1.767.694.265    |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  |             | 3.357.516.520    | 3.813.198.398    |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17          | -                | 622.448.586      |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | 230.706.846.903  | 249.795.079.752  |
| 210   | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | 4.312.576.800    | 4.250.576.800    |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 07          | 4.312.576.800    | 4.250.576.800    |
| 220   | II. Tài sản cố định                         |             | 134.357.182.270  | 92.196.419.667   |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 11          | 100.853.184.847  | 35.673.056.977   |
| 222   | - Nguyên giá                                |             | 143.383.435.662  | 60.665.408.949   |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (42.530.250.815) | (24.992.351.972) |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                  | 12          | 33.503.997.423   | 56.523.362.690   |
| 228   | - Nguyên giá                                |             | 39.533.433.085   | 65.887.626.817   |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (6.029.435.662)  | (9.364.264.127)  |
| 240   | IV. Tài sản dở dang dài hạn                 |             | -                | 56.047.990.204   |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          | 10          | -                | 56.047.990.204   |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN                                    | Thuyết minh | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                    | VND                    |
| 250   | V. Đầu tư tài chính dài hạn                | 04          | 88.125.885.696         | 91.191.184.955         |
| 251   | 1. Đầu tư vào công ty con                  |             | 65.492.742.262         | 71.107.943.490         |
| 252   | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết |             | 24.772.623.054         | 24.772.623.054         |
| 254   | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn       |             | (2.139.479.620)        | (4.689.381.589)        |
| 260   | VI. Tài sản dài hạn khác                   |             | 3.911.202.137          | 6.108.908.126          |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn               | 13          | 3.911.202.137          | 6.108.908.126          |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                   |             | <b>332.130.547.544</b> | <b>288.108.320.267</b> |

1105.  
CÔNG TY  
SHENH  
KIẾP  
AA  
KIẾP

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                     | Thuyết minh | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
|       |   |             | VND                    | VND                    |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         |             | 187.080.565.722        | 150.663.563.635        |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         |             | 133.431.944.309        | 105.198.564.436        |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 15          | 13.336.323.209         | 18.836.366.276         |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 16          | 28.115.119.113         | 3.270.468.694          |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 17          | 2.824.429.870          | 199.047.501            |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                    |             | 2.114.840              | -                      |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 18          | 119.242.931            | 416.756.610            |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          | 20          | 384.063.638            | -                      |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                     | 19          | 40.986.852.398         | 19.978.283.741         |
| 320   | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 14          | 47.663.798.310         | 62.233.524.243         |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   |             | -                      | 264.117.371            |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         |             | 53.648.621.413         | 45.464.999.199         |
| 337   | 1. Phải trả dài hạn khác                      | 19          | 917.770.000            | 917.770.000            |
| 338   | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 14          | 52.730.851.413         | 44.547.229.199         |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      |             | 145.049.981.822        | 137.444.756.632        |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | 21          | 145.049.981.822        | 137.444.756.632        |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     |             | 130.000.000.000        | 130.000.000.000        |
| 411a  | Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết         |             | 130.000.000.000        | 130.000.000.000        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                       |             | 910.000.000            | 910.000.000            |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                      |             | 6.719.655.738          | 6.719.655.738          |
| 421   | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | 7.420.326.084          | (184.899.106)          |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | (184.899.106)          | (492.652.830)          |
| 421b  | LNST chưa phân phối năm nay                   |             | 7.605.225.190          | 307.753.724            |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    |             | <u>332.130.547.544</u> | <u>288.108.320.267</u> |

Người lập biểu



Lê Hồng Văn

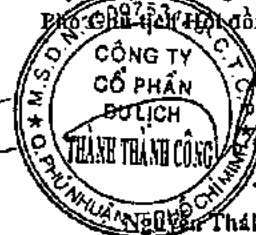
Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Đỗ Chí Việt (Hàng đồng Quản trị)



Nguyễn Thái Hà

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2016             | Năm 2015           |
|-------|--|-------------|----------------------|--------------------|
|       |  |             | VND                  | VND                |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 23          | 121.713.175.191      | 43.862.053.131     |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    |             | .                    | .                  |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 121.713.175.191      | 43.862.053.131     |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                | 24          | 103.086.624.553      | 43.560.601.014     |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 18.626.550.638       | 301.452.117        |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 25          | 20.641.244.395       | 20.156.313.928     |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 26          | 5.156.768.599        | 6.668.105.688      |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | 7.643.181.958        | 4.546.152.749      |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                                | 27          | 6.699.778.191        | 1.703.343.489      |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 28          | 18.441.078.770       | 12.764.362.721     |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 8.970.169.473        | (678.045.853)      |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                  | 29          | 7.513.899.119        | 1.915.570.417      |
| 32    | 12. Chi phí khác                                   | 30          | 6.311.729.145        | 736.055.816        |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                                 |             | 1.202.169.974        | 1.179.514.601      |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 10.172.339.447       | 501.468.748        |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 31          | 2.567.114.257        | 193.715.024        |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       |             | <u>7.605.225.190</u> | <u>307.753.724</u> |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Hồng Văn

Bùi Tấn Khải



Nguyễn Thái Hà



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số   | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2016<br>VND  | Năm 2015<br>VND  |
|---|--|-------------|------------------|------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                  |                  |
| 01  | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 10.172.339.447   | 501.468.748      |
|   | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             | (10.154.229.041) | (10.198.481.241) |
| 02  | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 5.618.819.186    | 3.328.381.836    |
| 03  | - Các khoản dự phòng   |             | (2.549.901.969)  | 1.582.367.856    |
| 04  | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | -                | (5.077.525)      |
| 05  | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (20.866.328.216) | (19.650.306.157) |
| 06  | - Chi phí lãi vay  |             | 7.643.181.958    | 4.546.152.749    |
| 08  | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 18.110.406       | (9.697.012.493)  |
| 09  | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | 7.363.903.657    | (22.980.496.300) |
| 10  | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | (184.664.027)    | 898.262.858      |
| 11  | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 35.675.034.865   | 18.762.533.628   |
| 12  | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (2.878.612.046)  | (966.411.975)    |
| 13  | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  |             | -                | 16.380.000.000   |
| 14  | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (7.911.159.246)  | (4.327.604.472)  |
| 15  | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | -                | (89.169.078)     |
| 17  | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (264.117.371)    | -                |
| 20  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 31.818.496.238   | (2.019.897.832)  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                  |                  |
| 21  | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (37.725.353.936) | (32.135.776.678) |
| 22  | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | 286.363.636      | 425.000.000      |
| 25  | 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | (6.384.798.772)  | (52.411.590.000) |
| 26  | 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | 20.500.000.000   | 12.817.284.000   |
| 27  | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 822.901.005      | 4.109.755.383    |
| 30  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | (22.500.888.067) | (67.195.327.295) |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                  |                  |
| 33  | 1. Tiền thu từ đi vay  |             | 90.662.656.039   | 116.354.326.262  |
| 34  | 2. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (97.048.759.758) | (48.373.571.820) |
| 40  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | (6.386.103.719)  | 67.980.753.442   |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2016<br>VND | Năm 2015<br>VND |
|-------|---|-------------|-----------------|-----------------|
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                         |             | 2.931.504.452   | (1.234.471.685) |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                        |             | 2.787.155.905   | 4.016.550.065   |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | -               | 5.077.525       |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                       | 03          | 5.718.660.357   | 2.787.155.905   |

Người lập biểu

Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thái Hà

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 130.000.000.000 đồng; Tương đương 13.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tu vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Trong năm, Công ty có thành lập thêm 5 chi nhánh bao gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận - Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre - Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang - Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Trung tâm Lữ hành.
- Trong năm 2016, Công ty thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công cụ dụng cụ, nhân sự có liên quan đến hoạt động kinh doanh Khách sạn của 2 công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt và Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam về 2 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ.

- Đồng thời chuyển mảng kinh doanh khách sạn của các chi nhánh Cần Thơ, Đà Lạt bao gồm công cụ dụng cụ và nhân sự có liên quan sang Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi.
- Thực hiện Nghị quyết HĐQT ngày 17/06/2016, Công ty đã chuyển nhượng hết vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam với giá chuyển nhượng là 20.500.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016, các thủ tục chuyển nhượng vốn cho đối tác đã được hoàn tất.
  - Trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Chế Ngọc Bảo cho đối tác, tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 18.396.180.000 đồng. Đến ngày 31/12/2016, số còn phải thu về chuyển nhượng là 18.196.180.000 đồng, Công ty đã thu được toàn bộ số công nợ này trong quý I năm 2017.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

| Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:                             | Địa chỉ   | Hoạt động kinh doanh chính  |
|---|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ    | Số 02, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ | Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài. |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng   | Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, P.1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng            | Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam  | 87 đường Cửa Đại, TP.Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam                       | Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận | Bình Thuận  | Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre    | Bến Tre   | Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang | Tiền Giang  | Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công                | Thành phố Hồ Chí Minh   | Kinh doanh lữ hành  |

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

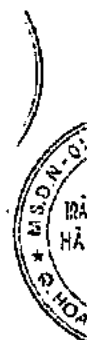
**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.6. Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kê ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

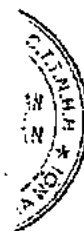
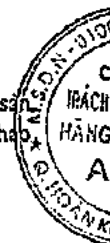
Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                 |             |
|---------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc        | 08 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị             | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải           | 08 năm      |
| - Thiết bị văn phòng            | 03 - 10 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 06 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất             | 39 - 50 năm |
| - Phần mềm máy tính             | 03 năm      |
| - Tài sản cố định vô hình khác  | 3 năm       |

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn, vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

1105  
CÔNG TY  
DU LỊCH  
THÀNH THÀNH  
CÔNG  
PHÚ NHUẬN  
TP. HCM

## 2.16. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.18. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;



- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các Doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| Tiền mặt                        | 114.632.919          | 65.887.798           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.347.520.335        | 2.721.268.107        |
| Tiền đang chuyển                | 256.507.103          | -                    |
|                                 | <b>5.718.660.357</b> | <b>2.787.155.905</b> |

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Chứng khoán kinh doanh

|                              | 31/12/2016            |                 | 01/01/2016     |                 |
|------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                              | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Đầu tư cổ phiếu              |                       | -               |                | -               |
| - Công ty Cổ phần Golf 1 (*) | 50.626.000.000        | -               | -              | -               |
|                              | <b>50.626.000.000</b> | <b>-</b>        | <b>-</b>       | <b>-</b>        |

(\*) Theo Tờ trình số 280/2016/TT-VPCT đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 30/10/2016, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo hình thức góp vốn bằng dự án Khách sạn Golf 1 ngày 5/11/2016 và Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801325150 (chi tiết xem Thuyết minh số 10). Công ty thực hiện góp vốn với mục đích là chuyển nhượng cho đối tác. Số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công đang nắm giữ là 5.626.000 cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng nêu trên trong Quý I năm 2017.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | 31/12/2016            |                        | 01/01/2016            |                        |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|  | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND        | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND        |
| Đầu tư vào Công ty con                             | 65.492.742.262        | -                      | 71.107.943.490        | (2.669.712.239)        |
| - Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam (**) | -                     | -                      | 5.615.201.228         | (2.669.712.239)        |
| - Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt         | 13.081.152.262        | -                      | 13.081.152.262        | -                      |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre                  | 52.411.590.000        | -                      | 52.411.590.000        | -                      |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết            | 24.772.623.054        | (2.139.479.620)        | 24.772.623.054        | (2.019.669.350)        |
| - Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor     | 24.772.623.054        | (2.139.479.620)        | 24.772.623.054        | (2.019.669.350)        |
|  | <b>90.265.365.316</b> | <b>(2.139.479.620)</b> | <b>95.880.566.544</b> | <b>(4.689.381.589)</b> |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

| Tên công ty con                          | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|----------------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt | Tỉnh Lâm Đồng              | 100%          | 100%                   | Dịch vụ Khách sạn          |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre          | Tỉnh Bến Tre               | 51,36%        | 51,36%                 | Dịch vụ Khách sạn          |

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con

(\*\*) Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam cho đối tác.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

| Tên công ty liên doanh, liên kết             | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính   |
|--|----------------------------|---------------|------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor | Vương quốc Campuchia       | 49%           | 49%                    | Kinh doanh dịch vụ khách sạn |

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn                               |                      |                      |
| - Công Ty Cổ Phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh  | 304.972.603          | 56.229.000           |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công  | 306.805.466          | 642.241.633          |
| - Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công  | 260.674.526          | -                    |
| - Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel)                          | 341.290.000          | -                    |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác   | 4.276.999.273        | 5.073.094.530        |
|  | <b>5.490.741.868</b> | <b>5.771.565.163</b> |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37) | <b>311.473.466</b>   | <b>657.141.633</b>   |

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | 31/12/2016           |          | 01/01/2016            |          |
|--|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|  | VND                  | VND      | VND                   | VND      |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát   | 1.988.344.626        | -        | 3.114.277.000         | -        |
| - Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát | -                    | -        | 9.236.715.641         | -        |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ D.P.N                | 761.574.000          | -        | -                     | -        |
| - Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP           | 655.076.100          | -        | -                     | -        |
| - Các khoản trả trước người bán khác                   | 1.804.756.621        | -        | 1.488.484.376         | -        |
|  | <b>5.209.751.347</b> | <b>-</b> | <b>13.839.477.017</b> | <b>-</b> |

**7. PHẢI THU KHÁC**

|   | 31/12/2016            |                   | 01/01/2016           |                   |
|---|-----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|
|   | Giá trị               | Dự phòng          | Giá trị              | Dự phòng          |
|   | VND                   | VND               | VND                  | VND               |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                   |                      |                   |
| - Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)                  | 5.354.592.230         | -                 | 5.354.592.230        | -                 |
| - Phải thu tiền giá vốn vé máy bay khách hàng đã đặt mua nhưng chưa bay | 98.761.427            | -                 | 1.814.800.391        | -                 |
| - Phải thu người lao động tiền tạm ứng                                  | 285.576.243           | 70.183.000        | 127.516.379          | 70.183.000        |
| - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Chè Ngọc Bảo   | 18.196.180.000        | -                 | -                    | -                 |
| - Phải thu Công ty CP Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh         | 3.223.596.551         | -                 | -                    | -                 |
| - Phải thu khác   | 2.349.115.337         | -                 | 1.627.945.166        | -                 |
|   | <b>29.507.821.788</b> | <b>70.183.000</b> | <b>8.924.854.166</b> | <b>70.183.000</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                   |                      |                   |
| - Ký cược, ký quỹ   | 4.312.576.800         | -                 | 4.250.576.800        | -                 |
|   | <b>4.312.576.800</b>  | <b>-</b>          | <b>4.250.576.800</b> | <b>-</b>          |

(\*) Khoản phải thu về số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

**8. NỢ XẤU**

|  | 31/12/2016        |                        | 01/01/2016        |                        |
|--|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
|  | Giá gốc           | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc           | Giá trị có thể thu hồi |
|  | VND               | VND                    | VND               | VND                    |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi |                   |                        |                   |                        |
| + Thái Huy Cường   | 39.183.000        | -                      | 39.183.000        | -                      |
| + Phạm Thị Thanh   | 20.000.000        | -                      | 20.000.000        | -                      |
| + Hà Thuận An  | 7.000.000         | -                      | 7.000.000         | -                      |
| + Phạm Ngọc Châu   | 4.000.000         | -                      | 4.000.000         | -                      |
|  | <b>70.183.000</b> | <b>-</b>               | <b>70.183.000</b> | <b>-</b>               |

**9. HÀNG TỒN KHO**

|                         | 31/12/2016           |          | 01/01/2016         |          |
|-------------------------|----------------------|----------|--------------------|----------|
|                         | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc            | Dự phòng |
|                         | VND                  | VND      | VND                | VND      |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 183.627.231          | -        | 294.588.437        | -        |
| - Công cụ, dụng cụ      | 858.066.811          | -        | 365.053.100        | -        |
| - Hàng hóa              | -                    | -        | 197.388.478        | -        |
|                         | <b>1.041.694.042</b> | <b>-</b> | <b>857.030.015</b> | <b>-</b> |

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪ DANG

|  | 31/12/2016 | 01/01/2016            |
|--|------------|-----------------------|
|  | VND        | VND                   |
| + Dự án đầu tư khách sạn Golf 1 Đà Lạt <sup>(1)</sup>          | -          | 25.534.093.368        |
| + Dự án sửa chữa cải tạo khách sạn Golf Cần Thơ <sup>(2)</sup> | -          | 30.513.896.836        |
|  | <u>-</u>   | <u>56.047.990.204</u> |

(1) Dự án đầu tư Khách sạn Golf 1 Đà Lạt bao gồm các chi phí chuẩn bị đầu tư (chi phí thuê đất một lần, thiết kế), chi phí lãi vay trả tiền thuê đất một lần, chi phí bồi thường khi thanh lý hợp đồng thuê đất cũ trước hạn... Dự án đã được góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1, đồng thời Công ty CP Du lịch Thành Thành Công đã ký thỏa thuận chuyển nhượng phần vốn góp này cho bà Viên Diệu Hoa, giá bán là 52 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2016, bà Viên Diệu Hoa đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng tương đương 26 tỷ đồng (xem chi tiết tại thuyết minh số 16).

(2) Dự án cải tạo, nâng cấp Khách sạn Golf Cần Thơ đã đi vào hoạt động quý 4 năm 2016.

II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|   | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | TSCD dùng<br>trong quản lý | TSCD hữu hình<br>khác | Cộng            |
|---|---------------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------|
|   | VND                       | VND                  | VND                                | VND                        | VND                   | VND             |
| Nguyên giá  |                           |                      |                                    |                            |                       |                 |
| Số dư đầu năm   | 53.084.684.571            | 2.156.475.529        | 3.782.637.467                      | 1.641.611.382              | -                     | 60.665.408.949  |
| - Mua trong năm                                       | 78.158.718                | 4.651.443.579        | 2.935.847.350                      | 375.078.982                | 703.929.460           | 8.744.458.089   |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành                             | 52.997.402.325            | -                    | -                                  | -                          | -                     | 52.997.402.325  |
| - Nhận điều chuyển tài sản từ<br>công ty con 100% vốn | 28.198.106.922            | 1.369.756.180        | -                                  | -                          | -                     | 29.567.863.102  |
| - Thanh lý, nhượng bán                                | -                         | -                    | (554.504.300)                      | -                          | -                     | (554.504.300)   |
| - Đầu tư góp vốn (*)                                  | (7.587.078.479)           | (450.114.024)        | -                                  | -                          | -                     | (8.037.192.503) |
| Số dư cuối năm  | 126.771.274.057           | 7.727.561.264        | 6.163.980.517                      | 2.016.690.364              | 703.929.460           | 143.383.435.662 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                |                           |                      |                                    |                            |                       |                 |
| Số dư đầu năm   | 20.313.820.804            | 1.591.901.661        | 1.651.881.271                      | 1.434.748.236              | -                     | 24.992.351.972  |
| - Khấu hao trong năm                                  | 2.704.942.434             | 486.482.755          | 594.897.613                        | 72.172.092                 | 305.310.312           | 4.163.805.206   |
| - Nhận điều chuyển tài sản từ<br>công ty con 100% vốn | 19.037.177.696            | 1.111.128.938        | -                                  | -                          | -                     | 20.148.306.634  |
| - Thanh lý, nhượng bán                                | -                         | -                    | (467.862.970)                      | -                          | -                     | (467.862.970)   |
| - Đầu tư góp vốn (*)                                  | (5.856.236.003)           | (450.114.024)        | -                                  | -                          | -                     | (6.306.350.027) |
| Số dư cuối năm  | 36.199.704.931            | 2.739.399.330        | 1.778.915.914                      | 1.506.920.328              | 305.310.312           | 42.530.250.815  |
| Giá trị còn lại                                       |                           |                      |                                    |                            |                       |                 |
| Tại ngày đầu năm                                      | 32.770.863.767            | 564.573.868          | 2.130.756.196                      | 206.863.146                | -                     | 35.673.056.977  |
| Tại ngày cuối năm                                     | 90.571.569.126            | 4.988.161.934        | 4.385.064.603                      | 509.770.036                | 398.619.148           | 100.853.184.847 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.472.064.640 đồng

(\*) Đây là giá trị tài sản Khách sạn Golf 1 được Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo Tờ trình đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị (Chi tiết xem Thuyết minh số 4).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|  | Quyền sử dụng đất     | Chương trình phần mềm | TSCĐ vô hình khác  | Cộng                  |
|--|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   | VND                | VND                   |
| Nguyên giá   |                       |                       |                    |                       |
| Số dư đầu năm                                      | 65.887.626.817        | -                     | -                  | 65.887.626.817        |
| - Mua trong năm                                    | -                     | 171.000.000           | 345.006.268        | 516.006.268           |
| - Nhận điều chuyển tài sản từ công ty con 100% vốn | -                     | 125.000.000           | -                  | 125.000.000           |
| - Đầu tư góp vốn (*)                               | (26.995.200.000)      | -                     | -                  | (26.995.200.000)      |
| <b>Số dư cuối năm</b>                              | <b>38.892.426.817</b> | <b>296.000.000</b>    | <b>345.006.268</b> | <b>39.533.433.085</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế                             |                       |                       |                    |                       |
| Số dư đầu năm                                      | 9.364.264.127         | -                     | -                  | 9.364.264.127         |
| - Khấu hao trong năm                               | 1.399.985.676         | 26.277.783            | 28.750.521         | 1.455.013.980         |
| - Nhận điều chuyển tài sản từ công ty con 100% vốn | -                     | 1.805.555             | -                  | 1.805.555             |
| - Đầu tư góp vốn (*)                               | (4.791.648.000)       | -                     | -                  | (4.791.648.000)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>                              | <b>9.364.264.127</b>  | <b>28.083.338</b>     | <b>28.750.521</b>  | <b>6.029.435.662</b>  |
| Giá trị còn lại                                    |                       |                       |                    |                       |
| Tại ngày đầu năm                                   | 56.523.362.690        | -                     | -                  | 56.523.362.690        |
| Tại ngày cuối năm                                  | 29.528.162.690        | 267.916.662           | 316.255.747        | 33.503.997.423        |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.503.997.423 đồng.  
(\*) Đây là giá trị tài sản Khách sạn Golf 1 được Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo Tờ trình đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị (Chi tiết xem Thuyết minh số 4).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|   | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| a) Ngắn hạn                             |                      |                      |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 175.757.798          | 1.537.872.048        |
| - Chi phí sửa chữa, bảo trì             | 62.148.483           | 141.621.300          |
| - Chi phí phần mềm máy tính             | 8.333.334            | -                    |
| - Các khoản khác                        | 276.698.611          | 88.200.917           |
|   | <b>522.938.226</b>   | <b>1.767.694.265</b> |
| b) Dài hạn                              |                      |                      |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 1.598.367.199        | 2.740.272.662        |
| - Chi phí thuê đất                      | 239.999.616          | 1.230.000.315        |
| - Chi phí phần mềm máy tính             | 27.583.328           | 71.729.114           |
| - Chi phí làm phim quảng cáo            | 448.989.899          | -                    |
| - Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 1.596.262.095        | 2.066.906.035        |
|   | <b>3.911.202.137</b> | <b>6.108.908.126</b> |

- (6) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5364/16/HĐTDHM-DN/004 ngày 20/10/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:  
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán vé máy bay Vietjet air  
+ Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 20/10/2016;  
+ Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ  
+ Phương thức bảo đảm: Tin chấp  
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 500.000.0000 đồng.

**Thông tin khoản vay dài hạn**

- (7) Hợp đồng cho vay số 255/2016/HĐTD/DTA/01 ngày 29/12/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:  
+ Mục đích vay: Mua xe TOYOTA phục vụ mục đích vận tải nội bộ;  
+ Thời hạn vay: 60 tháng;  
+ Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ  
+ Phương thức bảo đảm: Tin chấp.  
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 990.000.0000 đồng; Trong đó: Nợ đến hạn trả là 198.000.000 đồng.

- (8) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk gồm 4 hợp đồng tín dụng cụ thể: HĐ số 0064.02/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.03/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.04/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015, Hợp đồng 0104/2016/HĐTD-DN ngày 30/06/2016. Với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 61.500.000.000 đồng;  
+ Mục đích vay: sửa chữa, nâng cấp khách sạn Thành Công tại Đà Lạt; Cần Thơ  
+ Thời hạn cho vay: từ 60 tháng đến 120 tháng;  
+ Lãi suất cho vay: 8,5%/năm cố định trong 6 tháng đầu, từ tháng 7 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;  
+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là quyền sử dụng đất tại Phường 2-TP Đà Lạt (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008;  
+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 61.630.037.757 đồng; Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2016 là 9.691.186.344 đồng.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2016            |                       | 01/01/2016            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                       |                       |                       |                       |
| - Công ty CP Đầu tư Kiến trúc XD Toàn Thịnh Phát                  | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận                         | 697.993.000           | 697.993.000           | -                     | -                     |
| - Chi nhánh Công ty CP Du lịch Thắng Lợi                          | 5.785.576.223         | 5.785.576.223         | 113.672.000           | 113.672.000           |
| - Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công                              | 793.373.742           | 793.373.742           | 3.044.999             | 3.044.999             |
| - Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Đặng Gia                  | 656.039.317           | 656.039.317           | -                     | -                     |
| - Công ty CP Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh                 | 772.069.000           | 772.069.000           | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ thuật xây dựng Toàn Thịnh Phát              | -                     | -                     | 5.125.932.373         | 5.125.932.373         |
| - Châu Thị Vân  | -                     | -                     | 12.411.590.000        | 12.411.590.000        |
| - Phải trả các đối tượng khác                                     | 3.001.800.326         | 3.001.800.326         | 1.182.126.904         | 1.182.126.904         |
|   | <b>13.336.323.209</b> | <b>13.336.323.209</b> | <b>18.836.366.276</b> | <b>18.836.366.276</b> |

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

|   | <u>31/12/2016</u>     | <u>01/01/2016</u>    |
|---|-----------------------|----------------------|
|   | VND                   | VND                  |
| - Công ty Cổ phần Đại Nam                 | -                     | 2.248.398.400        |
| - Bà Viên Diệu Hoa                        | 26.000.000.000        | -                    |
| - Công ty TNHH Thương mại Ngọc Hân Vy     | -                     | 123.100.000          |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác | 2.115.119.113         | 898.970.294          |
|   | <u>28.115.119.113</u> | <u>3.270.468.694</u> |



17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|  | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm | VND                  | VND | VND | VND | VND |
|--|---------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----|-----|-----|-----|
| - Thuế giá trị gia tăng                            | 465.219.929         | -                     | 663.292.806              | 67.575.351           | -                    | 130.497.526          |     |     |     |     |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt                           | -                   | 49.232.516            | 45.606.062               | 49.232.517           | -                    | 45.606.061           |     |     |     |     |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 157.228.657         | -                     | 2.567.114.257            | -                    | -                    | 2.409.885.600        |     |     |     |     |
| - Thuế thu nhập cá nhân                            | -                   | 149.814.985           | 617.114.215              | 528.488.517          | -                    | 238.440.683          |     |     |     |     |
| - Thuế nhà đất, tiền thuế đất                      | -                   | -                     | 139.412.600              | 139.412.600          | -                    | -                    |     |     |     |     |
| - Các loại thuế khác                               | -                   | -                     | 6.000.000                | 6.000.000            | -                    | -                    |     |     |     |     |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                   | -                     | 3.000.000                | 3.000.000            | -                    | -                    |     |     |     |     |
|  | <b>622.448.586</b>  | <b>199.047.501</b>    | <b>4.041.539.940</b>     | <b>793.708.985</b>   | <b>-</b>             | <b>2.824.429.870</b> |     |     |     |     |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi tìco quyết định của cơ quan thuế.



**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                         | 31/12/2016         | 01/01/2016         |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
|                         | VND                | VND                |
| - Chi phí lãi vay       | 109.077.436        | 377.054.724        |
| - Chi phí phải trả khác | 10.165.495         | 39.701.886         |
|                         | <b>119.242.931</b> | <b>416.756.610</b> |

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

|   | 31/12/2016            | 01/01/2016            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết   | 9.194.660             | 9.194.660             |
| - Kinh phí công đoàn  | 148.679.679           | 89.564.843            |
| - Bảo hiểm xã hội   | -                     | 60.478.869            |
| - Bảo hiểm thất nghiệp  | -                     | 45.769.719            |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn   | 34.112.598            | 34.112.598            |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả  | 8.132.524.541         | 8.132.524.541         |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác  | 32.662.340.920        | 11.606.638.511        |
| + Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt tiền chi hộ   | 5.654.020.412         | 5.662.328.047         |
| + Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt giá trị còn lại tài sản bàn giao từ công ty con 100% vốn cho công ty mẹ           | 11.690.384.304        | -                     |
| + Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ  | 4.671.130.250         | 2.959.300.882         |
| + Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam thu nhập từ đền bù phá vỡ hợp đồng của Công ty CP cấp thoát nước Quảng Nam | -                     | 1.650.000.000         |
| + Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng                         | 6.900.280.000         | -                     |
| + Công ty CP Du Lịch Thăng Lợi  | 1.152.560.537         | -                     |
| + Phải trả khác   | 2.593.965.417         | 1.335.009.582         |
|   | <b>40.986.852.398</b> | <b>19.978.283.741</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                       |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn  | 917.770.000           | 917.770.000           |
|   | <b>917.770.000</b>    | <b>917.770.000</b>    |

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2016         | 01/01/2016 |
|---|--------------------|------------|
|   | VND                | VND        |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động tour                 | 92.963.638         | -          |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn | 291.100.000        | -          |
|   | <b>384.063.638</b> | <b>-</b>   |

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

|                      | Vốn đầu tư<br>của Chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>chưa phân phối | Cộng            |
|----------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------|
|                      | VND                          | VND                     | VND                      | VND                         | VND             |
| Số dư đầu năm trước  | 130.000.000.000              | 910.000.000             | 6.719.655.738            | (492.652.830)               | 137.137.002.908 |
| Lãi trong năm trước  | -                            | -                       | -                        | 307.753.724                 | 307.753.724     |
| Số dư cuối năm trước | 130.000.000.000              | 910.000.000             | 6.719.655.738            | (184.899.106)               | 137.444.756.632 |
| Số dư đầu năm nay    | 130.000.000.000              | 910.000.000             | 6.719.655.738            | (184.899.106)               | 137.444.756.632 |
| Lãi trong năm nay    | -                            | -                       | -                        | 7.605.225.190               | 7.605.225.190   |
| Số dư cuối năm nay   | 130.000.000.000              | 910.000.000             | 6.719.655.738            | 7.420.326.084               | 145.049.981.822 |

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                    | Cuối năm        | Tỷ lệ  | Đầu năm         | Tỷ lệ  |
|------------------------------------|-----------------|--------|-----------------|--------|
|                                    | VND             | %      | VND             | %      |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công | 51.051.000.000  | 39,27% | 51.051.000.000  | 39,27% |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi  | -               | 0,00%  | 32.370.000.000  | 24,90% |
| Bà Tạ Thị Phương Trang             | 9.350.400.000   | 7,19%  | 20.085.000.000  | 15,45% |
| Các cổ đông khác                   | 69.598.600.000  | 53,54% | 26.494.000.000  | 20,38% |
|                                    | 130.000.000.000 | 100%   | 130.000.000.000 | 100%   |

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                           | Năm 2016        | Năm 2015        |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
|                           | VND             | VND             |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| - Vốn góp đầu năm         | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm  | -               | -               |
| - Vốn góp giảm trong năm  | -               | -               |
| - Vốn góp cuối năm        | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |

### d) Cổ phiếu

|  | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 13.000.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 13.000.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): | 10.000     | 10.000     |

e) Các quỹ của Công ty

|                         | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
|                         | VND                  | VND                  |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 6.719.655.738        | 6.719.655.738        |
|                         | <u>6.719.655.738</u> | <u>6.719.655.738</u> |

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

|            | Đơn vị tính | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|-------------|------------|------------|
| - Đô la Mỹ | USD         | 1.200      | 2.544      |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

|                          | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
|                          | VND                  | VND                  |
| - Huỳnh Bá Phụng         | 235.000.559          | 235.000.559          |
| - Ngô Đình Long          | 207.057.168          | 207.057.168          |
| - Nhà Máy Điện Hậu Giang | 89.430.165           | 89.430.165           |
| - Trần Ngọc Nam          | 86.575.232           | 86.575.232           |
| - Các đối tượng khác     | 648.525.212          | 639.001.270          |
|                          | <u>1.266.588.336</u> | <u>1.257.064.394</u> |

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                 | Năm 2016               | Năm 2015              |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                 | VND                    | VND                   |
| Doanh thu bán hàng              | 663.218.698            | 3.011.998.960         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ      | 121.049.956.493        | 39.150.054.171        |
| Doanh thu hàng hóa bất động sản | -                      | 1.700.000.000         |
|                                 | <u>121.713.175.191</u> | <u>43.862.053.131</u> |

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

|             |   |
|-------------|---|
| 209.865.272 | - |
|-------------|---|

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                                 | Năm 2016               | Năm 2015              |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                 | VND                    | VND                   |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 471.229.642            | 2.738.671.535         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 102.615.394.911        | 39.527.243.468        |
| Giá vốn hàng hóa Bất động sản   | -                      | 1.294.686.011         |
|                                 | <u>103.086.624.553</u> | <u>43.560.601.014</u> |

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|  | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                                       | 44.324.002            | 42.417.104            |
| Lãi bán phần vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam | 8.500.000.000         | 16.380.000.000        |
| Lãi bán phần vốn góp Công ty TNHH Chè Ngọc Bảo                   | 11.295.900.000        | -                     |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                        | 255.798               | 2.520                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm             | -                     | 5.077.525             |
| Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh              | 778.577.003           | 3.728.174.550         |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                               | 22.187.592            | 642.229               |
|  | <b>20.641.244.395</b> | <b>20.156.313.928</b> |

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND      |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay  | 7.643.181.958        | 4.546.152.749        |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính                   | -                    | 608.516.000          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                    | 8.421.731            | -                    |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 119.810.270          | 1.513.436.939        |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư đã thanh lý             | (2.669.712.239)      | -                    |
| Chi phí tài chính khác                                      | 55.066.879           | -                    |
|   | <b>5.156.768.599</b> | <b>6.668.105.688</b> |

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                  | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 18.684.437           | 5.498.363            |
| Chi phí nhân công                | 4.311.966.236        | 1.144.749.334        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 45.269.871           | -                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.419.159.128        | 321.269.923          |
| Chi phí khác bằng tiền           | 904.698.519          | 231.825.869          |
|                                  | <b>6.699.778.191</b> | <b>1.703.343.489</b> |

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.247.448.823         | 69.990.539            |
| Chi phí nhân công                | 9.438.606.891         | 6.955.207.924         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.507.746.782         | 616.894.412           |
| Chi phí dự phòng                 | -                     | 68.930.917            |
| Thuế, phí, và lệ phí             | 201.776.509           | 31.762.226            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.419.752.693         | 1.674.033.233         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 4.625.747.072         | 3.347.543.470         |
|                                  | <b>18.441.078.770</b> | <b>12.764.362.721</b> |

29. THU NHẬP KHÁC

|  | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND      |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 199.722.306          | 108.230.503          |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ             | 5.188.282.005        | 493.609.894          |
| Tiền phạt thu được từ bồi thường                 | 305.241.277          | 115.256.378          |
| Xử lý công nợ không phải trả Công ty Quảng Nam   | 1.650.000.000        | -                    |
| Thu nhập từ điện nước dịch vụ cho thuê mặt bằng  | -                    | 705.460.921          |
| Thu nhập khác                                    | 170.653.531          | 493.012.721          |
|  | <b>7.513.899.119</b> | <b>1.915.570.417</b> |

30. CHI PHÍ KHÁC

|   | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND    |
|---|----------------------|--------------------|
| Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ                     | 5.163.561.918        | -                  |
| Chi tiền làm từ thiện                                   | 300.000.000          | -                  |
| Đền bù cho bên thuê mặt bằng do thanh lý trước thời hạn | -                    | 549.999.994        |
| Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy  | 273.749.390          | -                  |
| Gia hạn dự án Golf                                      | 395.486.000          | -                  |
| Chi phí khác  | 178.931.837          | 186.055.822        |
|   | <b>6.311.729.145</b> | <b>736.055.816</b> |

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|  | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND      |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>   |                      |                      |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN   | 10.172.339.447       | 96.154.759           |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | 2.663.231.837        | 240.054.838          |
| - Chi phí không hợp lệ   | 2.663.231.837        | 240.054.838          |
| Thu nhập chịu thuế TNDN  | 12.835.571.284       | 336.209.597          |
| Thuế suất thuế TNDN  | 20%                  | 22%                  |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | -                    | 30.579.835           |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành  | <b>2.567.114.257</b> | <b>104.545.946</b>   |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm   | (157.228.657)        | (261.774.603)        |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm   | -                    | -                    |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính  | <b>2.409.885.600</b> | <b>(157.228.657)</b> |
| <i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>  |                      |                      |
| Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản                                      | -                    | 405.313.989          |
| Thu nhập chịu thuế TNDN  | -                    | 405.313.989          |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành  | -                    | <b>89.169.078</b>    |

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)**

|  | Năm 2016             | Năm 2015             |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm của H&KĐ bất động sản             | -                    | -                    |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm của H&KĐ bất động sản             | -                    | (89.169.078)         |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của H&amp;KĐ bất động sản</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>             |
| Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành                             | 2.567.114.257        | 193.715.024          |
| <b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>                      | <b>2.409.885.600</b> | <b>(157.228.657)</b> |

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|   | Năm 2016               | Năm 2015              |
|---|------------------------|-----------------------|
|   | VND                    | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu           | 1.548.631.426          | 7.601.161.402         |
| Chi phí nhân công                       | 13.750.573.127         | 11.952.987.166        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định        | 5.618.819.186          | 3.328.381.836         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài               | 96.549.418.279         | 31.135.697.484        |
| Chi phí khác bằng tiền                  | 10.288.809.854         | 3.557.726.113         |
| <b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b> | <b>127.756.251.872</b> | <b>57.575.954.001</b> |

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    | Giá trị sổ kế toán    |                     |                       |                     |
|------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
|                                    | 31/12/2016            |                     | 01/01/2016            |                     |
|                                    | Giá gốc               | Dự phòng            | Giá gốc               | Dự phòng            |
|                                    | VND                   | VND                 | VND                   | VND                 |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                       |                     |                       |                     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.718.660.357         | -                   | 2.787.155.905         | -                   |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 39.311.140.456        | (70.183.000)        | 18.946.996.129        | (70.183.000)        |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 50.626.000.000        | -                   | -                     | -                   |
| <b>Tổng tài sản tài chính</b>      | <b>95.655.800.813</b> | <b>(70.183.000)</b> | <b>21.734.152.034</b> | <b>(70.183.000)</b> |

|                                   | Giá trị sổ kế toán     |                        |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|                                   | VND                    | VND                    |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>      |                        |                        |
| Vay và nợ                         | 100.394.649.723        | 106.780.753.442        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 55.240.945.607         | 39.732.420.017         |
| Chi phí phải trả                  | 119.242.931            | 416.756.610            |
| <b>Tổng nợ phải trả tài chính</b> | <b>155.754.838.261</b> | <b>146.929.930.069</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm trở xuống    | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2016                | VND                   | VND                  | VND        | VND                   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.718.660.357         | -                    | -          | 5.718.660.357         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 34.928.380.656        | 4.312.576.800        | -          | 39.240.957.456        |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 50.626.000.000        | -                    | -          | 50.626.000.000        |
|                                    | <b>91.273.041.013</b> | <b>4.312.576.800</b> | <b>-</b>   | <b>95.585.617.813</b> |
| Tại ngày 01/01/2016                |                       |                      |            |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.787.155.905         | -                    | -          | 2.787.155.905         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 14.626.236.329        | 4.250.576.800        | -          | 18.876.813.129        |
|                                    | <b>17.413.392.234</b> | <b>4.250.576.800</b> | <b>-</b>   | <b>21.663.969.034</b> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm            | Cộng                   |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016               | VND                    | VND                  | VND                   | VND                    |
| Vay và nợ                         | 47.663.798.310         | -                    | 52.730.851.413        | 100.394.649.723        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 54.323.175.607         | 917.770.000          | -                     | 55.240.945.607         |
| Chi phí phải trả                  | 119.242.931            | -                    | -                     | 119.242.931            |
|                                   | <b>102.106.216.848</b> | <b>917.770.000</b>   | <b>52.730.851.413</b> | <b>155.754.838.261</b> |

CI  
TACHU  
ING  
A



Tại ngày 01/01/2016

|                                   |                        |                    |                       |                        |
|-----------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
| Vay và nợ                         | 62.233.524.243         | -                  | 44.547.229.199        | 106.780.753.442        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 38.814.650.017         | 917.770.000        | -                     | 39.732.420.017         |
| Chi phí phải trả                  | 416.756.610            | -                  | -                     | 416.756.610            |
|                                   | <b>101.464.930.870</b> | <b>917.770.000</b> | <b>44.547.229.199</b> | <b>146.929.930.069</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG

|   | Năm 2016         | Năm 2015         |
|---|------------------|------------------|
|   | VND              | VND              |
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm          |                  |                  |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;  | 90.662.656.039   | 116.354.325.262  |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm      |                  |                  |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; | (97.048.759.758) | (48.373.571.820) |

#### 35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 03/01/2017, Công ty đã thông báo Bán cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chào bán 62.205.000 cổ phần, tổng giá trị chào bán là 622.050.000.000 đồng. Công ty cam kết việc tăng vốn sẽ thành công để thực hiện đầu tư vào 4 Công ty mục tiêu theo hình thức mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu. Các Công ty mục tiêu là Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty CP Du lịch Thăng Lợi, Công ty CP Du lịch Thanh Bình, Công ty CP Du lịch Bến Tre.

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Chế Ngọc Bảo cho đối tác với giá chuyển nhượng là 18.396.180.000 đồng. Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Chế Ngọc Bảo này trong Quý I năm 2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

#### 36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

#### 37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

|  | Mối quan hệ | Năm 2016    | Năm 2015 |
|--|-------------|-------------|----------|
|  |             | VND         | VND      |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 209.865.272 | -        |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công     | Cổ đông lớn | 31.722.727  | -        |
| Công ty CP Du lịch Bến Tre             | Công ty con | 167.471.727 | -        |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt   | Công ty con | 10.670.818  | -        |
| Chi phí sử dụng dịch vụ                |             | 540.853.044 | -        |
| Công ty CP Du lịch Bến Tre             | Công ty con | 540.853.044 | -        |
| Lãi vay phát sinh                      |             | 92.775.000  | -        |
| Công ty CP Du lịch Bến Tre             | Công ty con | 92.775.000  | -        |

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

|                                      | Mối quan hệ | 31/12/2016     | 01/01/2016    |
|--------------------------------------|-------------|----------------|---------------|
|                                      |             | VND            | VND           |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng         |             | 311.473.466    | 657.141.633   |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công   | Cổ đông lớn | 311.473.466    | 647.241.633   |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Công ty con | -              | 9.900.000     |
| Phải thu khác ngắn hạn               |             | 5.676.898.012  | 5.662.328.047 |
| Công ty CP Du lịch Bến Tre.          | Công ty con | 22.877.600     | -             |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Công ty con | 5.654.020.412  | 5.662.328.047 |
| Phải trả cho người bán ngắn hạn      |             | 1.639.330.970  | 3.044.999     |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công   | Cổ đông lớn | 1.170.960.622  | 3.044.999     |
| Công ty CP Du lịch Bến Tre.          | Công ty con | 468.370.348    | -             |
| Phải trả khác ngắn hạn               |             | 11.732.934.304 | 23.988.470    |
| Công ty CP Du Lịch Bến Tre           | Công ty con | 42.550.000     | -             |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Công ty con | 11.690.384.304 | 23.988.470    |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|                                   | Năm 2016    | Năm 2015      |
|-----------------------------------|-------------|---------------|
|                                   | VND         | VND           |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT | 801.570.014 | 1.712.670.081 |

### 38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Nguyễn Thái Hà



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính 0000082

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày...03...tháng...01...năm 2018

Phó Chủ tịch UBND P.1, Q.Tân Bình



*Bùi Hoàng Lộc*

**NỘI DUNG**

|   | Trang   |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty              | 02 - 03 |
| Báo cáo Kiểm toán độc lập                     | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  | 06 - 41 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 06 - 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 09      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 10 - 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất        | 12 - 41 |

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |              |                               |
|----------------------------|--------------|-------------------------------|
| Bà: Tsan Quay Liang        | Chủ tịch     |                               |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch |                               |
| Bà: Nguyễn Thái Hà         | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm từ ngày 19/12/2016   |
| Ông: Trần Mến              | Thành viên   | Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016   |
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Thành viên   | Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016   |
| Ông: Nguyễn Cường Dũng     | Thành viên   | Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016   |
| Ông: Nguyễn Phong Phú      | Thành viên   | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016 |
| Bà: Dương Thục Linh        | Thành viên   | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016 |
| Ông: Trần Hoàng Anh        | Thành viên   | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016 |

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |                    |                               |
|----------------------------|--------------------|-------------------------------|
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Tổng Giám đốc      | Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2016   |
| Bà: Hồ Nguyễn Duy Khương   | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm từ ngày 04/07/2016   |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm từ ngày 04/07/2016   |
| Ông: Đặng Đình Nam         | Phó Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm từ ngày 04/07/2016 |
| Bà: Dương Thục Linh        | Phó Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2016 |
| Bà: Nguyễn Thị Huệ Trích   | Giám đốc Tài chính | Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2016   |
| Bà: Lê Thị Mộng Thu        | Giám đốc Tài chính | Miễn nhiệm từ ngày 27/06/2016 |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                             |            |  |
|-----------------------------|------------|--|
| Ông: Hoàng Mạnh Tiến        | Trưởng ban | Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016                        |
| Bà: Phạm Ngọc Thanh Mai     | Thành viên | Trưởng ban kiểm soát từ ngày 01/01/16 đến 29/05/16 |
| Bà: Nguyễn Trần Hằng Phương | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016                        |
| Ông: Nguyễn Công Khanh      | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016                        |
| Bà: Lưu Đặng Mỹ Quỳnh       | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016                      |
| Bà: Bùi Thị Thủy Hằng       | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016                      |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

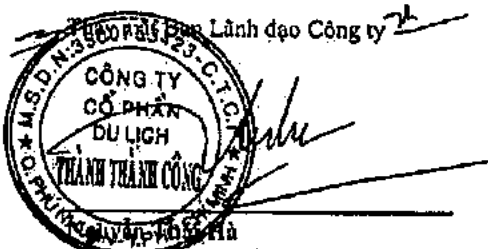
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Số: 1290 /2017/BC.KTTC-AASC.KT7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty  
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Lo Phung Hiou, Hanoi, Vietnam A member of HIR International

3  
1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 - Sự kiện phát sinh sau niên độ, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Chè Ngọc Bảo và hoàn tất các thủ tục pháp lý trong năm 2017.



Cát Thị Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2013-002-1  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Ngọc Lân  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1427-2013-002-1

Nguyễn Ngọc Lân



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
|       |   |             | VND                    | VND                    |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | <b>158.618.667.354</b> | <b>92.288.678.679</b>  |
| 110   | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 03          | 8.342.084.429          | 8.174.539.186          |
| 111   | I. Tiền                                     |             | 8.342.084.429          | 8.174.539.186          |
| 120   | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 04          | 50.626.000.000         | 2.250.000.000          |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                   |             | 50.626.000.000         | -                      |
| 123   | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          |             | -                      | 2.250.000.000          |
| 130   | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 93.233.731.166         | 50.537.822.486         |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 05          | 12.984.647.247         | 10.838.209.165         |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 06          | 7.115.278.993          | 16.197.731.339         |
| 135   | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn             |             | 4.900.000.000          | 10.800.000.000         |
| 136   | 4. Phải thu ngắn hạn khác                   | 08          | 68.433.863.975         | 13.583.851.351         |
| 137   | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       |             | (218.818.542)          | (881.969.369)          |
| 139   | 6. Tài sản thiếu chờ xử lý                  |             | 18.759.493             | -                      |
| 140   | IV. Hàng tồn kho                            | 10          | 1.220.986.042          | 23.026.999.534         |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                             |             | 1.220.986.042          | 23.026.999.534         |
| 150   | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 5.195.865.717          | 8.299.317.473          |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 14          | 1.838.200.533          | 2.695.785.103          |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  |             | 3.357.516.520          | 4.424.943.729          |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 19          | 148.664                | 1.178.588.641          |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | <b>257.769.518.119</b> | <b>300.602.557.078</b> |
| 210   | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | 4.378.403.286          | 5.149.086.894          |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 08          | 4.378.403.286          | 5.149.086.894          |
| 220   | II. Tài sản cố định                         |             | 201.317.179.122        | 171.624.023.801        |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 12          | 167.761.689.275        | 113.714.514.408        |
| 222   | - Nguyên giá                                |             | 224.136.893.911        | 173.007.039.063        |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (56.375.204.636)       | (59.292.524.655)       |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                  | 13          | 33.555.489.847         | 57.909.509.393         |
| 228   | - Nguyên giá                                |             | 39.614.342.176         | 67.421.198.808         |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (6.058.852.329)        | (9.511.689.415)        |
| 240   | IV. Tài sản dở dang dài hạn                 |             | 967.018.837            | 61.443.179.308         |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          | 11          | 967.018.837            | 61.443.179.308         |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN                                    | Thuyết minh | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                    | VND                    |
| 250   | V. Đầu tư tài chính dài hạn                | 04          | 22.656.055.090         | 22.811.048.349         |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết |             | 22.633.145.090         | 22.788.138.349         |
| 253   | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác          |             | 22.910.000             | 22.910.000             |
| 260   | VI. Tài sản dài hạn khác                   |             | 28.450.861.784         | 39.575.218.726         |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn               | 14          | 11.610.889.880         | 20.846.651.842         |
| 269   | 2. Lợi thế thương mại                      | 15          | 16.839.971.904         | 18.728.566.884         |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                   |             | <b>416.388.185.473</b> | <b>392.891.235.757</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(tiếp theo)

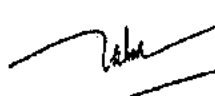
| Mã số | NGUỒN VỐN                                     |                           |                        |
|-------|---|---------------------------|------------------------|
|       |   | 31/12/2016<br>VND         | 01/01/2016<br>VND      |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>236.915.313.464</b>    | <b>219.425.028.806</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>151.108.821.561</b>    | <b>137.588.893.380</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 17 13.098.119.684         | 34.292.283.233         |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 18 28.115.619.113         | 4.750.867.267          |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 19 3.870.182.209          | 1.706.352.963          |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                    | 2.114.840                 | 215.258.445            |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 20 997.894.719            | 785.124.328            |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          | 22 515.486.850            | 102.745.453            |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                     | 21 52.548.044.078         | 13.292.134.141         |
| 320   | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 16 51.961.360.068         | 82.180.010.179         |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   | -                         | 264.117.371            |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>85.806.491.903</b>     | <b>81.836.135.426</b>  |
| 337   | 1. Phải trả dài hạn khác                      | 21 930.670.000            | 984.670.000            |
| 338   | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 16 84.346.942.511         | 80.251.079.301         |
| 341   | 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 34 528.879.392            | 600.386.125            |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>179.472.872.009</b>    | <b>173.466.206.951</b> |
| 410   | <b>1. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>23 179.472.872.009</b> | <b>173.466.206.951</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     | 130.000.000.000           | 130.000.000.000        |
| 411a  | Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết         | 130.000.000.000           | 130.000.000.000        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 910.000.000               | 910.000.000            |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                      | 6.719.655.738             | 6.719.655.738          |
| 421   | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 10.100.273.319            | 4.242.721.821          |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 4.242.721.821             | 1.715.280.267          |
| 421b  | LNST chưa phân phối năm nay                   | 5.857.551.498             | 2.527.441.554          |
| 429   | 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát            | 31.742.942.952            | 31.593.829.392         |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>416.388.185.473</b>    | <b>392.891.235.757</b> |

Người lập biểu



Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Võ Văn Thái Hà

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2016             | Năm 2015             |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
|       |  |             | VND                  | VND                  |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 25          | 247.567.511.402      | 87.958.996.769       |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        |             | -                    | -                    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     |             | 247.567.511.402      | 87.958.996.769       |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                    | 26          | 225.378.797.938      | 81.242.095.950       |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       |             | 22.188.713.464       | 6.716.900.819        |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 27          | 33.141.953.341       | 20.642.663.125       |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                   | 28          | 11.548.110.745       | 5.089.045.429        |
| 23    | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                       |             | 11.374.381.458       | 5.088.719.242        |
| 24    | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |             | (89.235.738)         | 624.537.767          |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                    | 29          | 7.450.840.486        | 3.259.616.050        |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 30          | 27.573.580.612       | 17.871.373.720       |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            |             | 8.668.899.224        | 1.764.066.512        |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                      | 31          | 18.663.909.640       | 2.696.767.851        |
| 32    | 13. Chi phí khác                                       | 32          | 17.537.550.617       | 1.395.997.282        |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác                                     |             | 1.126.359.023        | 1.300.770.569        |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  |             | 9.795.258.247        | 3.064.837.081        |
| 51    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 33          | 3.764.631.135        | 276.169.583          |
| 52    | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 34          | 23.962.054           | 587.336.693          |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           |             | <u>6.006.665.058</u> | <u>2.201.330.805</u> |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                  |             | 5.857.551.498        | 2.527.441.554        |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     |             | 149.113.560          | (326.110.749)        |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 35          | 451                  | 194                  |

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Hồng Văn



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thái Hà

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp giá trị tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2016<br>VND   | Năm 2015<br>VND  |
|--|--|-------------|-------------------|------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                   |                  |
| 01   | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 9.795.258.247     | 3.064.837.081    |
|  | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             | 6.339.463.063     | (10.561.727.413) |
| 02   | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 10.848.729.982    | 4.684.138.689    |
| 03   | - Các khoản dự phòng   |             | (663.150.827)     | 880.717.286      |
| 04   | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | (1.219.536)       | (8.348.496)      |
| 05   | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (15.219.278.014)  | (21.206.954.134) |
| 06   | - Chi phí lãi vay  |             | 11.374.381.458    | 5.088.719.242    |
| 07   | - Các khoản điều chỉnh khác  |             | -                 | -                |
| 08   | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 16.134.721.310    | (7.496.890.332)  |
| 09   | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | 11.820.950.370    | (33.684.843.459) |
| 10   | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | 21.806.013.492    | (21.022.360.536) |
| 11   | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | (19.757.570.510)  | 39.413.536.691   |
| 12   | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (3.622.559.371)   | (15.573.803.022) |
| 13   | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  |             | -                 | 16.380.000.000   |
| 14   | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (11.712.039.574)  | (4.680.366.871)  |
| 15   | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (689.891.185)     | (1.022.443.470)  |
| 17   | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (264.117.371)     | -                |
| 20   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 13.715.507.161    | (27.687.170.999) |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                   |                  |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (13.393.073.218)  | (35.260.440.176) |
| 22   | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | 2.721.699.658     | 425.000.000      |
| 23   | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  |             | (14.800.000.000)  | (36.700.000.000) |
| 24   | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  |             | 22.950.000.000    | 23.650.000.000   |
| 25   | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                 | (11.247.694.945) |
| 26   | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | 14.115.201.228    | 12.817.284.000   |
| 27   | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 979.777.779       | 4.421.506.291    |
| 30   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | 12.573.605.447    | (41.894.345.430) |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                   |                  |
| 33   | 1. Tiền thu từ đi vay  |             | 104.474.634.614   | 128.501.753.170  |
| 34   | 2. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (130.597.421.515) | (55.566.813.324) |
| 40   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | (26.122.786.901)  | 72.934.939.846   |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND      |
|-------|---|-------------|----------------------|----------------------|
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                         |             | 166.325.707          | 3.353.423.417        |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                        |             | 8.174.539.186        | 4.812.514.731        |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | 1.219.536            | 8.601.038            |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                       | 03          | <u>8.342.084.429</u> | <u>8.174.539.186</u> |

Người lập biểu

Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khai

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thái Hà

31001  
CƠ  
TRÁCH  
HÀNH  
VIỆT  
HOA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 130.000.000.000 đồng; Tương đương 13.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Trong năm, Công ty có thành lập thêm 5 chi nhánh bao gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận - Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre - Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang - Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Trung tâm Lữ hành.
- Tháng 2 năm 2016, Công ty thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công cụ dụng cụ, nhân sự có liên quan đến hoạt động kinh doanh Khách sạn của 2 công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt và Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam về 2 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ.

105  
GTY  
KIỂM  
KIỂM  
AS  
KIỂM

- Thực hiện Nghị quyết HĐQT ngày 17/06/2016, Công ty đã chuyển nhượng hết vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam với giá chuyển nhượng là 20.500.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016, các thủ tục chuyển nhượng vốn cho đối tác đã được hoàn tất.
- Trong năm, Công ty CP Du lịch Thành Thành Công và Công ty CP Du lịch Bến Tre thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của 2 Công ty trong Công ty TNHH Chế Ngọc Bảo cho đối tác, tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 55.522.364.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2016, số còn phải thu giá trị chuyển nhượng là 54.522.364.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện theo Lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng kinh tế và dự kiến hoàn thành trong năm 2017.

#### Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

| Tên công ty                                | Địa chỉ       | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|---------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| + Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt | Tỉnh Lâm Đồng | 100%          | 100%                   | Dịch vụ Khách sạn          |
| + Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre          | Tỉnh Bến Tre  | 51,36%        | 51,36%                 | Dịch vụ Khách sạn          |

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn

- + Tháng 2 năm 2016, Công ty thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công cụ dụng cụ, nhân sự có liên quan đến hoạt động kinh doanh Khách sạn của 2 công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt và Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam về 2 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ.
- + Thực hiện Nghị quyết HĐQT ngày 17/06/2016, Công ty đã chuyển nhượng hết vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam với giá chuyển nhượng là 20.500.000.000 đồng và giá trị vốn đã góp là: 12.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2016, các thủ tục chuyển nhượng vốn cho đối tác đã được hoàn tất.

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

| Tên công ty                                    | Địa chỉ              | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính   |
|--|----------------------|---------------|------------------------|------------------------------|
| + Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor | Vương quốc Campuchia | 49,00%        | 49,00%                 | Kinh doanh dịch vụ khách sạn |

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.





### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

0011  
CÔNG  
CHÍNH  
SÁCH  
A1  
TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

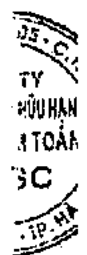
## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 08 năm      |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 10 năm |
| - Tài sản hữu hình khác  | 06 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất      | 39 - 50 năm |
| - Phần mềm máy tính      | 03 năm      |
| - Tài sản vô hình khác   | 03 - 20 năm |

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.16. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các Doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| Tiền mặt                        | 123.669.874          | 2.609.115.085        |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.961.907.452        | 5.565.424.101        |
| Tiền đang chuyển                | 256.507.103          | -                    |
|                                 | <u>8.342.084.429</u> | <u>8.174.539.186</u> |

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                      | 31/12/2016 |                | 01/01/2016           |                      |
|----------------------|------------|----------------|----------------------|----------------------|
|                      | Giá gốc    | Giá trị ghi sổ | Giá gốc              | Giá trị ghi sổ       |
|                      | VND        | VND            | VND                  | VND                  |
| Đầu tư ngắn hạn      |            |                |                      |                      |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | -          | -              | 2.250.000.000        | 2.250.000.000        |
|                      | -          | -              | <u>2.250.000.000</u> | <u>2.250.000.000</u> |

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Chứng khoán kinh doanh**

|                            | 31/12/2016            |          | 01/01/2016 |          |
|----------------------------|-----------------------|----------|------------|----------|
|                            | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc    | Dự phòng |
|                            | VND                   | VND      | VND        | VND      |
| Công ty Cổ phần Golf 1 (*) | 50.626.000.000        | -        | -          | -        |
|                            | <u>50.626.000.000</u> |          |            |          |

(\*) Theo Tờ trình số 280/2016/TT-VPCCT đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 30/10/2016, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo hình thức góp vốn bằng dự án Khách sạn Golf 1 ngày 5/11/2016 và Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801325150 (chỉ tiết xem Thuyết minh số 10). Công ty thực hiện góp vốn với mục đích là chuyển nhượng cho đối tác. Số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công đang nắm giữ là 5.626.000 cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng nêu trên trong Quý I năm 2017.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**c) Đầu tư vào công ty liên kết**

|  | 31/12/2016           |               |                        |  | 01/01/2016           |               |                        |  |
|--|----------------------|---------------|------------------------|--|----------------------|---------------|------------------------|--|
|  | Địa chỉ              | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu | Địa chỉ              | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu |
|  |                      | VND           | VND                    | VND  |                      | VND           | VND                    | VND  |
| Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor | Vương quốc Campuchia | 49,00%        | 49,00%                 | 22.633.145.090                                 | Vương quốc Campuchia | 49,00%        | 49,00%                 | 22.788.138.349                                 |
|  |                      |               |                        | <u>22.633.145.090</u>                          |                      |               |                        | <u>22.788.138.349</u>                          |

10/10/2017

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | 31/12/2016        |          | 01/01/2016        |          |
|--|-------------------|----------|-------------------|----------|
|  | Giá gốc           | Dự phòng | Giá gốc           | Dự phòng |
|  | VND               | VND      | VND               | VND      |
| - Công ty Cổ phần Thương mại bia Sài Gòn Sông Tiền | 22.910.000        | -        | 22.910.000        | -        |
|  | <b>22.910.000</b> | <b>-</b> | <b>22.910.000</b> | <b>-</b> |

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác như sau:

| Tên công ty nhận đầu tư                     | Nơi thành lập và hoạt động             | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền | 75 B, Phạm Hùng, F.9, Thị xã Vĩnh Long | 0,0057%       | 0,0057%                | Kinh doanh nước giải khát. |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|   | 31/12/2016            | 01/01/2016            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn      |                       |                       |
| - Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre                              | 3.617.833.769         | 256.096.000           |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - Chi nhánh Bến Tre               | 3.351.657.273         | -                     |
| - Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh                 | 304.972.603           | 56.229.000            |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                             | 306.805.466           | 642.241.633           |
| - Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel) | 341.290.000           | -                     |
| - Bà Lê Thị Kính  | -                     | 1.000.296.639         |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác                                  | 5.062.088.136         | 8.883.345.893         |
|   | <b>12.984.647.247</b> | <b>10.838.209.165</b> |

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

**311.473.466**      **647.241.633**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|  | 31/12/2016           |          | 01/01/2016            |          |
|--|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|  | VND                  | VND      | VND                   | VND      |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát   | 1.988.344.626        | -        | 3.114.277.000         | -        |
| - Công ty TNHH PNR                                     | -                    | -        | 1.103.193.774         | -        |
| - Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát | -                    | -        | 9.054.545.455         | -        |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ D.P.N                | 761.574.000          | -        | -                     | -        |
| - Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP           | 655.076.100          | -        | -                     | -        |
| - Các khoản trả trước người bán khác                   | 3.710.284.267        | -        | 2.925.715.110         | -        |
|  | <b>7.115.278.993</b> | <b>-</b> | <b>16.197.731.339</b> | <b>-</b> |

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

|  | 31/12/2016           | 01/01/2016            |
|--|----------------------|-----------------------|
|  | VND                  | VND                   |
| a) Phải thu về cho vay ngắn hạn chi tiết theo đối tượng có số dư lớn                       |                      |                       |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công  | -                    | 10.000.000.000        |
| - Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre   | -                    | 800.000.000           |
| - Công ty Cổ phần Nước Khoáng ĐaKai  | 4.900.000.000        | -                     |
|  | <u>4.900.000.000</u> | <u>10.800.000.000</u> |
| b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41) | -                    | 10.800.000.000        |

**8. PHẢI THU KHÁC**

|   | 31/12/2016            |                   | 01/01/2016            |                   |
|---|-----------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|
|   | Giá trị               | Dự phòng          | Giá trị               | Dự phòng          |
|   | VND                   | VND               | VND                   | VND               |
| a) Ngắn hạn   |                       |                   |                       |                   |
| - Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)  | 5.354.592.230         | -                 | 5.354.592.230         | -                 |
| - Phải thu tiền giá vốn vé máy bay khách hàng đã đặt mua nhưng chưa bay                         | 98.761.427            | -                 | 1.814.800.391         | -                 |
| - Phải thu người lao động tiền tạm ứng  | 285.576.243           | 70.183.000        | 975.834.807           | 70.183.000        |
| - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp   | 54.522.364.000        | -                 | -                     | -                 |
| - Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - chi nhánh Bến Tre về tiền lãi hợp tác kinh doanh | 1.044.207.481         | -                 | -                     | -                 |
| - Phải thu Công ty CP Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh                                 | 3.223.596.551         | -                 | -                     | -                 |
| - Phải thu khác   | 3.904.766.043         | -                 | 5.438.623.923         | -                 |
|   | <u>68.433.863.975</u> | <u>70.183.000</u> | <u>13.583.851.351</u> | <u>70.183.000</u> |
| b) Dài hạn  |                       |                   |                       |                   |
| - Kỳ cược, ký quỹ   | 4.378.403.286         | -                 | 5.149.086.894         | -                 |
|   | <u>4.378.403.286</u>  | <u>-</u>          | <u>5.149.086.894</u>  | <u>-</u>          |

(\*) Khoản phải thu về số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

**9. NỢ XẤU**

|  | 31/12/2016         |                        | 01/01/2016         |                        |
|--|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
|  | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi |
|  | VND                | VND                    | VND                | VND                    |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán |                    |                        |                    |                        |
| + Phan Quốc Liêm                                     | -                  | -                      | 443.241.898        | -                      |
| + Lê Minh Tường                                      | -                  | -                      | 58.254.462         | -                      |
| + Phần góp vốn Ao Bà Om                              | 69.773.000         | -                      | 69.773.000         | -                      |
| + Các đối tượng khác                                 | 149.045.542        | -                      | 328.943.009        | 18.243.000             |
|  | <u>218.818.542</u> | <u>-</u>               | <u>900.212.369</u> | <u>18.243.000</u>      |



10. HÀNG TỒN KHO

|                          | 31/12/2016           |          | 01/01/2016            |          |
|--------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                          | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
|                          | VND                  | VND      | VND                   | VND      |
| - Hàng mua đang đi đường | -                    | -        | 360.548.430           | -        |
| - Nguyên liệu, vật liệu  | 183.627.231          | -        | 643.503.431           | -        |
| - Công cụ, dụng cụ       | 1.037.358.811        | -        | 1.162.548.348         | -        |
| - Hàng hóa               | -                    | -        | 20.860.399.325        | -        |
|                          | <b>1.220.986.042</b> | <b>-</b> | <b>23.026.999.534</b> | <b>-</b> |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

|  | 31/12/2016         | 01/01/2016            |
|--|--------------------|-----------------------|
|  | VND                | VND                   |
| Mua sắm  | -                  | 54.000.000            |
| + Hệ thống phần mềm Higotech                                   | -                  | 54.000.000            |
| Các dự án xây dựng cơ bản của Công ty mẹ                       | -                  | 57.271.172.579        |
| + Dự án đầu tư khách sạn Golf 1 Đà Lạt <sup>(1)</sup>          | -                  | 25.534.093.368        |
| + Dự án sửa chữa khách sạn Golf 3 Đà Lạt <sup>(2)</sup>        | -                  | 1.277.182.375         |
| + Dự án sửa chữa cải tạo khách sạn Golf Cần Thơ <sup>(3)</sup> | -                  | 30.459.896.836        |
| Các dự án xây dựng cơ bản của Công ty con                      | 967.018.837        | 4.118.006.729         |
| + Công trình Trung tâm tiệc cưới Đồng Khởi <sup>(4)</sup>      | -                  | 2.481.818.182         |
| + Các dự án khác   | 967.018.837        | 1.636.188.547         |
|  | <b>967.018.837</b> | <b>61.443.179.308</b> |

<sup>(1)</sup> Dự án đầu tư Khách sạn Golf 1 Đà Lạt bao gồm các chi phí chuẩn bị đầu tư (chi phí thuê đất một lần, thiết kế), chi phí lãi vay trả tiền thuê đất một lần, chi phí bồi thường khi thanh lý hợp đồng thuê đất cũ trước hạn... Dự án đã được góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1, đồng thời Công ty CP Du lịch Thành Thành Công đã ký thỏa thuận chuyển nhượng phần vốn góp này cho bà Viên Diệu Hoa, giá bán là 52 tỷ đồng, đến thời điểm 31/12/2016 bà Viên Diệu Hoa đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng tương đương 26 tỷ đồng (xem chi tiết tại thuyết minh số 16).

<sup>(2)</sup> Dự án sửa chữa khách sạn Golf 3 Đà Lạt đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2016.

<sup>(3)</sup> Dự án sửa chữa, cải tạo Khách sạn Golf Cần Thơ đã đi vào hoạt động quý 4 năm 2016.

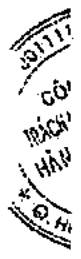
<sup>(4)</sup> Chi phí liên quan đến việc xây dựng khách sạn Đồng Khởi đã dừng triển khai. Công ty đã thay đổi dự án từ xây dựng khách sạn Đồng Khởi thành Trung tâm hội nghị, tiệc cưới Đồng Khởi Palace. Hội đồng quản trị Công ty xây dựng phương án phân bổ chi phí sửa chữa đã phát sinh trong vòng hai năm (xem thuyết minh số 14).

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                          | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | TSCĐ dùng<br>trong quản lý | TSCĐ hữu hình<br>khác | Cộng                   |
|--------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|
|                          | VND                       | VND                  | VND                                | VND                        | VND                   | VND                    |
| <b>Nguyên giá</b>        |                           |                      |                                    |                            |                       |                        |
| Số dư đầu năm            | 158.728.190.185           | 4.294.940.408        | 7.529.645.947                      | 2.313.862.523              | 140.400.000           | 173.007.039.063        |
| - Mua trong năm          | 1.890.508.808             | 5.277.817.398        | 2.935.847.350                      | 1.946.316.122              | 851.484.006           | 12.901.973.684         |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 53.171.503.825            | -                    | -                                  | -                          | -                     | 53.171.503.825         |
| - Thanh lý, nhượng bán   | (3.408.353.233)           | (135.358.182)        | (3.211.012.379)                    | (151.706.364)              | -                     | (6.906.430.158)        |
| - Đầu tư góp vốn (*)     | (7.587.078.479)           | (450.114.024)        | -                                  | -                          | -                     | (8.037.192.503)        |
| <b>Số dư cuối năm</b>    | <b>202.794.771.106</b>    | <b>8.987.285.600</b> | <b>7.254.480.918</b>               | <b>4.108.472.281</b>       | <b>991.884.006</b>    | <b>224.136.893.911</b> |
| <b>Hao mòn TSCĐ</b>      |                           |                      |                                    |                            |                       |                        |
| Số dư đầu năm            | 50.579.338.289            | 3.098.248.744        | 4.072.735.978                      | 1.513.787.353              | 28.414.291            | 59.292.524.655         |
| - Khấu hao trong năm     | 5.539.314.610             | 598.705.919          | 681.589.718                        | 301.980.135                | 337.663.677           | 7.459.254.059          |
| - Thanh lý, nhượng bán   | (1.849.210.267)           | (81.786.745)         | (2.126.259.740)                    | (12.967.299)               | -                     | (4.070.224.051)        |
| - Đầu tư góp vốn (*)     | (5.856.236.003)           | (450.114.024)        | -                                  | -                          | -                     | (6.306.350.027)        |
| <b>Số dư cuối năm</b>    | <b>48.413.206.629</b>     | <b>3.165.053.894</b> | <b>2.628.065.956</b>               | <b>1.802.800.189</b>       | <b>366.077.968</b>    | <b>56.375.204.636</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>   |                           |                      |                                    |                            |                       |                        |
| Tại ngày đầu năm         | 108.148.851.896           | 1.196.691.664        | 3.456.909.969                      | 800.075.170                | 111.985.709           | 113.714.514.408        |
| Tại ngày cuối năm        | 154.381.564.477           | 5.822.231.706        | 4.626.414.962                      | 2.305.672.092              | 625.806.038           | 167.761.689.275        |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.832.224.530 đồng

(\*) Đây là giá trị tài sản Khách sạn Golf 1 được Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo Tờ trình đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị (Chi tiết xem Thuyết minh số 4).



**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Quyền sử dụng đất<br>VND | Chương trình phần mềm<br>VND | TSCĐ vô hình khác<br>VND | Cộng<br>VND           |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                          |                              |                          |                       |
| Số dư đầu năm                 | 67.255.289.717           | 135.000.000                  | 30.909.091               | 67.421.198.808        |
| - Mua trong năm               | -                        | 221.000.000                  | 345.006.268              | 566.006.268           |
| - Thanh lý, nhượng bán        | (1.367.662.900)          | (10.000.000)                 | -                        | (1.377.662.900)       |
| - Đầu tư góp vốn (*)          | (26.995.200.000)         | -                            | -                        | (26.995.200.000)      |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>38.892.426.817</b>    | <b>346.000.000</b>           | <b>375.915.359</b>       | <b>39.614.342.176</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                          |                              |                          |                       |
| Số dư đầu năm                 | 9.491.151.524            | 9.333.336                    | 11.204.555               | 9.511.689.415         |
| - Khấu hao trong năm          | 1.425.834.972            | 44.749.994                   | 30.295.977               | 1.500.880.943         |
| - Thanh lý, nhượng bán        | (152.736.693)            | (9.333.336)                  | -                        | (162.070.029)         |
| - Đầu tư góp vốn (*)          | (4.791.648.000)          | -                            | -                        | (4.791.648.000)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>5.972.601.803</b>     | <b>44.749.994</b>            | <b>41.500.532</b>        | <b>6.058.852.329</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                          |                              |                          |                       |
| Tại ngày đầu năm              | 57.764.138.193           | 125.666.664                  | 19.704.536               | 57.909.509.393        |
| Tại ngày cuối năm             | 32.919.825.014           | 301.250.006                  | 334.414.827              | 33.555.489.847        |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.503.997.423 đồng.  
(\*) Đây là giá trị tài sản Khách sạn Golf 1 được Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo Tờ trình đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị (Chi tiết xem Thuyết minh số 4).

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|   | 31/12/2016<br>VND     | 01/01/2016<br>VND     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 181.471.130           | 2.001.742.818         |
| - Chi phí sửa chữa, bảo trì   | 62.148.483            | 233.073.750           |
| - Chi phí phần mềm máy tính   | 8.333.334             | -                     |
| - Chi phí sửa chữa Công trình Trung tâm tiệc cưới Đồng Khởi   | 1.240.909.082         | -                     |
| - Các khoản khác  | 345.338.504           | 460.968.535           |
|   | <b>1.838.200.533</b>  | <b>2.695.785.103</b>  |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                       |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 1.611.990.011         | 8.166.598.307         |
| - Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông <sup>(1)</sup> | 4.621.381.262         | 5.134.868.066         |
| - Chi phí quyền sử dụng đất <sup>(2)</sup>  | 2.949.369.624         | 3.422.784.788         |
| - Chi phí thuê đất  | 239.999.616           | 1.549.999.995         |
| - Chi phí phần mềm máy tính   | 27.583.328            | -                     |
| - Chi phí làm phim quảng cáo  | 448.989.899           | -                     |
| - Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ   | 1.596.262.095         | 2.392.459.280         |
| - Các khoản khác  | 115.314.045           | 179.941.406           |
|   | <b>11.610.889.880</b> | <b>20.846.651.842</b> |

STY  
KIỂM  
AA  
K

13/12/2016

13/12/2016

(1) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo Hợp đồng Sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015, số tiền: 5.134.868.066 đồng, phân bổ trong thời gian 10 năm từ ngày 01/01/2016. Giá trị còn lại tại 31/12/2016: 4.621.381.262 đồng.

(2) Chi phí quyền sử dụng đất nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo hợp đồng Sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015. Đây là giá trị góp vốn bằng Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36 tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre và Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại phường 8, thành phố Bến Tre của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre vào Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất ngày 07/12/2009. Chi phí quyền sử dụng đất trên được Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre tiếp nhận và phân bổ trong thời gian 20 năm.

#### 15. LỢI THÈ THƯƠNG MẠI

|   | 31/12/2016                   | 01/01/2016                   |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | VND                          | VND                          |
| - Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm 2015 | 18.885.949.799               | 18.885.949.799               |
| - Số đã phân bổ các năm trước   | (157.382.915)                | -                            |
| - Số phân bổ năm này  | (1.888.594.980)              | (157.382.915)                |
| <b>Số dư cuối năm</b>   | <b><u>16.839.971.904</u></b> | <b><u>18.728.566.884</u></b> |

16. CÁC KHOẢN VAY

|   | 01/01/2016            |                       | Trong năm             |                        | 31/12/2016            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                    | VND                   | VND                   |
| a) Vay ngắn hạn   |                       |                       |                       |                        |                       |                       |
| - Vay ngắn hạn  | 56.250.164.237        | 56.250.164.237        | 82.309.946.056        | 119.122.325.765        | 37.984.414.720        | 37.984.414.720        |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành <sup>(1)</sup> | 450.000.000           | 450.000.000           | -                     | -                      | 450.000.000           | 450.000.000           |
| + Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk <sup>(2)</sup>                     | 12.570.107.657        | 12.570.107.657        | 40.942.467.481        | 33.579.963.172         | 19.932.611.966        | 19.932.611.966        |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre <sup>(3)</sup>   | 11.730.056.580        | 11.730.056.580        | 10.438.848.854        | 21.709.102.680         | 459.802.754           | 459.802.754           |
| + Ngân hàng HD BANK - Chi nhánh Nguyễn Trãi <sup>(4)</sup>                          | -                     | -                     | 500.000.000           | -                      | 500.000.000           | 500.000.000           |
| + Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công <sup>(5)</sup>                                 | 31.500.000.000        | 31.500.000.000        | 5.100.000.000         | 32.500.000.000         | 4.100.000.000         | 4.100.000.000         |
| + Công ty CP Du lịch Thăng Lợi <sup>(6)</sup>                                       | -                     | -                     | 21.000.000.000        | 8.458.000.000          | 12.542.000.000        | 12.542.000.000        |
| + Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre   | 4.926.630.192         | 4.926.630.192         | 3.623.129.721         | 8.549.759.913          | -                     | -                     |
| + Nguyễn Thủy Hằng  | 13.620.000.000        | 13.620.000.000        | -                     | 13.620.000.000         | -                     | -                     |
| + Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng                                      | -                     | -                     | 705.500.000           | 705.500.000            | -                     | -                     |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn trả   | 7.383.215.750         | 7.383.215.750         | 13.976.945.348        | 7.383.215.750          | 13.976.945.348        | 13.976.945.348        |
| + Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk                                    | 4.093.416.586         | 4.093.416.586         | 9.691.186.344         | 4.093.416.586          | 9.691.186.344         | 9.691.186.344         |
| + Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(7)</sup>  | -                     | -                     | 198.000.000           | -                      | 198.000.000           | 198.000.000           |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre <sup>(10)</sup>  | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         | 1.000.000.000          | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         |
| + Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre <sup>(11)</sup>                         | 2.289.799.164         | 2.289.799.164         | 3.087.759.004         | 2.289.799.164          | 3.087.759.004         | 3.087.759.004         |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>82.180.010.179</b> | <b>82.180.010.179</b> | <b>96.286.891.404</b> | <b>126.505.541.515</b> | <b>51.961.360.068</b> | <b>51.961.360.068</b> |

*Handwritten signature or stamp*

*Handwritten signature or stamp*

16. CÁC KHOẢN VAY

|  | 01/01/2016            |                       | Trong năm             |                       | 31/12/2016            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| b) Vay dài hạn   |                       |                       |                       |                       |                       |                       |
| - Vay dài hạn  | 87.634.295.051        | 87.634.295.051        | 22.164.688.558        | 11.475.095.750        | 98.323.887.859        | 98.323.887.859        |
| + Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(a)</sup>   | -                     | -                     | 990.000.000           | -                     | 990.000.000           | 990.000.000           |
| + Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk <sup>(a)</sup>                    | 45.140.645.785        | 45.140.645.785        | 21.174.688.558        | 4.685.296.586         | 61.630.037.757        | 61.630.037.757        |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre <sup>(10)</sup> | 5.739.521.197         | 5.739.521.197         | -                     | 1.000.000.000         | 4.739.521.197         | 4.739.521.197         |
| + Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre <sup>(11)</sup>                        | 33.254.128.069        | 33.254.128.069        | -                     | 2.289.799.164         | 30.964.328.905        | 30.964.328.905        |
| + Tà Thị Phương Trang  | 3.500.000.000         | 3.500.000.000         | 3.500.000.000         | -                     | -                     | -                     |
|  | <u>87.634.295.051</u> | <u>87.634.295.051</u> | <u>22.164.688.558</u> | <u>11.475.095.750</u> | <u>98.323.887.859</u> | <u>98.323.887.859</u> |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng  | (7.383.215.750)       | (7.383.215.750)       | (13.976.945.348)      | (7.383.215.750)       | (13.976.945.348)      | (13.976.945.348)      |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng   | <u>80.251.079.301</u> | <u>80.251.079.301</u> |                       |                       | <u>84.346.942.511</u> | <u>84.346.942.511</u> |

c) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

|  | Mối quan hệ |                      | 31/12/2016 |     | 01/01/2016            |     |
|--|-------------|----------------------|------------|-----|-----------------------|-----|
|  | Góc         | VND                  | Góc        | VND | Góc                   | VND |
| Vay                                      |             |                      |            |     |                       |     |
| - Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công (5) | Cổ đông lớn | 4.100.000.000        | -          | -   | 31.500.000.000        | -   |
|  |             | <u>4.100.000.000</u> |            |     | <u>31.500.000.000</u> |     |

**Thông tin Khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng thấu chi số 01/2015/1281110/HĐTĐ ngày 09/02/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích thấu chi: Bù đắp khoản thiếu hụt thanh toán tạm thời;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 09/02/2016;
- + Lãi suất cho vay: 9,00%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 450.000.0000 đồng.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 140/2015/HĐTĐTM-DN ngày 25/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 6 tháng VND do ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi biên độ tối thiểu 2,5%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay và bên thứ ba bao gồm: (i) Bất động sản tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A) địa chỉ Phường 2, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; (ii) 5.000.000 Cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 19.932.611.966 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670915/HĐTĐ ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay gồm: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác chi tiết theo Biên bản Định giá ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 459.802.754 đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5364/16/HĐTĐHM-DN/004 ngày 20/10/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán vé máy bay Vietjet Air;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 20/10/2016;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 500.000.0000 đồng.

(5) Khoản vay Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công gồm 2 Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 83/2016 ngày 27/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Công ty Cổ phần

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11,5%/ năm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.600.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 81/2016/HĐCV ngày 28/12/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày chuyển tiền;
- + Lãi suất cho vay: 11,50%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 2.500.000.0000 đồng.

11105  
CÔNG  
CHÍNH  
ÁNG KI  
A  
HOÀN

11105  
CÔNG  
CHÍNH  
ÁNG KI  
A  
HOÀN

(6) Khoản vay Công ty cổ phần du lịch Thăng Lợi gồm 2 Hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 13/2016/HĐVV-TL ngày 13/07/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày chuyển tiền;
- + Lãi suất cho vay: 9,30%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.542.000.0000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 14/2016/HĐVV-TL ngày 18/07/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày chuyển tiền;
- + Lãi suất cho vay: 9,30%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 11.000.000.0000 đồng.

Thông tin khoản vay dài hạn

(8) Hợp đồng cho vay số 255/2016/HĐTD/DTA/01 ngày 29/12/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Mua xe TOYOTA phục vụ mục đích vận tải nội bộ;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 990.000.0000 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 198.000.000 đồng.

(9) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk gồm 4 hợp đồng tín dụng cụ thể: HĐ số 0064.02/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.03/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.04/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015, Hợp đồng 01/04/2016/HĐTD-DN ngày 30/06/2016. Với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 61.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: sửa chữa, nâng cấp khách sạn Thành Công tại Đà Lạt; Cần Thơ;
- + Thời hạn cho vay: từ 60 tháng đến 120 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm cố định trong 6 tháng đầu, từ tháng 7 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là quyền sử dụng đất tại Phường 2-TP Đà Lạt (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 61.630.037.757 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 9.889.186.344 đồng.

(10) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/670915/HĐTD ngày 30/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án "Di dời, sửa chữa Nhà hàng Nội Bến Tre";
- + Thời hạn vay: Không quá 84 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác chi tiết theo Biên bản Định giá ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 4.739.521.197 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là: 1.000.000.000 đồng.



(11) Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số BEN.DN.218.120514 ngày 03/06/2014; Hợp đồng số BEN.DN.169.120514 ngày 03/06/2014, hợp đồng tín dụng số BEN.DN.01.190913 ngày 15/10/2013, Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số BEN.DN.02.190913 ngày 15/10/2013, Hợp đồng tín dụng số BEN.DN.01.190913 ngày 15/10/201 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 12/8/2015 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Đầu tư dự án trung tâm Hội nghị tiệc cưới Đồng Khởi;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu/kết thúc thời gian ân hạn;
- + Lãi suất cho vay: Quy định trên khung ước cụ thể có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: (i) Bất động sản tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 02, phường 2, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trị giá 38.544.000.000 đồng;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 30.964.328.905 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là: 3.087.759.004 đồng.

#### 17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|  | 31/12/2016            |                       | 01/01/2016            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                       |                       |                       |                       |
| - Công ty CP Đầu tư Kiến trúc XD Toàn Thịnh Phát                     | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận                            | 697.993.000           | 697.993.000           | -                     | -                     |
| - Công ty CP Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh                    | 772.069.000           | 772.069.000           | -                     | -                     |
| - Chi nhánh Công ty CP Du lịch Thăng Lợi                             | 5.785.576.223         | 5.785.576.223         | 113.672.000           | 113.672.000           |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ thuật xây dựng Toàn Thịnh Phát                 | -                     | -                     | 5.125.932.373         | 5.125.932.373         |
| - Châu Thị Vân   | -                     | -                     | 12.411.590.000        | 12.411.590.000        |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam tại Cần Thơ                 | -                     | -                     | 5.659.331.814         | 5.659.331.814         |
| - Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A Việt Nam                                | -                     | -                     | 4.881.389.971         | 4.881.389.971         |
| - Phải và các đối tượng khác   | 4.213.009.860         | 4.213.009.860         | 6.100.367.075         | 6.103.412.074         |
|  | <b>13.098.119.684</b> | <b>13.098.119.684</b> | <b>34.292.283.235</b> | <b>34.295.328.232</b> |
| <b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>                    | <b>1.170.960.622</b>  | <b>1.170.960.622</b>  | <b>3.044.999</b>      | <b>3.044.999</b>      |
| <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)</i>                   |                       |                       |                       |                       |

#### 18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

|   | 31/12/2016            | 01/01/2016           |
|---|-----------------------|----------------------|
|   | VND                   | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                        |                       |                      |
| - Công ty Cổ phần Đại Nam                 | -                     | 2.248.398.400        |
| - Viên Diệu Hoa                           | 26.000.000.000        | -                    |
| - Thương mại Ngọc                         | -                     | 123.100.000          |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác | 2.115.619.113         | 2.379.368.867        |
|   | <b>28.115.619.113</b> | <b>4.750.867.267</b> |

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|  | Số phải thu          | Số phải nộp          | Số phải nộp           | Số đã thực nộp       | Giảm do thoái vốn  | Số phải thu    | Số phải nộp          |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|----------------|----------------------|
|  | đầu năm              | đầu năm              | trong năm             | trong năm            | Công ty con        | cuối năm       | cuối năm             |
|  | VND                  | VND                  | VND                   | VND                  | VND                | VND            | VND                  |
| - Thuế giá trị gia tăng                            | 465.219.929          | 340.189.894          | 6.489.771.639         | 5.864.051.344        | -                  | 148.664        | 500.838.924          |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt                           | -                    | 56.845.636           | 407.155.583           | 418.395.158          | -                  | -              | 45.606.061           |
| - Thuế xuất, nhập khẩu                             | -                    | -                    | -                     | -                    | -                  | -              | -                    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 713.368.712          | 1.020.655.418        | 3.764.631.135         | 689.891.185          | 338.705.111        | -              | 3.043.321.545        |
| - Thuế thu nhập cá nhân                            | -                    | 288.662.015          | 769.006.854           | 777.253.190          | -                  | -              | 280.415.679          |
| - Thuế tài nguyên                                  | -                    | -                    | -                     | -                    | -                  | -              | -                    |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      | -                    | -                    | 2.034.453.427         | 2.034.453.427        | -                  | -              | -                    |
| - Các loại thuế khác                               | -                    | -                    | 9.437.583             | 9.437.583            | -                  | -              | -                    |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                    | -                    | 33.775.014            | 33.775.014           | -                  | -              | -                    |
|  | <b>1.178.588.641</b> | <b>1.706.352.963</b> | <b>13.508.231.235</b> | <b>9.827.256.901</b> | <b>338.705.111</b> | <b>148.664</b> | <b>3.870.182.209</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2016         | 01/01/2016         |
|---|--------------------|--------------------|
|   | VND                | VND                |
| - Chi phí lãi vay                             | 268.902.588        | 606.560.704        |
| - Trích trước tiền thưởng lương tháng 13/2016 | 590.663.000        | -                  |
| - Chi phí phải trả khác                       | 138.329.131        | 178.563.624        |
|   | <b>997.894.719</b> | <b>785.124.328</b> |

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

|   | 31/12/2016            | 01/01/2016            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết   | 27.217.893            | 107.271.181           |
| - Kinh phí công đoàn  | 188.669.717           | 120.500.463           |
| - Bảo hiểm xã hội   | 28.317.774            | 124.063.714           |
| - Bảo hiểm y tế   | 15.276.397            | 6.018.705             |
| - Bảo hiểm thất nghiệp  | 1.659.106             | 47.944.699            |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn   | 265.715.498           | 34.112.598            |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả  | 8.132.524.541         | 8.132.524.541         |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác  | 43.888.663.152        | 4.719.698.240         |
| + Phải trả Công ty TNHH MTY Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ  | 4.671.130.250         | 2.959.300.882         |
| + Phải trả Công ty TNHH MTY Vinagolf Quảng Nam thu nhập từ đền bù phá vỡ hợp đồng của Công ty CP cấp thoát nước Quảng Nam | -                     | 1.650.000.000         |
| + Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng                         | 34.860.000.000        | -                     |
| + Công ty CP Du Lịch Thăng Lợi  | 1.152.560.537         | -                     |
| + Phải trả khác   | 3.204.972.365         | 110.397.358           |
|   | <b>52.548.044.078</b> | <b>13.292.134.141</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                       |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn  | 930.670.000           | 984.670.000           |
|   | <b>930.670.000</b>    | <b>984.670.000</b>    |

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2016         | 01/01/2016         |
|---|--------------------|--------------------|
|   | VND                | VND                |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động tour                 | 92.963.638         | -                  |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn | 291.100.000        | -                  |
| - Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản            | 131.423.212        | 102.745.453        |
|   | <b>515.486.850</b> | <b>102.745.453</b> |

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

|   | Vốn đầu tư             | Thặng dư           | Quỹ đầu tư           | Lợi nhuận             | Lợi ích cổ đông       | Cộng                   |
|---|------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
|   | của Chủ sở hữu         | vốn cổ phần        | phát triển           | chưa phân phối        | không kiểm soát       |                        |
| Số dư đầu năm trước                                     | 130.000.000.000        | 910.000.000        | 6.719.655.738        | 1.879.537.561         | -                     | 139.509.193.299        |
| Tăng do hợp nhất công ty con tại thời điểm mua          | -                      | -                  | -                    | -                     | 25.708.311.033        | 25.708.311.033         |
| Lãi trong năm trước                                     | -                      | -                  | -                    | 2.527.441.554         | (326.110.749)         | 2.201.330.805          |
| Ảnh hưởng của thay đổi lợi ích khi công ty con tăng vốn | -                      | -                  | -                    | (164.257.294)         | 6.211.629.108         | 6.047.371.814          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                             | <b>130.000.000.000</b> | <b>910.000.000</b> | <b>6.719.655.738</b> | <b>4.242.721.821</b>  | <b>31.593.829.392</b> | <b>173.466.206.951</b> |
| Số dư đầu năm nay                                       | 130.000.000.000        | 910.000.000        | 6.719.655.738        | 4.242.721.821         | 31.593.829.392        | 173.466.206.951        |
| Lãi trong năm nay                                       | -                      | -                  | -                    | 5.857.551.498         | 149.113.560           | 6.006.665.058          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                               | <b>130.000.000.000</b> | <b>910.000.000</b> | <b>6.719.655.738</b> | <b>10.100.273.319</b> | <b>31.742.942.952</b> | <b>179.472.872.009</b> |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                    | Cuối năm<br>VND        | Tỷ lệ<br>%  | Đầu năm<br>VND         | Tỷ lệ<br>%  |
|------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công | 51.051.000.000         | 39,27%      | 51.051.000.000         | 39,27%      |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi  | -                      | 0,00%       | 32.370.000.000         | 24,90%      |
| Bà Tạ Thị Phương Trang             | 9.350.400.000          | 7,19%       | 20.085.000.000         | 15,45%      |
| Các cổ đông khác                   | 69.598.600.000         | 53,54%      | 26.494.000.000         | 20,38%      |
|                                    | <b>130.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>130.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                           | Năm 2016<br>VND | Năm 2015<br>VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| - Vốn góp đầu năm         | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm  | -               | -               |
| - Vốn góp giảm trong năm  | -               | -               |
| - Vốn góp cuối năm        | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |

d) Cổ phiếu

|  | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành    | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 13.000.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 13.000.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): | 10.000     | 10.000     |

e) Các quỹ của Công ty

|                         | 31/12/2016<br>VND    | 01/01/2016<br>VND    |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 6.719.655.738        | 6.719.655.738        |
|                         | <b>6.719.655.738</b> | <b>6.719.655.738</b> |

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

|          | Đơn vị tính | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------|-------------|------------|------------|
| Đô la Mỹ | USD         | 3.880,30   | 5.443,68   |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

|                      | 31/12/2016<br>VND    | 01/01/2016<br>VND    |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| - Huỳnh Bà Phụng     | 235.000.559          | 235.000.559          |
| - Ngô Đình Long      | 207.057.168          | 207.057.168          |
| - Phạm Quốc Liêm     | 443.241.898          | -                    |
| - Các đối tượng khác | 1.056.930.538        | 815.006.667          |
|                      | <b>1.942.230.163</b> | <b>1.257.064.394</b> |

**25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|  | Năm 2016<br>VND        | Năm 2015<br>VND       |
|--|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng   | 89.989.752.452         | 20.852.650.130        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 157.577.758.950        | 65.406.346.639        |
| Doanh thu hàng hóa bất động sản  | -                      | 1.700.000.000         |
|  | <b>247.567.511.402</b> | <b>87.958.996.769</b> |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41) | <b>31.722.727</b>      | -                     |

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                 | Năm 2016<br>VND        | Năm 2015<br>VND       |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 87.095.767.014         | 19.841.585.817        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 138.283.030.924        | 60.105.824.122        |
| Giá vốn hàng hóa Bất động sản   | -                      | 1.294.686.011         |
|                                 | <b>225.378.797.938</b> | <b>81.242.095.950</b> |

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|  | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                           | 977.944.979           | 352.335.212           |
| Lãi bán các khoản đầu tư                             | 11.573.752.578        | 16.391.843.302        |
| Lãi bán chứng khoán kinh doanh                       | 19.662.364.000        | -                     |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                          | 1.832.800             | 1.832.800             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm            | 663.619               | 2.520                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 1.219.536             | 8.348.496             |
| Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh  | 778.577.003           | 3.728.174.550         |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                   | 145.598.826           | 160.126.245           |
|  | <b>33.141.953.341</b> | <b>20.642.663.125</b> |

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|  | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND      |
|--|-----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay                             | 11.374.381.458        | 5.088.719.242        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 8.503.470             | -                    |
| Chi phí tài chính khác                   | 165.225.817           | 326.187              |
|  | <b>11.548.110.745</b> | <b>5.089.045.429</b> |

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                  | Năm 2016<br>VND      | Năm 2015<br>VND      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 24.215.375           | 5.498.363            |
| Chi phí nhân công                | 4.844.491.077        | 1.515.362.450        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 142.427.985          | 59.799.687           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.479.243.434        | 607.304.180          |
| Chi phí khác bằng tiền           | 960.462.615          | 1.071.651.370        |
|                                  | <b>7.450.840.486</b> | <b>3.259.616.050</b> |

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.340.502.821         | 69.990.539            |
| Chi phí nhân công                | 13.278.186.120        | 7.308.867.417         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.086.755.296         | 630.765.682           |
| Chi phí dự phòng                 | (4.726.000)           | 161.068.873           |
| Thuế, phí, và lệ phí             | 868.503.788           | 59.710.764            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.418.721.036         | 1.723.325.246         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 7.585.637.551         | 7.917.645.199         |
|                                  | <b>27.573.580.612</b> | <b>17.871.373.720</b> |

**31. THU NHẬP KHÁC**

|  | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND      |
|--|-----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định                         | 579.722.037           | 108.230.503          |
| Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất | 1.350.712.250         | -                    |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ                                     | 12.683.700.206        | 453.738.586          |
| Tiền phạt, bồi thường thu được   | 305.241.277           | 115.256.378          |
| Xử lý công nợ không phải trả Công ty Quảng Nam                           | 1.650.000.000         | -                    |
| Thu nhập từ tiền thưởng, hỗ trợ chi phí bán hàng được hưởng              | 1.180.133.987         | -                    |
| Thu nhập từ điện nước dịch vụ cho thuê mặt bằng                          | -                     | 705.460.921          |
| Thu nhập khác  | 914.399.883           | 1.314.081.463        |
|  | <b>18.663.909.640</b> | <b>2.696.767.851</b> |

**32. CHI PHÍ KHÁC**

|   | Năm 2016<br>VND              | Năm 2015<br>VND             |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định        | -                            | 4.800.000                   |
| Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ                                       | 12.558.393.747               | -                           |
| Chi tiền làm từ thiện   | 300.000.000                  | -                           |
| Chi phí thiết kế dự án Khách sạn 3 sao Đồng Khởi không được thực hiện (*) | 1.240.909.100                | -                           |
| Đền bù cho bên thuê mặt bằng do thanh lý trước thời hạn                   | -                            | 549.999.994                 |
| Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy                    | 273.749.390                  | -                           |
| Giá trị vỏ chai bị thất thoát tại Công ty Bến Tre                         | 873.451.324                  | -                           |
| Chi phí trả lương hộ cho nhà cung cấp                                     | 659.472.420                  | -                           |
| Các khoản bị phạt, truy thu thuế  | 484.268.421                  | -                           |
| Giảm tiền thuê mặt bằng do sửa chữa khách sạn                             | -                            | 57.866.078                  |
| Chi phí khác  | 1.147.306.215                | 783.331.210                 |
|   | <b><u>17.537.550.617</u></b> | <b><u>1.395.997.282</u></b> |

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình Khách sạn 3 sao Đồng Khởi là chi phí thiết kế công trình. Công trình đã có quyết định dừng thực hiện và chuyển đổi sang dự án Trung tâm hội nghị - tiệc cưới Đồng Khởi Palace theo Quyết định số 05/2012/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2012.

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | Năm 2016<br>VND             | Năm 2015<br>VND           |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ      | 2.567.114.257               | 193.715.024               |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con | 1.197.516.878               | 82.454.559                |
|  | <b><u>3.764.631.135</u></b> | <b><u>276.169.583</u></b> |

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

|  | 31/12/2016<br>VND        | 01/01/2016<br>VND         |
|--|--------------------------|---------------------------|
| - Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 23.962.054               | 587.336.693               |
|  | <b><u>23.962.054</u></b> | <b><u>587.336.693</u></b> |

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|  | Năm 2016<br>VND   | Năm 2015<br>VND   |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế                             | 5.857.551.498     | 2.527.441.554     |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông             | 5.857.551.498     | 2.527.441.554     |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 13.000.000        | 13.000.000        |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | <b><u>451</u></b> | <b><u>194</u></b> |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.



**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2016<br>VND        | Năm 2015<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 16.157.447.763         | 15.385.957.814        |
| Chi phí nhân công                | 28.907.615.975         | 22.693.270.659        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.960.135.002          | 4.684.138.689         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 102.570.763.819        | 35.525.380.682        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 16.711.489.463         | 9.161.771.980         |
|                                  | <b>173.307.452.022</b> | <b>87.450.519.824</b> |

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    | Giá trị sổ kế toán     |                      |                       |                      |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                    | 31/12/2016             |                      | 01/01/2016            |                      |
|                                    | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND      | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                      |                       |                      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.342.084.429          | -                    | 8.174.539.186         | -                    |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 85.796.914.508         | (218.818.542)        | 29.571.147.410        | (881.969.369)        |
| Các khoản cho vay                  | 4.900.000.000          | -                    | 13.050.000.000        | -                    |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 50.626.000.000         | -                    | -                     | -                    |
| Đầu tư dài hạn                     | 22.910.000             | -                    | 22.910.000            | -                    |
|                                    | <b>149.687.908.937</b> | <b>(218.818.542)</b> | <b>50.818.596.596</b> | <b>(881.969.369)</b> |

|                                   | Giá trị sổ kế toán     |                        |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|                                   | VND                    | VND                    |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>      |                        |                        |
| Vay và nợ                         | 136.308.302.579        | 162.431.089.480        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 66.576.833.762         | 48.569.087.374         |
| Chi phí phải trả                  | 997.894.719            | 785.124.328            |
|                                   | <b>203.883.031.060</b> | <b>211.785.301.182</b> |

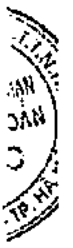
Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày. Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.



**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hạn hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                   |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016                | VND                    | VND                  | VND        | VND                    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.342.084.429          | -                    | -          | 8.342.084.429          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 81.199.692.680         | 4.378.403.286        | -          | 85.578.095.966         |
| Các khoản cho vay                  | 4.900.000.000          | -                    | -          | 4.900.000.000          |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 50.626.000.000         | -                    | -          | 50.626.000.000         |
| Đầu tư dài hạn                     | -                      | 22.910.000           | -          | 22.910.000             |
|                                    | <b>145.067.777.109</b> | <b>4.401.313.286</b> | <b>-</b>   | <b>149.469.090.395</b> |
| Tại ngày 01/01/2016                |                        |                      |            |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.174.539.186          | -                    | -          | 8.174.539.186          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 23.540.091.147         | 5.149.086.894        | -          | 28.689.178.041         |
| Các khoản cho vay                  | 13.050.000.000         | -                    | -          | 13.050.000.000         |
| Đầu tư dài hạn                     | -                      | 22.910.000           | -          | 22.910.000             |
|                                    | <b>44.764.630.333</b>  | <b>5.171.996.894</b> | <b>-</b>   | <b>49.936.627.227</b>  |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm            | Cộng                   |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016               | VND                    | VND                  | VND                   | VND                    |
| Vay và nợ                         | 51.961.360.068         | -                    | 84.346.942.511        | 136.308.302.579        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 65.646.163.762         | 930.670.000          | -                     | 66.576.833.762         |
| Chi phí phải trả                  | 997.894.719            | -                    | -                     | 997.894.719            |
|                                   | <b>118.605.418.549</b> | <b>930.670.000</b>   | <b>84.346.942.511</b> | <b>203.883.031.060</b> |
| Tại ngày 01/01/2016               |                        |                      |                       |                        |
| Vay và nợ                         | 82.180.010.179         | -                    | 80.251.079.301        | 162.431.089.480        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 47.584.417.374         | 984.670.000          | -                     | 48.569.087.374         |
| Chi phí phải trả                  | 785.124.328            | -                    | -                     | 785.124.328            |
|                                   | <b>130.549.551.881</b> | <b>984.670.000</b>   | <b>80.251.079.301</b> | <b>211.785.301.182</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

|  | Năm 2016          | Năm 2015         |
|--|-------------------|------------------|
|  | VND               | VND              |
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm   |                   |                  |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;   | 104.474.634.614   | 128.501.753.170  |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm   |                   |                  |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;  | (130.597.421.515) | (55.566.813.324) |
| c) Mua và thanh lý công ty con trong năm báo cáo   |                   |                  |
| - Tổng mua hoặc thanh lý công ty con trong năm   | 20.500.000.000    | 52.411.590.000   |
| - Phần giá trị mua hoặc thanh lý công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền                 | 20.500.000.000    | 52.411.590.000   |
| - Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý | -                 | 2.132.407.040    |

**39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 03/01/2017, Công ty đã thông báo Bán cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chào bán 62.205.000 cổ phần, tổng giá trị chào bán là 622.050.000.000 đồng. Công ty cam kết việc tăng vốn sẽ thành công để thực hiện đầu tư vào 4 Công ty mục tiêu theo hình thức mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu. Các Công ty mục tiêu là Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty CP Du lịch Thắng Lợi, Công ty CP Du lịch Thanh Bình, Công ty CP Du lịch Bến Tre.

Trong năm 2016, Công ty CP Du lịch Thành Thành Công và Công ty CP Du lịch Bến Tre đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Chế Ngọc Bảo cho đối tác với giá chuyển nhượng là 55.522.364.000 đồng. Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Chế Ngọc Bảo này trong năm 2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11e  
NGT  
NIỆM  
KIỂM  
AS  
ĐỀ

#### 40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

#### 41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 16)

Giao dịch phát sinh trong năm:

|   | Mối quan hệ | Năm 2016<br>VND           | Năm 2015<br>VND           |
|---|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |             | <b>31.722.727</b>         | <b>-</b>                  |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công            | Cổ đông lớn | 31.722.727                | -                         |
| <b>Số dư tại ngày kết thúc năm</b>            |             | <b>31/12/2016<br/>VND</b> | <b>01/01/2016<br/>VND</b> |
| <b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>           |             | <b>311.473.466</b>        | <b>647.241.633</b>        |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công            | Cổ đông lớn | 311.473.466               | 647.241.633               |
| <b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>              |             |                           |                           |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công            | Cổ đông lớn | -                         | 10.000.000.000            |
| <b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>        |             | <b>1.170.960.622</b>      | <b>3.044.999</b>          |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công            | Cổ đông lớn | 1.170.960.622             | 3.044.999                 |
| <b>Phải trả khác ngắn hạn</b>                 |             | <b>3.194.444</b>          | <b>-</b>                  |
| Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công            | Cổ đông lớn | 3.194.444                 | -                         |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|                                   | Năm 2016<br>VND | Năm 2015<br>VND |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT | 801.570.014     | 1.712.670.081   |

#### 42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Nguyễn Thái Hà

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính

Số chứng thực..... Quyển số.....SCT/BS  
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Phó Chủ Tịch UBND P.1, Q. Tân Bình



*Nguyễn Đình Nghị*



**NỘI DUNG**

|  | Trang   |
|--|---------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty           | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                  | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  | 06 - 38 |
| Bảng cân đối kế toán riêng                 | 06 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 08      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng           | 09 - 10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng        | 11 - 38 |



## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |              |  |
|----------------------------|--------------|--|
| Ông: Nguyễn Thế Vinh       | Chủ tịch     | (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/05/2017)   |
| Bà: Tsan Quay Liang        | Chủ tịch     | (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/05/2017, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 04/07/2017) |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch | (Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)   |
| Bà: Nguyễn Thái Hà         | Phó Chủ tịch |  |
| Ông: Trần Mến              | Thành viên   |  |
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Thành viên   |  |
| Ông: Nguyễn Cường Dũng     | Thành viên   |  |

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |                    |                              |
|----------------------------|--------------------|------------------------------|
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Tổng Giám đốc      |                              |
| Ông: Lê Thanh Huỳnh Cang   | Phó Tổng Giám đốc  | (Bổ nhiệm ngày 10/08/2017)   |
| Ông: Phan Minh Trí         | Phó Tổng Giám đốc  | (Bổ nhiệm ngày 28/03/2017)   |
| Bà: Hồ Nguyễn Duy Khương   | Phó Tổng Giám đốc  | (Miễn nhiệm ngày 01/04/2017) |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Tổng Giám đốc  | (Miễn nhiệm ngày 10/02/2017) |
| Bà: Nguyễn Thị Huệ Trinh   | Giám đốc Tài chính |                              |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                             |            |                              |
|-----------------------------|------------|------------------------------|
| Ông: Hoàng Mạnh Tiến        | Trưởng ban |                              |
| Ông: Hoàng Ngọc Hiệu        | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 19/07/2017)   |
| Bà: Nguyễn Trần Hằng Phương | Thành viên |                              |
| Ông: Nguyễn Công Khanh      | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 04/07/2017) |
| Bà: Phạm Thị Thanh Mai      | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 04/07/2017) |

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

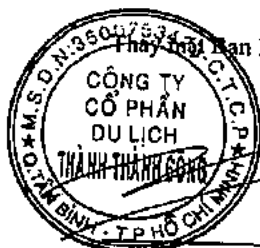
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phan Thị Hồng Vân  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018





Số: 280318.001/BCTC.KT7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty  
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lân  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1427-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Ma  | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 31/12/2017             | 01/01/2017             |
|-----|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | 99.111.839.259         | 101.423.700.641        |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 03          | 7.973.596.798          | 5.718.660.357          |
| 111 | 1. Tiền                                     |             | 7.973.596.798          | 5.718.660.357          |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 04          | 12.914.783.972         | 50.626.000.000         |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh                   |             | 13.923.704.222         | 50.626.000.000         |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh |             | (1.008.920.250)        | -                      |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 75.413.274.664         | 40.156.891.496         |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 05          | 56.505.699.111         | 5.490.741.868          |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 06          | 2.680.124.075          | 5.209.751.347          |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 07          | 16.277.171.413         | 29.507.821.788         |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       |             | (68.479.428)           | (70.183.000)           |
| 139 | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                  |             | 18.759.493             | 18.759.493             |
| 140 | IV. Hàng tồn kho                            | 09          | 981.123.750            | 1.041.694.042          |
| 141 | 1. Hàng tồn kho                             |             | 981.123.750            | 1.041.694.042          |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 1.829.060.075          | 3.880.454.746          |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 12          | 1.177.285.675          | 522.938.226            |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  |             | 627.769.043            | 3.357.516.520          |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 16          | 24.005.357             | -                      |
| 200 | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | 888.308.874.547        | 230.706.846.903        |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | 35.000.000             | 4.312.576.800          |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 07          | 35.000.000             | 4.312.576.800          |
| 220 | II. Tài sản cố định                         |             | 142.737.450.270        | 134.357.182.270        |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 10          | 110.433.845.936        | 100.853.184.847        |
| 222 | - Nguyên giá                                |             | 159.381.185.397        | 143.383.435.662        |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (48.947.339.461)       | (42.530.250.815)       |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình                  | 11          | 32.303.604.334         | 33.503.997.423         |
| 228 | - Nguyên giá                                |             | 39.533.433.085         | 39.533.433.085         |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (7.229.828.751)        | (6.029.435.662)        |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn                 | 04          | 739.921.410.547        | 88.125.885.696         |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con                   |             | 716.717.455.932        | 65.492.742.262         |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  |             | 24.772.623.054         | 24.772.623.054         |
| 254 | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn        |             | (1.568.668.439)        | (2.139.479.620)        |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác                    |             | 5.615.013.730          | 3.911.202.137          |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 12          | 5.615.013.730          | 3.911.202.137          |
| 270 | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    |             | <b>987.420.713.806</b> | <b>332.130.547.544</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN  | Thuyết minh | 31/12/2017             | 01/01/2017             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                    | VND                    |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                |             | <b>214.179.438.176</b> | <b>187.080.565.722</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                |             | <b>127.045.087.573</b> | <b>133.431.944.309</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                       | 14          | 50.581.907.413         | 13.336.323.209         |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                 | 15          | 2.280.033.904          | 28.115.119.113         |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước               | 16          | 6.036.632.249          | 2.824.429.870          |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                           |             | 3.853.435.497          | 2.114.840              |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                         | 17          | 1.371.069.905          | 119.242.931            |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                 | 19          | 1.496.286.786          | 384.063.638            |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                            | 18          | 31.125.129.619         | 40.986.852.398         |
| 320   | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                 | 13          | 30.300.592.200         | 47.663.798.310         |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                |             | <b>87.134.350.603</b>  | <b>53.648.621.413</b>  |
| 337   | 1. Phải trả dài hạn khác                             | 18          | 917.770.000            | 917.770.000            |
| 338   | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                  | 13          | 86.216.580.603         | 52.730.851.413         |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             |             | <b>773.241.275.630</b> | <b>145.049.981.822</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                             |             | <b>773.241.275.630</b> | <b>145.049.981.822</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                            | 20          | 752.050.000.000        | 130.000.000.000        |
| 411a  | <i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>         |             | 752.050.000.000        | 130.000.000.000        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                              |             | 748.636.364            | 910.000.000            |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                             |             | 6.719.655.738          | 6.719.655.738          |
| 421   | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                 |             | 13.722.983.528         | 7.420.326.084          |
| 421a  | <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> |             | 7.420.326.084          | (184.899.106)          |
| 421b  | <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>                   |             | 6.302.657.444          | 7.605.225.190          |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                           |             | <b>987.420.713.806</b> | <b>332.130.547.544</b> |

Người lập biểu



Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.



Giám đốc



Trần Thị Hồng Vân

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2017        |  | Năm 2016        |  |
|-------|--|-------------|-----------------|--|-----------------|--|
|       |  |             | VND             |  | VND             |  |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 22          | 339.283.804.609 |  | 121.713.175.191 |  |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    |             | -               |  | -               |  |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 339.283.804.609 |  | 121.713.175.191 |  |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                | 23          | 282.819.303.907 |  | 103.086.624.553 |  |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 56.464.500.702  |  | 18.626.550.638  |  |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 24          | 20.880.464.379  |  | 20.641.244.395  |  |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 25          | 11.236.777.198  |  | 5.156.768.599   |  |
| 23    | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                   |             | 10.761.382.648  |  | 7.643.181.958   |  |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                                | 26          | 18.171.069.285  |  | 6.699.778.191   |  |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 27          | 30.450.745.250  |  | 18.441.078.770  |  |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 17.486.373.348  |  | 8.970.169.473   |  |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                  | 28          | 771.882.831     |  | 7.513.899.119   |  |
| 32    | 12. Chi phí khác                                   | 29          | 5.482.144.622   |  | 6.311.729.145   |  |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                                 |             | (4.710.261.791) |  | 1.202.169.974   |  |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 12.776.111.557  |  | 10.172.339.447  |  |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 30          | 6.473.454.113   |  | 2.567.114.257   |  |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    |             | -               |  | -               |  |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       |             | 6.302.657.444   |  | 7.605.225.190   |  |

Người lập biểu



Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.



Phan Thị Hồng Vân

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2017<br>VND   | Năm 2016<br>VND  |
|--|--|-------------|-------------------|------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                   |                  |
| 01   | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 12.776.111.557    | 10.172.339.447   |
|  | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             | (2.267.218.339)   | (10.154.229.041) |
| 02   | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 7.691.259.653     | 5.618.819.186    |
| 03   | - Các khoản dự phòng   |             | 436.405.497       | (2.549.901.969)  |
| 04   | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | 18.098.041        | -                |
| 05   | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (21.174.364.178)  | (20.866.328.216) |
| 06   | - Chi phí lãi vay  |             | 10.761.382.648    | 7.643.181.958    |
| 08   | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 10.508.893.218    | 18.110.406       |
| 09   | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | (42.363.540.676)  | 7.363.903.657    |
| 10   | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | 60.570.292        | (184.664.027)    |
| 11   | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 10.033.574.404    | 35.675.034.865   |
| 12   | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (2.358.159.042)   | (2.878.612.046)  |
| 13   | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  |             | 36.702.295.778    | -                |
| 14   | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (10.870.460.084)  | (7.911.159.246)  |
| 15   | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (5.421.601.707)   | -                |
| 17   | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (161.363.636)     | (264.117.371)    |
| 20   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | (3.869.791.453)   | 31.818.496.238   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                   |                  |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (16.265.829.494)  | (37.725.353.936) |
| 22   | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | 502.320.145       | 286.363.636      |
| 25   | 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | (651.224.713.670) | (6.384.798.772)  |
| 26   | 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | 29.151.008.744    | 20.500.000.000   |
| 27   | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 5.807.517.130     | 822.901.005      |
| 30   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | (632.029.697.145) | (22.500.888.067) |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                   |                  |
| 31   | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                   |             | 622.050.000.000   | -                |
| 33   | 2. Tiền thu từ đi vay  |             | 190.802.490.530   | 90.662.656.039   |
| 34   | 3. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (174.679.967.450) | (97.048.759.758) |
| 40   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | 638.172.523.080   | (6.386.103.719)  |
| 50   | Lưu chuyển tiền thuần trong năm  |             | 2.273.034.482     | 2.931.504.452    |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2017<br>VND      | Năm 2016<br>VND      |
|-------|---|-------------|----------------------|----------------------|
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                        |             | 5.718.660.357        | 2.787.155.905        |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | (18.098.041)         | -                    |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                       | 03          | <u>7.973.596.798</u> | <u>5.718.660.357</u> |

Người lập biểu

Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hồng Vân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 752.050.000.000 đồng; Tương đương 75.205.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).



**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

- Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của TTC Tourist trên thị trường du lịch.
- Công ty triển khai tổ chức kinh doanh theo mô hình bán hàng tập trung (Sales Center). Theo đó, Công ty con như Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi, Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình... thực hiện xuất hóa đơn bán hàng qua Công ty mẹ để tập trung phát triển thương hiệu du lịch TTC Tourist. Việc triển khai theo mô hình này đã làm doanh thu, giá vốn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác về thu hộ chi hộ, các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước của Công ty tăng đột biến trong năm 2017.
- Trong năm, Công ty đã hoàn thành mua và chuyển nhượng lại cổ phần của các doanh nghiệp thuộc sở hữu của các Công ty con để thực hiện tái cấu trúc mô hình hoạt động. Lợi nhuận từ hoạt động mua và chuyển nhượng lại cổ phần nêu trên ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 là: 7.296.375.000 VND. Bên cạnh đó, Công ty còn kinh doanh các loại chứng khoán khác, lợi nhuận đạt được từ các khoản kinh doanh này là 3.658.453.744 VND.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 28 tỷ đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá về luồng tiền tăng trưởng trong thời gian tới cũng như khả năng gia hạn nợ với các bên liên quan và tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:  | Địa chỉ   | Hoạt động kinh doanh chính  |
|--|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ               | Số 02, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ | Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài. |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng              | Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, P.1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng            | Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam             | 87 đường Cửa Đại, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam                      | Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận            | Thành phố Bình Thuận – Trung tâm lữ hành                                    | Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre               | Thành phố Bến Tre – Trung tâm lữ hành                                       | Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang            | Thành phố Tiền Giang – Trung tâm lữ hành                                    | Kinh doanh lữ hành  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Thành phố Hồ Chí Minh | Thành phố Hồ Chí Minh   | Kinh doanh lữ hành  |

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 08 năm

|                                 |             |
|---------------------------------|-------------|
| - Thiết bị văn phòng            | 03 - 10 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 06 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất             | 39 - 50 năm |
| - Phần mềm máy tính             | 03 năm      |
| - Tài sản cố định vô hình khác  | 03 năm      |

#### 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoãn nhập.

#### 2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê phòng nghỉ, khách sạn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.



HAI AN I M NHA

#### 2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.17. Doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

1011  
CÔ  
HNH  
GK  
AA  
KIE  
30  
C  
20  
D  
H  
H

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.19. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|   | 31/12/2017             |                        | 01/01/2017            |                        |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng               |
|   | VND                    | VND                    | VND                   | VND                    |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                           | <b>716.717.455.932</b> | <b>-</b>               | <b>65.492.742.262</b> | <b>-</b>               |
| - Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt              | 13.081.152.262         | -                      | 13.081.152.262        | -                      |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre (*)                   | 77.168.581.670         | -                      | 52.411.590.000        | -                      |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*) | 268.800.283.000        | -                      | -                     | -                      |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (*)                 | 280.247.484.000        | -                      | -                     | -                      |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình (*)                | 77.419.955.000         | -                      | -                     | -                      |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>          | <b>24.772.623.054</b>  | <b>(1.568.668.439)</b> | <b>24.772.623.054</b> | <b>(2.139.479.620)</b> |
| - Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor          | 24.772.623.054         | (1.568.668.439)        | 24.772.623.054        | (2.139.479.620)        |
|   | <b>741.490.078.986</b> | <b>(1.568.668.439)</b> | <b>90.265.365.316</b> | <b>(2.139.479.620)</b> |

(\*) Thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ - HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực, Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phiếu của các công ty này và nắm giữ quyền kiểm soát từ tháng 4/2017. Cụ thể:

- 1.545.569 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre được mua thêm với giá 20.756.991.670 VND, giá trị theo mệnh giá: 15.455.690.000 VND. Đến thời điểm đầu quý 3/2017, Công ty tiếp tục mua thêm 400.000 cổ phiếu với tổng số tiền đầu tư thêm là 4.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã sở hữu 4.441.359/5.259.348 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre, tương đương tổng giá trị đầu tư là: 77.168.581.670 đồng.
- 20.765.242 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng được mua với giá 238.800.283.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 207.652.420.000 VND. Đến ngày 31/07/2017, Công ty tiếp tục được chia cổ tức bằng cổ phiếu, số lượng tăng thêm là 1.038.262 cổ phiếu. Đến thời điểm 01/09/2017, Công ty tiếp tục mua thêm 3.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền đầu tư thêm là 30.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã sở hữu 24.803.504/34.443.466 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, tương đương tổng giá trị đầu tư là: 268.800.283.000 đồng.
- 23.353.957 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi được mua với giá 280.247.484.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 233.539.570.000 VND;
- 6.732.710 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình được mua thêm với giá 77.419.955.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 67.327.100.000 VND;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

| Tên Công ty con                                   | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt          | Tỉnh Lâm Đồng              | 100,00%       | 100,00%                | Dịch vụ Khách sạn          |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre                   | Tỉnh Bến Tre               | 84,45%        | 84,45%                 | Dịch vụ Khách sạn          |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Tỉnh Lâm Đồng              | 72,01%        | 72,01%                 | Dịch vụ Khách sạn          |

| Tên Công ty con                    | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|------------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | TP Hồ Chí Minh             | 74,80%        | 74,80%                 | Dịch vụ Khách sạn          |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi  | TP. Nha Trang              | 82,32%        | 82,32%                 | Dịch vụ Khách sạn          |

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

| Tên Công ty liên kết                         | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính   |
|--|----------------------------|---------------|------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor | Vương quốc Campuchia       | 49,00%        | 49,00%                 | Kinh doanh dịch vụ khách sạn |

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|   | 31/12/2017<br>VND     | 01/01/2017<br>VND    |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn         |                       |                      |
| - Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh                 | 58.124.642            | 304.972.603          |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                             | 1.408.483.216         | 306.805.466          |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình                                  | 24.291.649.017        | -                    |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi                                   | 8.311.415.107         | -                    |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng                   | 4.043.301.000         | -                    |
| - Công ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Anex Việt Nam                    | 2.878.347.750         | -                    |
| - Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel) | 26.437.000            | 341.290.000          |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác                                  | 15.487.941.379        | 4.537.673.799        |
|   | <b>56.505.699.111</b> | <b>5.490.741.868</b> |

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|  | 31/12/2017           |                 | 01/01/2017           |                 |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|  | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát                         | -                    | -               | 1.988.344.626        | -               |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP | 1.107.754.789        | -               | 761.574.000          | -               |
| - Công ty TNHH PNR   | 294.255.635          | -               | 655.076.100          | -               |
| - Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet   | 108.238.260          | -               | 198.577.800          | -               |
| - Các khoản trả trước người bán khác   | 1.169.875.391        | -               | 1.606.178.821        | -               |
|  | <b>2.680.124.075</b> | <b>-</b>        | <b>5.209.751.347</b> | <b>-</b>        |



7. PHẢI THU KHÁC

|   | 31/12/2017            |                 | 01/01/2017            |                     |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND     |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                 |                       |                     |
| - Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)                | 5.354.592.230         | -               | 5.354.592.230         | -                   |
| - Ký cược, ký quỹ   | 1.520.060.546         | -               | -                     | -                   |
| - Phải thu người lao động tiền tạm ứng                                | 1.069.529.581         | -               | 285.576.243           | (70.183.000)        |
| - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Chè Ngọc Bào | -                     | -               | 18.196.180.000        | -                   |
| - Phải thu Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh  | -                     | -               | 3.223.596.551         | -                   |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng                   | 4.104.000.000         | -               | -                     | -                   |
| - Phải thu khác   | 4.228.989.056         | -               | 2.447.876.764         | -                   |
|   | <b>16.277.171.413</b> | <b>-</b>        | <b>29.507.821.788</b> | <b>(70.183.000)</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                 |                       |                     |
| - Ký cược, ký quỹ   | 35.000.000            | -               | 4.312.576.800         | -                   |
|   | <b>35.000.000</b>     | <b>-</b>        | <b>4.312.576.800</b>  | <b>-</b>            |

(\*) Khoản phải thu về số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

8. NỢ XẤU

|   | 31/12/2017        |                                  | 01/01/2017        |                                  |
|---|-------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------------------|
|   | Giá gốc<br>VND    | Giá trị có<br>thẻ thu hồi<br>VND | Giá gốc<br>VND    | Giá trị có<br>thẻ thu hồi<br>VND |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 68.479.428        | -                                | 70.183.000        | -                                |
|   | <b>68.479.428</b> | <b>-</b>                         | <b>70.183.000</b> | <b>-</b>                         |

9. HÀNG TỒN KHO

|                         | 31/12/2017         |                 | 01/01/2017           |                 |
|-------------------------|--------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                         | Giá gốc<br>VND     | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 745.520.880        | -               | 183.627.231          | -               |
| - Công cụ, dụng cụ      | 146.892.608        | -               | 858.066.811          | -               |
| - Hàng hóa              | 88.710.262         | -               | -                    | -               |
|                         | <b>981.123.750</b> | <b>-</b>        | <b>1.041.694.042</b> | <b>-</b>        |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công  
Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                          | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | TSCĐ dùng<br>trong quản lý | TSCĐ hữu hình<br>khác | Cộng            |
|--------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------|
|                          | VND                       | VND                  | VND                                | VND                        | VND                   | VND             |
| Nguyên giá               |                           |                      |                                    |                            |                       |                 |
| Số dư đầu năm            | 126.771.274.057           | 7.727.561.264        | 6.163.980.517                      | 2.016.690.364              | 703.929.460           | 143.383.435.662 |
| - Mua trong năm          | -                         | 2.628.585.380        | 2.537.450.000                      | 245.498.700                | -                     | 5.411.534.080   |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 10.854.295.414            | -                    | -                                  | -                          | -                     | 10.854.295.414  |
| - Thanh lý, nhượng bán   | (78.158.718)              | -                    | (159.761.896)                      | (30.159.145)               | -                     | (268.079.759)   |
| Số dư cuối năm           | 137.547.410.753           | 10.356.146.644       | 8.541.668.621                      | 2.237.029.919              | 703.929.460           | 159.381.185.397 |
| Giá trị hao mòn lũy kế   |                           |                      |                                    |                            |                       |                 |
| Số dư đầu năm            | 36.199.704.931            | 2.739.399.330        | 1.778.915.914                      | 1.506.920.328              | 305.310.312           | 42.530.250.815  |
| - Khấu hao trong năm     | 4.314.904.726             | 1.182.598.945        | 776.104.733                        | 188.001.212                | 29.256.948            | 6.490.866.564   |
| - Thanh lý, nhượng bán   | (14.329.095)              | -                    | (29.289.678)                       | (30.159.145)               | -                     | (73.777.918)    |
| Số dư cuối năm           | 40.500.280.562            | 3.921.998.275        | 2.525.730.969                      | 1.664.762.395              | 334.567.260           | 48.947.339.461  |
| Giá trị còn lại          |                           |                      |                                    |                            |                       |                 |
| Tại ngày đầu năm         | 90.571.569.126            | 4.988.161.934        | 4.385.064.603                      | 509.770.036                | 398.619.148           | 100.853.184.847 |
| Tại ngày cuối năm        | 97.047.130.191            | 6.434.148.369        | 6.015.937.652                      | 567.267.524                | 369.362.200           | 110.433.845.936 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.242.974.844 đồng;



**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Quyền sử dụng đất     | Chương trình phần mềm | TSCĐ vô hình khác  | Cộng                  |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
|                               | VND                   | VND                   | VND                | VND                   |
| <b>Nguyên giá</b>             |                       |                       |                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | 38.892.426.817        | 296.000.000           | 345.006.268        | 39.533.433.085        |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>38.892.426.817</b> | <b>296.000.000</b>    | <b>345.006.268</b> | <b>39.533.433.085</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                       |                       |                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | 5.972.601.803         | 28.083.338            | 28.750.521         | 6.029.435.662         |
| - Khấu hao trong năm          | 995.057.676           | 90.333.329            | 115.002.084        | 1.200.393.089         |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>6.967.659.479</b>  | <b>118.416.667</b>    | <b>143.752.605</b> | <b>7.229.828.751</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                       |                       |                    |                       |
| Tại ngày đầu năm              | 32.919.825.014        | 267.916.662           | 316.255.747        | 33.503.997.423        |
| Tại ngày cuối năm             | <b>31.924.767.338</b> | <b>177.583.333</b>    | <b>201.253.663</b> | <b>32.303.604.334</b> |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 31.924.767.338 VND

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|   | 31/12/2017           | 01/01/2017           |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                      |                      |                      |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 872.849.272          | 175.757.798          |
| - Chi phí sửa chữa, bảo trì             | 4.288.575            | 62.148.483           |
| - Chi phí phần mềm máy tính             | 15.290.689           | 8.333.334            |
| - Các khoản khác                        | 284.857.139          | 276.698.611          |
|   | <b>1.177.285.675</b> | <b>522.938.226</b>   |
| <b>b) Dài hạn</b>                       |                      |                      |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 5.006.831.416        | 1.598.367.199        |
| - Chi phí thuê đất                      | -                    | 239.999.616          |
| - Chi phí phần mềm máy tính             | 25.100.837           | 27.583.328           |
| - Chi phí làm phim quảng cáo            | 295.050.503          | 448.989.899          |
| - Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 249.069.419          | 1.596.262.095        |
| - Các khoản khác                        | 38.961.555           | -                    |
|   | <b>5.615.013.730</b> | <b>3.911.202.137</b> |

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

|   | 01/01/2017     |                       | Trong năm      |                | 31/12/2017     |                       |
|---|----------------|-----------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------|
|   | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ | Tăng           | Giảm           | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND            | VND                   | VND            | VND            | VND            | VND                   |
| a) Vay ngắn hạn   |                |                       |                |                |                |                       |
| - Vay ngắn hạn  |                |                       |                |                |                |                       |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành | 37.774.611.966 | 37.774.611.966        | 69.582.956.530 | 82.685.703.692 | 24.671.864.804 | 24.671.864.804        |
| Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Chi nhánh Nguyễn Trãi    | 500.000.000    | 500.000.000           | -              | 500.000.000    | -              | -                     |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk                  | 19.932.611.966 | 19.932.611.966        | 13.321.864.804 | 19.932.611.966 | 13.321.864.804 | 13.321.864.804        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                         | 2.500.000.000  | 2.500.000.000         | -              | 2.500.000.000  | -              | -                     |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi                               | 12.542.000.000 | 12.542.000.000        | -              | 12.542.000.000 | -              | -                     |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng               | -              | -                     | 19.000.000.000 | 19.000.000.000 | -              | -                     |
| Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre                                 | 1.850.000.000  | 1.850.000.000         | 8.500.000.000  | 1.000.000.000  | 9.350.000.000  | 9.350.000.000         |
| Công ty Cổ phần Du lịch núi Tà Cú                               | -              | -                     | 2.000.000.000  | -              | 2.000.000.000  | 2.000.000.000         |
| Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng                    | -              | -                     | 26.761.091.726 | 26.761.091.726 | -              | -                     |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn trả                                 | 9.889.186.344  | 9.889.186.344         | 5.628.727.396  | 9.889.186.344  | 5.628.727.396  | 5.628.727.396         |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh           | 198.000.000    | 198.000.000           | 539.676.996    | 198.000.000    | 539.676.996    | 539.676.996           |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk                  | 9.691.186.344  | 9.691.186.344         | 5.089.050.400  | 9.691.186.344  | 5.089.050.400  | 5.089.050.400         |
|   | 47.663.798.310 | 47.663.798.310        | 75.211.683.926 | 92.574.890.036 | 30.300.592.200 | 30.300.592.200        |



110  
NG  
KIỂM  
KIỂM

|   | 01/01/2017             |                        | Trong năm              |                        | 31/12/2017             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng         | Tăng                   | Giảm                   | Giá trị                | Số có khả năng         |
|   | VND                    | trả nợ                 | VND                    | VND                    | VND                    | trả nợ                 |
| <b>b) Vay dài hạn</b>                                 |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
| - Vay dài hạn   |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 62.620.037.757         | 62.620.037.757         | 121.219.534.000        | 91.994.263.758         | 91.845.307.999         | 91.845.307.999         |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk        | 990.000.000            | 990.000.000            | 1.708.385.000          | 198.000.000            | 2.500.385.000          | 2.500.385.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công               | 61.630.037.757         | 61.630.037.757         | 8.381.029.000          | 32.081.203.758         | 37.929.862.999         | 37.929.862.999         |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng     | -                      | -                      | 44.800.000.000         | 25.800.000.000         | 19.000.000.000         | 19.000.000.000         |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre                       | -                      | -                      | 31.315.060.000         | 12.000.000.000         | 19.315.060.000         | 19.315.060.000         |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Địa Ốc Dũng Anh           | -                      | -                      | 8.200.000.000          | 600.000.000            | 7.600.000.000          | 7.600.000.000          |
| Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng              | -                      | -                      | 21.315.060.000         | 21.315.060.000         | -                      | -                      |
|   | -                      | -                      | 5.500.000.000          | -                      | 5.500.000.000          | 5.500.000.000          |
| <b>Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>          | <b>62.620.037.757</b>  | <b>62.620.037.757</b>  | <b>121.219.534.000</b> | <b>91.994.263.758</b>  | <b>91.845.307.999</b>  | <b>91.845.307.999</b>  |
| <b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>                 | <b>(9.889.186.344)</b> | <b>(9.889.186.344)</b> | <b>(5.628.727.396)</b> | <b>(9.889.186.344)</b> | <b>(5.628.727.396)</b> | <b>(5.628.727.396)</b> |
|   | <b>52.730.851.413</b>  | <b>52.730.851.413</b>  |                        |                        | <b>86.216.580.603</b>  | <b>86.216.580.603</b>  |

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

|   | Loại tiền | Lãi suất năm | Hình thức | đảm bảo               |                       |
|---|-----------|--------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
|   |           |              |           | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|   | VND       | 9,0%         | Tin chấp  | VND                   | VND                   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành | VND       | 9,0%         | Tin chấp  | -                     | 450.000.000           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                         | VND       | 11,5%        | Tin chấp  | -                     | 2.500.000.000         |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi                               | VND       | 9,3%         | Tin chấp  | -                     | 12.542.000.000        |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre                                 | VND       | 9,0%         | Tin chấp  | 9.350.000.000         | 1.850.000.000         |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tả Cú                               | VND       | 8,5%         | Tin chấp  | 2.000.000.000         | -                     |
| Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Chi nhánh Nguyễn Trãi    | VND       | Điều chỉnh   | Tin chấp  | -                     | 500.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [1]              | VND       | Điều chỉnh   | Tài sản   | 13.321.864.804        | 19.932.611.966        |
|   |           |              |           | <b>24.671.864.804</b> | <b>37.774.611.966</b> |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:  
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

|  | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | Hình thức<br>đảm bảo | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|--|-----------|--------------|-------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | VND       |              |             |                      | VND                   | VND                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                  | VND       | 10,5%        | 2019        | Tin chấp             | 19.000.000.000        | -                     |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng        | VND       | 8,5%         | 2019        | Tin chấp             | 19.315.060.000        | -                     |
| Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre                          | VND       | 9,0%         | 2019        | Tin chấp             | 7.600.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng                 | VND       | 8,5%         | 2019        | Tin chấp             | 5.500.000.000         | -                     |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [1]       | VND       | Điều chỉnh   | 2026        | Tài sản              | 37.929.862.999        | 61.630.037.757        |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh [2] | VND       | Điều chỉnh   | 2022        | Tài sản              | 2.500.385.000         | 990.000.000           |
|  |           |              |             |                      | <u>91.845.307.999</u> | <u>62.620.037.757</u> |
|  |           |              |             |                      | (5.628.727.396)       | (9.889.186.344)       |
|  |           |              |             |                      | <u>86.216.580.603</u> | <u>52.730.851.413</u> |

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

[1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty cổ phần mùa đường Thành Thành Công Tây Ninh phát hành, tỷ lệ đảm bảo 60%;

[2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Mercedes-Benz biển kiểm soát 51G-530.80 và xe Toyota biển kiểm soát : 51G-238.77.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | 31/12/2017            |                       | 01/01/2017            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                       |                       |                       |                       |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc xây dựng Toàn Thịnh Phát          | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         |
| - Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận                            | 1.013.913.500         | 1.013.913.500         | 697.993.000           | 697.993.000           |
| - Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi                                  | 35.396.289.244        | 35.396.289.244        | 5.785.576.223         | 5.785.576.223         |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                            | 2.554.092.574         | 2.554.092.574         | 793.373.742           | 793.373.742           |
| - Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Động Gia                     | -                     | -                     | 656.039.317           | 656.039.317           |
| - Công ty cổ phần Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh               | -                     | -                     | 772.069.000           | 772.069.000           |
| - Phải trả các đối tượng khác  | 9.988.140.494         | 9.988.140.494         | 3.001.800.326         | 3.001.800.326         |
|  | <b>50.581.907.413</b> | <b>50.581.907.413</b> | <b>13.336.323.209</b> | <b>13.336.323.209</b> |
| <b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>                              |                       |                       |                       |                       |
| - Công ty cổ phần Đầu tư Kiến trúc xây dựng Toàn Thịnh Phát          | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         |
|  | <b>1.629.471.601</b>  | <b>1.629.471.601</b>  | <b>1.629.471.601</b>  | <b>1.629.471.601</b>  |

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2017           | 01/01/2017            |
|---|----------------------|-----------------------|
|   | VND                  | VND                   |
| - Bà Viên Diệu Hoa                        | -                    | 26.000.000.000        |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre         | 133.877.230          | -                     |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác | 2.146.156.674        | 2.115.119.113         |
|   | <b>2.280.033.904</b> | <b>28.115.119.113</b> |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|  | Số phải thu<br>đầu năm | Số phải nộp<br>đầu năm | Số phải nộp<br>trong năm | Số đã thực nộp<br>trong năm | Số phải thu<br>cuối năm | Số phải nộp<br>cuối năm |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
|  | VND                    | VND                    | VND                      | VND                         | VND                     | VND                     |
| - Thuế giá trị gia tăng                            | -                      | 130.497.526            | 12.414.597.989           | 10.767.491.214              | 24.005.357              | 1.801.609.658           |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt                           | -                      | 45.606.061             | 1.042.128.536            | 1.044.046.113               | -                       | 43.688.484              |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | -                      | 2.409.885.600          | 6.708.365.393            | 5.421.601.707               | -                       | 3.696.649.286           |
| - Thuế thu nhập cá nhân                            | -                      | 238.440.683            | 1.021.722.712            | 765.478.574                 | -                       | 494.684.821             |
| - Thuế nhà đất, tiền thuế đất                      | -                      | -                      | 139.401.600              | 139.401.600                 | -                       | -                       |
| - Các loại thuế khác                               | -                      | -                      | 42.803.562               | 42.803.562                  | -                       | -                       |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                      | -                      | 260.900.000              | 260.900.000                 | -                       | -                       |
|  | -                      | 2.824.429.870          | 21.629.919.792           | 18.441.722.770              | 24.005.357              | 6.036.632.249           |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                | 31/12/2017           | 01/01/2017         |
|--------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                | VND                  | VND                |
| - Chi phí lãi vay              | -                    | 109.077.436        |
| - Trích trước chi phí tư vấn   | 782.849.294          | -                  |
| - Trích trước chi phí hoa hồng | 337.000.000          | -                  |
| - Chi phí phải trả khác        | 251.220.611          | 10.165.495         |
|                                | <b>1.371.069.905</b> | <b>119.242.931</b> |

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

|  | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>n) Ngắn hạn</b>   |                       |                       |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết  | 9.194.660             | 9.194.660             |
| - Kinh phí công đoàn   | 335.347.861           | 148.679.679           |
| - Bảo hiểm y tế  | 40.961.820            | -                     |
| - Bảo hiểm thất nghiệp   | 18.060.750            | -                     |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn  | 2.770.000.000         | 34.112.598            |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả   | 8.132.524.541         | 8.132.524.541         |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác   | 19.819.039.987        | 32.662.340.920        |
| <i>Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt tiền chi hộ</i>   | <i>229.020.412</i>    | <i>5.654.020.412</i>  |
| <i>Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt giá trị còn lại tài sản bàn giao từ công ty con 100% vốn cho công ty mẹ</i> | <i>11.690.384.304</i> | <i>11.690.384.304</i> |
| <i>Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ</i>  | <i>2.574.765.774</i>  | <i>4.671.130.250</i>  |
| <i>Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng</i>          | <i>-</i>              | <i>6.900.280.000</i>  |
| <i>Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi</i>   | <i>20.130.000</i>     | <i>1.152.560.537</i>  |
| <i>Khách lẻ mua vé máy bay</i>   | <i>1.138.727.943</i>  | <i>740.723.278</i>    |
| <i>Phải trả khác</i>   | <i>4.166.011.554</i>  | <i>1.853.242.139</i>  |
|  | <b>31.125.129.619</b> | <b>40.986.852.398</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>  |                       |                       |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn   | 917.770.000           | 917.770.000           |
|  | <b>917.770.000</b>    | <b>917.770.000</b>    |

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2017           | 01/01/2017         |
|---|----------------------|--------------------|
|   | VND                  | VND                |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động tour                 | -                    | 92.963.638         |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn | 1.496.286.786        | 291.100.000        |
|   | <b>1.496.286.786</b> | <b>384.063.638</b> |

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

|                                       | Vốn đầu tư<br>của Chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ<br>phần | Quỹ đầu tư phát<br>triển | Lợi nhuận<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|
|                                       | VND                          | VND                     | VND                      | VND                         | VND                    |
| Số dư đầu năm trước                   | 130.000.000.000              | 910.000.000             | 6.719.655.738            | (184.899.106)               | 137.444.756.632        |
| Lãi trong năm trước                   | -                            | -                       | -                        | 7.605.225.190               | 7.605.225.190          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>           | <b>130.000.000.000</b>       | <b>910.000.000</b>      | <b>6.719.655.738</b>     | <b>7.420.326.084</b>        | <b>145.049.981.822</b> |
| Số dư đầu năm nay                     | 130.000.000.000              | 910.000.000             | 6.719.655.738            | 7.420.326.084               | 145.049.981.822        |
| Tăng vốn trong năm nay <sup>[1]</sup> | 622.050.000.000              | -                       | -                        | -                           | 622.050.000.000        |
| Lãi trong năm nay                     | -                            | -                       | -                        | 6.302.657.444               | 6.302.657.444          |
| Chi phí phát hành tăng vốn            | -                            | (161.363.636)           | -                        | -                           | (161.363.636)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>             | <b>752.050.000.000</b>       | <b>748.636.364</b>      | <b>6.719.655.738</b>     | <b>13.722.983.528</b>       | <b>773.241.275.630</b> |

[1] Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của Công ty trên thị trường du lịch. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn: 62.205.000 cổ phiếu, tương ứng 622.050.000.000 đồng vốn điều lệ;
- Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:4,785;
- Ngày đăng ký giao dịch thành công: 03/04/2017.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|   | Cuối năm               | Tỷ lệ       | Đầu năm                | Tỷ lệ       |
|---|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|   | VND                    | %           | VND                    | %           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 244.274.250.000        | 32,48%      | 51.051.000.000         | 39,27%      |
| Ông Huỳnh Văn Thành                     | 37.095.570.000         | 4,93%       | -                      | 0,00%       |
| Ông Tiền VI Diệp                        | 28.030.400.000         | 3,73%       | -                      | 0,00%       |
| Cổ đông khác                            | 442.649.780.000        | 58,86%      | 78.949.000.000         | 60,73%      |
|   | <b>752.050.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>130.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                           | Năm 2017        | Năm 2016        |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
|                           | VND             | VND             |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| - Vốn góp đầu năm         | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm  | 622.050.000.000 | -               |
| - Vốn góp cuối năm        | 752.050.000.000 | 130.000.000.000 |

d) Cổ phiếu

|  | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 75.205.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 75.205.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 75.205.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 75.205.000 | 13.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): | 10.000     | 10.000     |

e) Các quỹ của Công ty

|                         | 31/12/2017           | 01/01/2017           |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
|                         | VND                  | VND                  |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 6.719.655.738        | 6.719.655.738        |
| - Thặng dư vốn cổ phần  | 748.636.364          | 910.000.000          |
|                         | <b>7.468.292.102</b> | <b>7.629.655.738</b> |

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

|            | Đơn vị tính | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|------------|-------------|------------|------------|
| - Đô la Mỹ | USD         | 11.145,8   | 1.200,00   |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

|                          | 31/12/2017           | 01/01/2017           |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
|                          | VND                  | VND                  |
| - Huỳnh Bá Phụng         | 235.000.559          | 235.000.559          |
| - Ngô Đình Long          | 207.057.168          | 207.057.168          |
| - Nhà Máy Điện Hậu Giang | 89.430.165           | 89.430.165           |
| - Trần Ngọc Nam          | 86.575.232           | 86.575.232           |
| - Các đối tượng khác     | 718.708.212          | 648.525.212          |
|                          | <b>1.336.771.336</b> | <b>1.266.588.336</b> |

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                   | Năm 2017               | Năm 2016               |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                    |
| Doanh thu bán hàng                | 484.390.500            | 663.218.698            |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ        | 307.254.395.927        | 121.049.956.493        |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 31.545.018.182         | -                      |
|                                   | <b>339.283.804.609</b> | <b>121.713.175.191</b> |

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                 | Năm 2017               | Năm 2016               |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 | VND                    | VND                    |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 484.038.500            | 471.229.642            |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 231.709.265.407        | 102.615.394.911        |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 50.626.000.000         | -                      |
|                                 | <b>282.819.303.907</b> | <b>103.086.624.553</b> |

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2017              | Năm 2016              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                          | 347.517.130           | 44.324.002            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                         | 9.564.000.000         | -                     |
| Lãi bán các khoản đầu tư                            | 10.954.828.744        | 19.795.900.000        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm           | 13.924.185            | 255.798               |
| Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh | -                     | 778.577.003           |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                  | 194.320               | 22.187.592            |
|   | <b>20.880.464.379</b> | <b>20.641.244.395</b> |

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2017              | Năm 2016             |
|---|-----------------------|----------------------|
|   | VND                   | VND                  |
| Lãi tiền vay  | 10.761.382.648        | 7.643.181.958        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                    | 19.187.440            | 8.421.731            |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm         | 18.098.041            | -                    |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 438.109.069           | 119.810.270          |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư đã thanh lý             | -                     | (2.669.712.239)      |
| Chi phí tài chính khác                                      | -                     | 55.066.879           |
|   | <b>11.236.777.198</b> | <b>5.156.768.599</b> |

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                  | Năm 2017              | Năm 2016             |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                  | VND                   | VND                  |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 174.976.587           | 18.684.437           |
| Chi phí nhân công                | 12.450.877.746        | 4.311.966.236        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 205.289.899           | 45.269.871           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.413.503.268         | 1.419.159.128        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 1.926.421.785         | 904.698.519          |
|                                  | <b>18.171.069.285</b> | <b>6.699.778.191</b> |

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2017<br>VND       | Năm 2016<br>VND       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 527.342.608           | 1.247.448.823         |
| Chi phí nhân công                | 18.472.727.728        | 9.438.606.891         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.655.518.169         | 1.507.746.782         |
| Chi phí dự phòng                 | 68.479.428            | -                     |
| Thuế, phí, và lệ phí             | 70.863.562            | 201.776.509           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.885.450.683         | 1.419.752.693         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 4.770.363.072         | 4.625.747.072         |
|                                  | <b>30.450.745.250</b> | <b>18.441.078.770</b> |

**28. THU NHẬP KHÁC**

|  | Năm 2017<br>VND    | Năm 2016<br>VND      |
|--|--------------------|----------------------|
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 308.018.304        | 199.722.306          |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ             | 336.331.968        | 5.188.282.005        |
| Tiền phạt thu được từ bồi thường                 | -                  | 305.241.277          |
| Xử lý công nợ không phải trả Công ty Quảng Nam   | -                  | 1.650.000.000        |
| Thu nhập khác                                    | 127.532.559        | 170.653.531          |
|  | <b>771.882.831</b> | <b>7.513.899.119</b> |

**29. CHI PHÍ KHÁC**

|  | Năm 2017<br>VND      | Năm 2016<br>VND      |
|--|----------------------|----------------------|
| Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ                    | 748.904.858          | 5.163.561.918        |
| Chi tiền làm từ thiện                                  | 15.000.000           | 300.000.000          |
| Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy | -                    | 273.749.390          |
| Phạt chấm dứt hợp đồng                                 | 3.600.000.000        | -                    |
| Các khoản bị phạt thuế, phạt hành chính                | 353.204.148          | -                    |
| Giá hạn dự án Golf                                     | -                    | 395.486.000          |
| Chi phí khác   | 765.035.616          | 178.931.837          |
|  | <b>5.482.144.622</b> | <b>6.311.729.145</b> |

01  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHÍNH  
HẠCH  
VIỆT  
NAM  
KIỂM

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|   | Năm 2017<br>VND      | Năm 2016<br>VND      |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>  |                      |                      |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN  | 31.857.093.375       | 10.172.339.447       |
| Các khoản điều chỉnh tăng   | 1.032.764.149        | 2.663.231.837        |
| - Chi phí không hợp lệ  | 1.032.764.149        | 2.663.231.837        |
| Các khoản điều chỉnh giảm   | (9.564.000.000)      | -                    |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia   | (9.564.000.000)      | -                    |
| Thu nhập chịu thuế TNDN   | 23.325.857.524       | 12.835.571.284       |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>  | <b>4.665.171.505</b> | <b>2.567.114.257</b> |
|   | Năm 2017<br>VND      | Năm 2016<br>VND      |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước<br>vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 234.911.280          | -                    |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm  | 2.409.885.600        | (157.228.657)        |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm  | (3.565.118.652)      | -                    |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>                                    | <b>3.744.849.733</b> | <b>2.409.885.600</b> |
| <i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>   |                      |                      |
| Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản   | (19.080.981.818)     | -                    |
| Các khoản điều chỉnh tăng   | 28.363.397.093       | -                    |
| - Chi phí không hợp lệ  | 28.363.397.093       | -                    |
| Các khoản điều chỉnh giảm   | -                    | -                    |
| Thu nhập chịu thuế TNDN   | 9.282.415.275        | -                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>  | <b>1.856.483.055</b> | <b>-</b>             |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản  | -                    | -                    |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản  | (1.856.483.055)      | -                    |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>  | <b>-</b>             | <b>-</b>             |
| Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 6.521.654.560        | 2.567.114.257        |
| <b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>   | <b>3.744.849.733</b> | <b>2.409.885.600</b> |

105  
ĐY  
HỮU  
M TO  
SC  
T.V.

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2017               | Năm 2016               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 12.978.220.354         | 1.548.631.426          |
| Chi phí nhân công                | 18.678.017.627         | 13.750.573.127         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.691.259.653          | 5.618.819.186          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 236.751.695.276        | 96.549.418.279         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 54.857.887.032         | 10.288.809.854         |
|                                  | <b>330.957.079.942</b> | <b>127.756.251.872</b> |

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    | Giá trị số kế toán    |                        |                       |                     |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
|                                    | 31/12/2017            |                        | 01/01/2017            |                     |
|                                    | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND        | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND     |
| Tài sản tài chính                  |                       |                        |                       |                     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.973.596.798         | -                      | 5.718.660.357         | -                   |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 72.817.870.524        | (68.479.428)           | 39.311.140.456        | (70.183.000)        |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 13.923.704.222        | (1.008.920.250)        | 50.626.000.000        | -                   |
|                                    | <b>94.715.171.544</b> | <b>(1.077.399.678)</b> | <b>95.655.800.813</b> | <b>(70.183.000)</b> |



|                                   | Giá trị sổ kế toán     |                        |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | 31/12/2017             | 01/01/2017             |
| Nợ phải trả tài chính             | VND                    | VND                    |
| Vay và nợ                         | 116.517.172.803        | 100.394.649.723        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 82.624.807.032         | 55.240.945.607         |
| Chi phí phải trả                  | 1.371.069.905          | 119.242.931            |
|                                   | <b>200.513.049.740</b> | <b>155.754.838.261</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

|                     | Từ 1 năm trở xuống    | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|---------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2017 | VND                   | VND                  | VND        | VND                   |
| Đầu tư ngắn hạn     | 12.914.783.972        | -                    | -          | 12.914.783.972        |
|                     | <b>12.914.783.972</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>   | <b>12.914.783.972</b> |

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

3100  
CỔ  
TÁCH NH  
ÍNG K  
AA  
KIẾN



**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm trở xuống    | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
|                                    | VND                   | VND                  | VND        | VND                   |
| <b>Tại ngày 31/12/2017</b>         |                       |                      |            |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.973.596.798         | -                    | -          | 7.973.596.798         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 72.714.391.096        | 35.000.000           | -          | 72.749.391.096        |
|                                    | <b>80.687.987.894</b> | <b>35.000.000</b>    | <b>-</b>   | <b>80.722.987.894</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b>         |                       |                      |            |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.718.660.357         | -                    | -          | 5.718.660.357         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 34.928.380.656        | 4.312.576.800        | -          | 39.240.957.456        |
|                                    | <b>40.647.041.013</b> | <b>4.312.576.800</b> | <b>-</b>   | <b>44.959.617.813</b> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm  | Trên 5 năm | Cộng                   |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                   | VND        | VND                    |
| <b>Tại ngày 31/12/2017</b>        |                        |                       |            |                        |
| Vay và nợ                         | 30.300.592.200         | 86.216.580.603        | -          | 116.517.172.803        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 81.707.037.032         | 917.770.000           | -          | 82.624.807.032         |
| Chi phí phải trả                  | 1.371.069.905          | -                     | -          | 1.371.069.905          |
|                                   | <b>113.378.699.137</b> | <b>87.134.350.603</b> | <b>-</b>   | <b>200.513.049.740</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b>        |                        |                       |            |                        |
| Vay và nợ                         | 47.663.798.310         | 52.730.851.413        | -          | 100.394.649.723        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 54.323.175.607         | 917.770.000           | -          | 55.240.945.607         |
| Chi phí phải trả                  | 119.242.931            | -                     | -          | 119.242.931            |
|                                   | <b>102.106.216.848</b> | <b>53.648.621.413</b> | <b>-</b>   | <b>155.754.838.261</b> |

110  
CÔNG TY  
DU LỊCH  
THÀNH THÀNH  
CÔNG  
SC  
- TP. HCM

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN

|   | Năm 2017<br>VND | Năm 2016<br>VND |
|---|-----------------|-----------------|
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm          |                 |                 |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;  | 190.802.490.530 | 90.662.656.039  |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm      |                 |                 |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; | 174.679.967.450 | 97.048.759.758  |

### 34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2017, Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Hoạt động sáp nhập dự kiến sẽ diễn ra vào Quý II/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

### 35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu

Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải



Tổng Giám đốc

Phan Thị Hồng Vân

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

**Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính**

003431

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày.....tháng 09.....năm 2018...

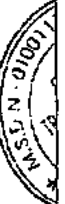
Phó Chủ Tịch UBND P.1, Q. Tân Bình



*Nguyễn Đình Nghị*

**NỘI DUNG**

|   | Trang   |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty              | 02 - 03 |
| Báo cáo Kiểm toán độc lập                     | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  | 06 - 46 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 06 - 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 09      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 10 - 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất        | 12 - 46 |



## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |              |  |
|----------------------------|--------------|--|
| Ông: Nguyễn Thế Vinh       | Chủ tịch     | (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/05/2017)   |
| Bà: Tsan Quay Liang        | Chủ tịch     | (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/05/2017, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 04/07/2017) |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch | (Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)   |
| Bà: Nguyễn Thái Hà         | Phó Chủ tịch |  |
| Ông: Trần Mến              | Thành viên   |  |
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Thành viên   |  |
| Ông: Nguyễn Cường Dũng     | Thành viên   |  |

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                            |                    |                              |
|----------------------------|--------------------|------------------------------|
| Bà: Phan Thị Hồng Vân      | Tổng Giám đốc      |                              |
| Ông: Lê Thanh Huỳnh Cang   | Phó Tổng Giám đốc  | (Bổ nhiệm ngày 10/08/2017)   |
| Ông: Phan Minh Trí         | Phó Tổng Giám đốc  | (Bổ nhiệm ngày 28/03/2017)   |
| Bà: Hồ Nguyễn Duy Khương   | Phó Tổng Giám đốc  | (Miễn nhiệm ngày 01/04/2017) |
| Bà: Nguyễn Thị Hương Giang | Phó Tổng Giám đốc  | (Miễn nhiệm ngày 10/02/2017) |
| Bà: Nguyễn Thị Huệ Trinh   | Giám đốc Tài chính |                              |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                             |            |                              |
|-----------------------------|------------|------------------------------|
| Ông: Hoàng Mạnh Tiến        | Trưởng ban |                              |
| Ông: Hoàng Ngọc Hiệu        | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 19/07/2017)   |
| Bà: Nguyễn Trần Hằng Phương | Thành viên |                              |
| Ông: Nguyễn Công Khanh      | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 04/07/2017) |
| Bà: Phạm Thị Thanh Mai      | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 04/07/2017) |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

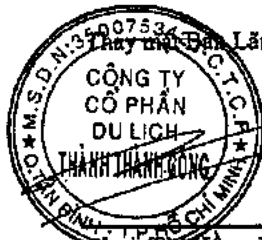
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phan Phú Hồng Văn  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2018



Số: 290318.001/BCTC.KT7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty  
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Ngọc Lân**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 1427-2018-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 31/12/2017             | 01/01/2017             |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                    | VND                    |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>494.638.640.097</b> | <b>158.618.667.354</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | 03          | <b>50.805.715.079</b>  | <b>8.342.084.429</b>   |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 50.805.715.079         | 8.342.084.429          |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | 04          | <b>13.421.305.487</b>  | <b>50.626.000.000</b>  |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                    |             | 13.923.725.737         | 50.626.000.000         |
| 122   | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  |             | (1.008.920.250)        | -                      |
| 123   | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           |             | 506.500.000            | -                      |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>402.748.098.963</b> | <b>93.233.731.166</b>  |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 05          | 44.942.127.103         | 12.984.647.247         |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 06          | 25.821.947.328         | 7.115.278.993          |
| 135   | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 07          | 303.800.000.000        | 4.900.000.000          |
| 136   | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 08          | 29.370.976.977         | 68.433.863.975         |
| 137   | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        |             | (1.206.191.865)        | (218.818.542)          |
| 139   | 6. Tài sản thiếu chờ xử lý                   |             | 19.239.420             | 18.759.493             |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | 10          | <b>12.519.345.866</b>  | <b>1.220.986.042</b>   |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              |             | 12.519.345.866         | 1.220.986.042          |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>15.144.174.702</b>  | <b>5.195.865.717</b>   |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 15          | 6.877.003.638          | 1.838.200.533          |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 4.097.226.167          | 3.357.516.520          |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 20          | 4.169.944.897          | 148.664                |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

| MÃ SỐ | TÀI SẢN                                    | Thuyết minh | 31/12/2017               | 01/01/2017             |
|-------|--|-------------|--------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                      | VND                    |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                  |             | <b>1.111.608.875.668</b> | <b>257.769.518.119</b> |
| 210   | I. Các khoản phải thu dài hạn              |             | 63.517.668.886           | 4.378.403.286          |
| 215   | 1. Phải thu về cho vay dài hạn             | 07          | 52.850.000.000           | -                      |
| 216   | 2. Phải thu dài hạn khác                   | 08          | 10.667.668.886           | 4.378.403.286          |
| 220   | II. Tài sản cố định                        |             | 790.662.971.452          | 201.317.179.122        |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                | 12          | 744.026.787.531          | 167.761.689.275        |
| 222   | - Nguyên giá                               |             | 1.113.817.887.760        | 224.136.893.911        |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                   |             | (369.791.100.229)        | (56.375.204.636)       |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                 | 13          | 46.636.183.921           | 33.555.489.847         |
| 228   | - Nguyên giá                               |             | 58.549.381.311           | 39.614.342.176         |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                   |             | (11.913.197.390)         | (6.058.852.329)        |
| 230   | III. Bất động sản đầu tư                   | 14          | 19.557.180.573           | -                      |
| 231   | - Nguyên giá                               |             | 31.625.075.425           | -                      |
| 232   | - Giá trị hao mòn lũy kế                   |             | (12.067.894.852)         | -                      |
| 240   | IV. Tài sản dở dang dài hạn                | 11          | 67.180.447.368           | 967.018.837            |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang         |             | 67.180.447.368           | 967.018.837            |
| 250   | V. Đầu tư tài chính dài hạn                | 04          | 27.593.256.307           | 22.656.055.090         |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết |             | 24.352.213.569           | 22.633.145.090         |
| 253   | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác          |             | 10.606.449.091           | 22.910.000             |
| 254   | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn       |             | (7.365.406.352)          | -                      |
| 260   | VI. Tài sản dài hạn khác                   |             | 143.097.351.082          | 28.450.861.784         |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn               | 15          | 83.792.537.851           | 11.610.889.880         |
| 262   | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại          | 35          | 1.446.181.602            | -                      |
| 269   | 3. Lợi thế thương mại                      | 16          | 57.858.631.629           | 16.839.971.904         |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                   |             | <b>1.606.247.515.765</b> | <b>416.388.185.473</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN  | Thuyết minh | 31/12/2017               | 01/01/2017             |
|-------|--|-------------|--------------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                      | VND                    |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                |             | <b>612.220.431.689</b>   | <b>236.915.313.464</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                |             | <b>295.449.575.561</b>   | <b>151.108.821.561</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                       | 18          | 53.932.949.354           | 13.098.119.684         |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                 | 19          | 8.245.497.035            | 28.115.619.113         |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước               | 20          | 25.864.389.098           | 3.870.182.209          |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                           |             | 13.798.913.558           | 2.114.840              |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                         | 21          | 2.795.808.868            | 997.894.719            |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                 | 23          | 4.065.304.743            | 515.486.850            |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                            | 22          | 34.030.689.084           | 52.548.044.078         |
| 320   | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                 | 17          | 150.898.728.180          | 51.961.360.068         |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi                          |             | 1.817.295.641            | -                      |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                |             | <b>316.770.856.128</b>   | <b>85.806.491.903</b>  |
| 333   | 1. Chi phí phải trả dài hạn                          | 21          | 1.068.006.720            | -                      |
| 336   | 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                  | 23          | 21.522.789.896           | -                      |
| 337   | 3. Phải trả dài hạn khác                             | 22          | 4.299.996.131            | 930.670.000            |
| 338   | 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                  | 17          | 287.700.863.983          | 84.346.942.511         |
| 341   | 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                   | 35          | 2.179.199.398            | 528.879.392            |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             |             | <b>994.027.084.076</b>   | <b>179.472.872.009</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                             | 24          | <b>994.027.084.076</b>   | <b>179.472.872.009</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                            |             | 752.050.000.000          | 130.000.000.000        |
| 411a  | <i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>         |             | 759.498.100.000          | 130.000.000.000        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                              |             | 748.636.364              | 910.000.000            |
| 414   | 3. Vốn khác của chủ sở hữu                           |             | 10.382.620.000           | -                      |
| 417   | 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                        |             | (26.964.303)             | -                      |
| 418   | 5. Quỹ đầu tư phát triển                             |             | 6.860.164.848            | 6.719.655.738          |
| 421   | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                 |             | 14.561.656.543           | 10.100.273.319         |
| 421a  | <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> |             | (7.476.391.779)          | 4.242.721.821          |
| 421b  | <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>                   |             | 22.038.048.322           | 5.857.551.498          |
| 429   | 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                   |             | 209.450.970.624          | 31.742.942.952         |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                           |             | <b>1.606.247.515.765</b> | <b>416.388.185.473</b> |

Người lập biểu



Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải



Hàng 500/27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Phan Thị Hồng Vân

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2017              | Năm 2016             |
|-------|--|-------------|-----------------------|----------------------|
|       |  |             | VND                   | VND                  |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 26          | 925.699.010.062       | 247.567.511.402      |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        |             | 12.689.668            | -                    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     |             | 925.686.320.394       | 247.567.511.402      |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                    | 27          | 665.626.803.939       | 225.378.797.938      |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       |             | 260.059.516.455       | 22.188.713.464       |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 28          | 28.666.256.212        | 33.141.953.341       |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                   | 29          | 64.157.450.102        | 11.548.110.745       |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                              |             | 42.086.395.082        | 11.374.381.458       |
| 24    | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |             | 487.841.945           | (89.235.738)         |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                    | 30          | 40.934.405.770        | 7.450.840.486        |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 31          | 126.396.760.468       | 27.573.580.612       |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            |             | 57.724.998.272        | 8.668.899.224        |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                      | 32          | 20.561.210.399        | 18.663.909.640       |
| 32    | 13. Chi phí khác                                       | 33          | 19.436.135.901        | 17.537.550.617       |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác                                     |             | 1.125.074.498         | 1.126.359.023        |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  |             | 58.850.072.770        | 9.795.258.247        |
| 51    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 34          | 23.869.080.505        | 3.764.631.135        |
| 52    | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 35          | (754.948.478)         | 23.962.054           |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           |             | <u>35.735.940.743</u> | <u>6.006.665.058</u> |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                  |             | 23.905.237.784        | 5.857.551.498        |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     |             | 11.830.702.959        | 149.113.560          |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 36          | 401                   | 451                  |

Người lập biểu

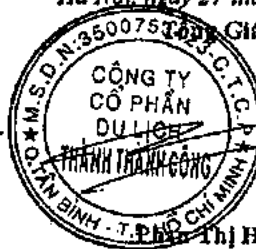
Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Thị Hồng Vân

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2017<br>VND   | Năm 2016<br>VND   |
|--|--|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                   |                   |
| 01   | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 58.850.072.770    | 9.795.258.247     |
|  | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             | 82.878.823.119    | 6.339.463.063     |
| 02   | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 61.463.498.085    | 10.848.729.982    |
| 03   | - Các khoản dự phòng   |             | (28.060.423.534)  | (663.150.827)     |
| 04   | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | 17.720.541        | (1.219.536)       |
| 05   | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | 7.371.632.945     | (15.219.278.014)  |
| 06   | - Chi phí lãi vay  |             | 42.086.395.082    | 11.374.381.458    |
| 08   | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 141.728.895.889   | 16.134.721.310    |
| 09   | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | 74.915.208.497    | 11.820.950.370    |
| 10   | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | 1.911.208.253     | 21.806.013.492    |
| 11   | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | (28.456.745.287)  | (19.757.570.510)  |
| 12   | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | 6.357.588         | (3.622.559.371)   |
| 13   | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  |             | 32.265.131.859    | -                 |
| 14   | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (41.765.348.239)  | (11.712.039.574)  |
| 15   | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (16.803.366.696)  | (689.891.185)     |
| 17   | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (863.815.029)     | (264.117.371)     |
| 20   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 162.937.526.835   | 13.715.507.161    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                   |                   |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (90.738.965.081)  | (13.393.073.218)  |
| 22   | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | 27.366.619.542    | 2.721.699.658     |
| 23   | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  |             | (430.975.245.544) | (14.800.000.000)  |
| 24   | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  |             | 212.355.461.492   | 22.950.000.000    |
| 25   | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | (617.485.038.149) | -                 |
| 26   | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | 108.289.262.305   | 14.115.201.228    |
| 27   | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 6.711.244.957     | 979.777.779       |
| 30   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | (784.476.660.478) | 12.573.605.447    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                   |                   |
| 31   | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                   |             | 682.690.400.000   | -                 |
| 33   | 2. Tiền thu từ đi vay  |             | 341.978.217.473   | 104.474.634.614   |
| 34   | 3. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (360.648.132.639) | (130.597.421.515) |
| 40   | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | 664.020.484.834   | (26.122.786.901)  |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2017<br>VND       | Năm 2016<br>VND      |
|-------|---|-------------|-----------------------|----------------------|
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                         |             | 42.481.351.191        | 166.325.707          |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                        |             | 8.342.084.429         | 8.174.539.186        |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | (17.720.541)          | 1.219.536            |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                       | 03          | <u>50.805.715.079</u> | <u>8.342.084.429</u> |

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Phạm Thị Hồng Vân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 752.050.000.000 đồng; Tương đương 75.205.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của TTC Tourist trên thị trường du lịch. Các công ty này đã trở thành công ty con của Công ty và được hợp nhất bổ sung vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 làm quy mô tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh tăng lên đáng kể so với năm trước.

**Cấu trúc tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

| Tên công ty   | Địa chỉ         | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|-----------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt              | Tỉnh Lâm Đồng   | 100,00%       | 100,00%                | Dịch vụ lưu trú            |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre                       | Tỉnh Bến Tre    | 84,45%        | 84,45%                 | Dịch vụ lưu trú            |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi (*)                 | Tỉnh Khánh Hòa  | 82,32%        | 82,32%                 | Dịch vụ lưu trú            |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*) | Tỉnh Lâm Đồng   | 72,01%        | 72,01%                 | Khu vui chơi               |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình (*)                | TP. Hồ Chí Minh | 74,80%        | 74,80%                 | Dịch vụ lưu trú            |

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn:

(\*) Trong năm, thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu của các Công ty con, Công ty đã hoàn tất việc mua và nắm giữ cổ phiếu của các công ty này và nắm quyền kiểm soát từ tháng 04/2017.

- Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi có công ty con (F2) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty bao gồm:

| Tên công ty                        | Địa chỉ    | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|------------------------------------|------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Ninh Thuận | 80,31%        | 97,56%                 | Dịch vụ lưu trú            |

- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng có các Công ty con (F2) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

| Tên công ty   | Địa chỉ      | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Lâm Đồng              | Lâm Lâm Đồng | 57,85%        | 80,34%                 | Kinh doanh bất động sản    |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Kỳ Hoa Ngọc Lan |              | 72,01%        | 100,00%                | Thương mại, dịch vụ        |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú                         | Bình Thuận   | 76,48%        | 99,33%                 | Dịch vụ du lịch, lưu trú   |

- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

| Tên công ty                            | Địa chỉ              | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|----------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH Du lịch Vinagolf AngKor   | Vương quốc Campuchia | 49,00%        | 49,00%                 | Dịch vụ lưu trú            |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | TP. Hồ Chí Minh      | 42,00%        | 48,79%                 | Nhà hàng                   |

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**



## 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### 2.4. Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng hạng mục công việc chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06 - 12 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 10 năm |
| - Các tài sản khác       | 04 - 15 năm |
| - Quyền sử dụng đất      | 12 - 50 năm |
| - Phần mềm máy tính      | 03 - 20 năm |
| - Tài sản vô hình khác   | 03 năm      |

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm          |
| - Quyền sử dụng đất      | Không trích khấu hao |

35  
10 T  
K  
A  
K

V.V.V  
T.T.T

#### 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, doanh thu cho thuê mặt bằng, văn phòng, doanh thu nhận trước đối với hoạt động nhà nghỉ, khách sạn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### 2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

##### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### 2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

100  
C  
RACH  
HANH  
100  
N  
F  
L  
H

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 31/12/2017            | 01/01/2017           |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                 | VND                   | VND                  |
| Tiền mặt                        | 4.828.341.206         | 123.669.874          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 45.798.268.646        | 7.961.907.452        |
| Tiền đang chuyển                | 179.105.227           | 256.507.103          |
|                                 | <b>50.805.715.079</b> | <b>8.342.084.429</b> |

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                      | 31/12/2017         |                    | 01/01/2017 |                |
|----------------------|--------------------|--------------------|------------|----------------|
|                      | Giá gốc            | Giá trị ghi sổ     | Giá gốc    | Giá trị ghi sổ |
|                      | VND                | VND                | VND        | VND            |
| Đầu tư ngắn hạn      | 506.500.000        | 506.500.000        | -          | -              |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 506.500.000        | 506.500.000        | -          | -              |
|                      | <b>506.500.000</b> | <b>506.500.000</b> | <b>-</b>   | <b>-</b>       |

**b) Chứng khoán kinh doanh**

|   | 31/12/2017            |                        | 01/01/2017            |          |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------|
|   | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng |
|   | VND                   | VND                    | VND                   | VND      |
| Đầu tư cổ phiếu                                   |                       |                        |                       |          |
| - Công ty Cổ phần Golf 1                          | -                     | -                      | 50.626.000.000        | -        |
| - Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa [*] | 13.923.704.222        | (1.008.920.250)        | -                     | -        |
| - Cổ phiếu khác                                   | 21.515                | -                      | -                     | -        |
|   | <b>13.923.725.737</b> | <b>(1.008.920.250)</b> | <b>50.626.000.000</b> | <b>-</b> |

[\*] Trong năm, Công ty đã mua 608.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (Mã cổ phiếu BHS), tương ứng giá trị 13,9 tỷ đồng với mục đích làm chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm tháng 9/2017, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã hoàn thành sáp nhập với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (Mã cổ phiếu SBT) theo tỷ lệ hoán đổi 1:1,02. Theo đó, 608.700 cổ phiếu BHS đã được hoán đổi thành 620.874 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty. Đến thời điểm tháng 11/2017, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã hoàn thành thủ tục đổi tên thành Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ theo giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31/12/2017 là: 12.914.783.972 VND.

KIỂM  
 NG TỶ  
 KIỂM  
 KIỂM  
 S  
 G  
 H.  
 IC  
 H  
 H

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công  
Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

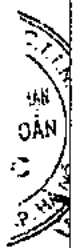
|  | 31/12/2017            |               |                        | 01/01/2017                                     |                      |               |                        |  |
|--|-----------------------|---------------|------------------------|--|----------------------|---------------|------------------------|--|
|  | Địa chỉ               | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu | Địa chỉ              | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu |
| Đầu tư vào công ty liên kết                    |                       |               |                        | VND  | VND                  | VND           | VND                    | VND  |
| - Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor | Vương quốc Campuchia  | 49%           | 49%                    | 23.203.956.271                                 | Vương quốc Campuchia | 49%           | 49%                    | 22.633.145.090                                 |
| - Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình       | Thành phố Hồ Chí Minh | 35,13%        | 48,79%                 | 1.148.257.298                                  |                      |               |                        |  |
|  |                       |               |                        | <u>24.352.213.569</u>                          |                      |               |                        | <u>22.633.145.090</u>                          |

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | 31/12/2017            |                        | 01/01/2017        |          |
|--|-----------------------|------------------------|-------------------|----------|
|  | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc           | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Thương mại bia Sài Gòn Sông Tiền | 22.910.000            | -                      | 22.910.000        | -        |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ         | 121.810.000           | -                      | -                 | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát        | 461.729.091           | -                      | -                 | -        |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận [*]      | 10.000.000.000        | (7.365.406.352)        | -                 | -        |
|  | <u>10.606.449.091</u> | <u>(7.365.406.352)</u> | <u>22.910.000</u> | <u>-</u> |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

[\*] Thông tin chi tiết về khoản đầu tư này như sau:  
Tên công ty nhận đầu tư: Tỉnh Bình Thuận  
Địa chỉ: Tỉnh Bình Thuận  
Tỷ lệ lợi ích: 6,4%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 8,4%  
Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ du lịch





**5. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b> |                       |                       |
| - Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre                                | 136.232.200           | 3.617.833.769         |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - Chi nhánh Bến Tre                 | -                     | 3.351.657.273         |
| - Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh                   | 58.124.642            | 304.972.603           |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                               | 1.253.213.304         | 306.805.466           |
| - Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel)   | 26.437.000            | 341.290.000           |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình                            | 13.200.000.000        | -                     |
| - Võ Trọng Hữu  | 14.000.000.000        | -                     |
| - Công ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Anex Việt Nam                      | 2.878.347.750         | -                     |
| - Công ty TNHH Thành Bưởi   | 1.500.000.000         | -                     |
| - Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm                                  | 1.475.038.749         | -                     |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác                                    | 10.414.733.458        | 5.062.088.136         |
|   | <b>44.942.127.103</b> | <b>12.984.647.247</b> |
| <b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>                  |                       |                       |
| (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)                             | <b>1.253.213.304</b>  | <b>311.473.466</b>    |

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

|  | 31/12/2017            |          | 01/01/2017           |          |
|--|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|  | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|  | VND                   | VND      | VND                  | VND      |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát   | -                     | -        | 1.988.344.626        | -        |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ D.P.N                | -                     | -        | 761.574.000          | -        |
| - Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP           | 1.188.532.735         | -        | 655.076.100          | -        |
| - Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phạm Nguyễn | 4.017.000.000         | -        | -                    | -        |
| - Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đặng Gia       | 4.733.773.677         | -        | -                    | -        |
| - Các khoản trả trước người bán khác                   | 15.882.640.916        | -        | 3.710.284.267        | -        |
|  | <b>25.821.947.328</b> | <b>-</b> | <b>7.115.278.993</b> | <b>-</b> |

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

|   | 31/12/2017             |          | 01/01/2017           |          |
|---|------------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị                | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|   | VND                    | VND      | VND                  | VND      |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                            |                        |          |                      |          |
| - Công ty Cổ phần Nước Khoáng ĐaKai           | -                      | -        | 4.900.000.000        | -        |
| - Đặng Nhân Dung [1]                          | 5.000.000.000          | -        | -                    | -        |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công [2] | 285.800.000.000        | -        | -                    | -        |
| - Triệu Phi Yên [3]                           | 13.000.000.000         | -        | -                    | -        |
|   | <b>303.800.000.000</b> | <b>-</b> | <b>4.900.000.000</b> | <b>-</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                             |                        |          |                      |          |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công [4] | 52.850.000.000         | -        | -                    | -        |
|   | <b>52.850.000.000</b>  | <b>-</b> | <b>-</b>             | <b>-</b> |

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2017:

[1] Khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2014/HĐCV và Phụ lục số 07 ngày 22/10/2017, thời hạn cho vay: 06 tháng, lãi suất 9,2%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

[2] Khoản cho vay theo các hợp đồng số 18A/2017/HĐVV-DLTB ngày 20/11/2017, 01/2017/HĐCV-DA ngày 25/09/2017, 02/2017/HĐCV-DA ngày 03/10/2017, 03/2017/HĐCV-DA ngày 26/10/2017. Thời hạn cho vay từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất 8,5% - 10%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

[3] Khoản cho vay theo hợp đồng số 04/2017/HĐCV-DA ngày 05/10/2017 và Phụ lục số 01 ngày 18/11/2017. Thời hạn cho vay: 06 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

[4] Khoản cho vay theo các hợp đồng số 431/2017/HĐVV-DLBT ngày 09/05/2017, 33/2017/HĐVV-DLBT ngày 25/09/2017, 455/2017/HĐVV-DLBT ngày 19/07/2017, 432/2017/HĐVV-DLBT ngày 31/05/2017, 02/2013/HĐCV ngày 1/12/2017, 01/2017/HĐCV ngày 23/03/2017. Thời hạn cho vay: 24 tháng, lãi suất 8,5% - 10,5%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

**8. PHẢI THU KHÁC**

|   | 31/12/2017            |          | 01/01/2017            |                     |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|---------------------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng            |
|   | VND                   | VND      | VND                   | VND                 |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |          |                       |                     |
| - Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)  | 5.354.592.230         | -        | 5.354.592.230         | -                   |
| - Phải thu tiền giá vốn vé máy bay khách hàng đã đặt mua nhưng chưa bay                         | -                     | -        | 98.761.427            | -                   |
| - Phải thu người lao động tiền tạm ứng  | 5.205.891.994         | -        | 285.576.243           | (70.183.000)        |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay   | 9.618.515.739         | -        | -                     | -                   |
| - Ký cược, ký quỹ   | 2.120.991.546         | -        | -                     | -                   |
| - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp   | -                     | -        | 54.522.364.000        | -                   |
| - Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - chi nhánh Bến Tre về tiền lãi hợp tác kinh doanh | -                     | -        | 1.044.207.481         | -                   |
| - Phải thu Công ty CP Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh                                 | -                     | -        | 3.223.596.551         | -                   |
| - Phải thu khác   | 7.070.985.468         | -        | 3.904.766.043         | -                   |
|   | <b>29.370.976.977</b> | <b>-</b> | <b>68.433.863.975</b> | <b>(70.183.000)</b> |

b) Dài hạn

|                   |                       |   |                      |   |
|-------------------|-----------------------|---|----------------------|---|
| - Ký cược, ký quỹ | 10.667.668.886        | - | 4.378.403.286        | - |
|                   | <b>10.667.668.886</b> | - | <b>4.378.403.286</b> | - |

9. NỢ XẤU

|   | 31/12/2017           |                        | 01/01/2017         |                        |
|---|----------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
|   | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi |
|   | VND                  | VND                    | VND                | VND                    |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi |                      |                        |                    |                        |
| + Phân góp vốn Ao Bà Om   | -                    | -                      | 69.773.000         | -                      |
| + Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tấn Lợi  | 369.000.000          | -                      | -                  | -                      |
| + Công ty TNHH MTV Istanbul   | 187.290.825          | 56.187.247             | -                  | -                      |
| + Công ty TNHH XNK Nông sản Hồng Ân   | 159.085.000          | 47.725.500             | -                  | -                      |
| + Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Sài Gòn Quốc tế  | 141.999.500          | 42.599.850             | -                  | -                      |
| + Các đối tượng khác  | 609.042.962          | 113.713.825            | 149.045.542        | -                      |
|   | <b>1.466.418.287</b> | <b>260.226.422</b>     | <b>218.818.542</b> | -                      |

10. HÀNG TỒN KHO

|                                       | 31/12/2017            |          | 01/01/2017           |          |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                       | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
|                                       | VND                   | VND      | VND                  | VND      |
| - Nguyên liệu, vật liệu               | 5.076.869.378         | -        | 183.627.231          | -        |
| - Công cụ, dụng cụ                    | 2.075.007.036         | -        | 1.037.358.811        | -        |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 564.411.740           | -        | -                    | -        |
| - Thành phẩm                          | 265.807.812           | -        | -                    | -        |
| - Hàng hóa                            | 4.537.249.900         | -        | -                    | -        |
|                                       | <b>12.519.345.866</b> | -        | <b>1.220.986.042</b> | -        |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪ DANG

|   | 31/12/2017            | 01/01/2017         |
|---|-----------------------|--------------------|
|   | VND                   | VND                |
| - Mua sắm   | 105.000.000           | -                  |
| + Phần mềm Ghlhotech  | 105.000.000           | -                  |
| - Xây dựng cơ bản   | 67.075.447.368        | 967.018.837        |
| + Dự án sáp nhập 3 Khu du lịch Dững Anh - Đồi Mộng Mơ - Thung lũng tình yêu | 9.878.899.756         | -                  |
| + Dự án cải tạo đồi Thống Nhất  | 15.314.860.287        | -                  |
| + Công trình xây dựng biệt thự tại 51 Hùng Vương, Thành phố Đà Lạt          | 10.172.267.800        | -                  |
| + Dự án đầu tư Khu du lịch Đốc Lết  | 11.797.616.986        | -                  |
| + Nâng cấp Nhà hàng nướng tại TTC Phan Thiết                                | 3.971.347.139         | -                  |
| + Công trình khác   | 15.940.455.400        | 967.018.837        |
|   | <b>67.180.447.368</b> | <b>967.018.837</b> |

12 - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|   | Nhà cửa, vật kiến trúc |                        | Máy móc, thiết bị     |                       | Phương tiện vận tải, truyền dẫn |                          | TSCĐ dùng trong quản lý |     | TSCĐ hữu hình khác |     | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----|--------------------|-----|------|
|   | VND                    | VND                    | VND                   | VND                   | VND                             | VND                      | VND                     | VND | VND                | VND |      |
| <b>Nguyên giá</b>                       |                        |                        |                       |                       |                                 |                          |                         |     |                    |     |      |
| Số dư đầu năm                           | 202.794.771.106        | 9.076.344.745          | 7.254.480.918         | 4.019.413.136         | 991.884.006                     | 224.136.893.911          |                         |     |                    |     |      |
| - Mua trong năm                         | 2.455.029.711          | 5.191.480.780          | 8.512.450.203         | 1.487.539.035         | 1.979.200.286                   | 19.625.700.015           |                         |     |                    |     |      |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành                | 22.815.646.496         | 1.571.304.181          | 318.678.182           | -                     | 6.899.878.666                   | 31.605.507.525           |                         |     |                    |     |      |
| - Tăng do mua các Công ty con trong năm | 625.551.715.546        | 106.235.638.468        | 106.242.831.271       | 9.429.303.225         | 30.682.579.936                  | 878.142.068.446          |                         |     |                    |     |      |
| - Thanh lý, nhượng bán                  | (2.597.903.618)        | (2.042.263.541)        | (29.437.053.189)      | (30.159.145)          | -                               | (34.107.379.493)         |                         |     |                    |     |      |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư                | (4.552.746.881)        | -                      | -                     | -                     | -                               | (4.552.746.881)          |                         |     |                    |     |      |
| - Phân loại là TSCĐ vô hình             | -                      | (72.881.000)           | -                     | -                     | -                               | (72.881.000)             |                         |     |                    |     |      |
| - Giảm do phân loại lại                 | -                      | (91.000.000)           | 91.000.000            | -                     | -                               | -                        |                         |     |                    |     |      |
| - Giảm khác                             | (182.374.974)          | (492.727.789)          | -                     | -                     | (284.172.000)                   | (959.274.763)            |                         |     |                    |     |      |
| <b>Số dư cuối năm</b>                   | <b>846.284.137.386</b> | <b>119.375.895.844</b> | <b>92.982.387.385</b> | <b>14.906.096.251</b> | <b>40.269.370.894</b>           | <b>1.113.817.887.760</b> |                         |     |                    |     |      |
| <b>Hao mòn TSCĐ</b>                     |                        |                        |                       |                       |                                 |                          |                         |     |                    |     |      |
| Số dư đầu năm                           | 48.443.365.774         | 3.172.001.589          | 2.628.065.956         | 1.765.693.349         | 366.077.968                     | 56.375.204.636           |                         |     |                    |     |      |
| - Tăng do mua các Công ty con trong năm | 147.453.153.766        | 52.173.095.986         | 68.579.904.435        | 4.096.798.634         | 8.648.910.924                   | 280.951.863.745          |                         |     |                    |     |      |
| - Khấu hao trong năm                    | 28.514.599.566         | 10.741.426.167         | 6.618.573.126         | 1.645.675.159         | 4.030.017.956                   | 51.550.291.974           |                         |     |                    |     |      |
| - Thanh lý, nhượng bán                  | (2.147.146.641)        | (1.963.396.863)        | (13.498.837.657)      | (30.159.145)          | -                               | (17.639.540.306)         |                         |     |                    |     |      |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư                | (896.944.614)          | -                      | -                     | -                     | -                               | (896.944.614)            |                         |     |                    |     |      |
| - Giảm khác                             | (11.473.780)           | (254.129.426)          | -                     | -                     | (284.172.000)                   | (549.775.206)            |                         |     |                    |     |      |
| <b>Số dư cuối năm</b>                   | <b>221.355.554.071</b> | <b>3.172.001.589</b>   | <b>64.327.705.860</b> | <b>7.478.007.997</b>  | <b>12.760.834.848</b>           | <b>369.791.100.229</b>   |                         |     |                    |     |      |
| <b>Giá trị còn lại</b>                  |                        |                        |                       |                       |                                 |                          |                         |     |                    |     |      |
| Tại ngày đầu năm                        | 154.351.405.332        | 5.904.343.156          | 4.626.414.962         | 2.233.719.787         | 625.806.038                     | 167.761.689.275          |                         |     |                    |     |      |
| Tại ngày cuối năm                       | 624.928.583.315        | 116.203.894.255        | 28.654.681.525        | 7.428.088.254         | 27.508.536.046                  | 744.026.787.531          |                         |     |                    |     |      |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 214.499.470.881 VND.  
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.371.665.955 VND.

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

|  | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm máy vi tính<br>VND | Tài sản cố định vô hình khác<br>VND | Cộng<br>VND    |
|--|--------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|----------------|
| Nguyên giá                               |                          |                             |                                     |                |
| Số dư đầu năm                            | 38.892.426.817           | 346.000.000                 | 375.915.359                         | 39.614.342.176 |
| - Mua trong năm                          | -                        | 887.468.333                 | -                                   | 887.468.333    |
| - Tặng do mua các Công ty con trong năm  | 15.820.757.662           | 2.153.932.140               | -                                   | 17.974.689.802 |
| - Tặng do phân loại lại từ TSCĐ hữu hình | -                        | 72.881.000                  | -                                   | 72.881.000     |
| Số dư cuối năm                           | 54.713.184.479           | 3.460.281.473               | 375.915.359                         | 58.549.381.311 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                   |                          |                             |                                     |                |
| Số dư đầu năm                            | 5.972.601.803            | 44.749.994                  | 41.500.532                          | 6.058.852.329  |
| - Khấu hao trong năm                     | 1.340.350.122            | 449.868.194                 | 116.161.176                         | 1.906.379.492  |
| - Tặng do mua các Công ty con trong năm  | 2.923.712.179            | 1.024.253.390               | -                                   | 3.947.965.569  |
| Số dư cuối năm                           | 10.236.664.104           | 1.518.871.578               | 157.661.708                         | 11.913.197.390 |
| Giá trị còn lại                          |                          |                             |                                     |                |
| Tại ngày đầu năm                         | 32.919.825.014           | 301.250.006                 | 334.414.827                         | 33.555.489.847 |
| Tại ngày cuối năm                        | 44.476.520.375           | 1.941.409.895               | 218.253.651                         | 46.636.183.921 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.743.355.666 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 542.630.500 VND.

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

|                                     | Quyền sử dụng đất | Nhà                   | Cộng                  |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                     | VND               | VND                   | VND                   |
| <b>Nguyên giá</b>                   |                   |                       |                       |
| Số dư đầu năm                       | -                 | -                     | -                     |
| - Tăng do mua Công ty con trong năm | 4.772.088.300     | 27.072.328.544        | 31.844.416.844        |
| - Tăng do phân loại lại             | -                 | 4.552.746.881         | 4.552.746.881         |
| - Thanh lý, nhượng bán              | (4.772.088.300)   | -                     | (4.772.088.300)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>               | <b>-</b>          | <b>31.625.075.425</b> | <b>31.625.075.425</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>       |                   |                       |                       |
| Số dư đầu năm                       | -                 | -                     | -                     |
| - Tăng do mua Công ty con trong năm | -                 | 9.630.580.219         | 9.630.580.219         |
| - Khấu hao trong năm                | -                 | 1.540.370.019         | 1.540.370.019         |
| - Tăng do phân loại lại             | -                 | 896.944.614           | 896.944.614           |
| <b>Số dư cuối năm</b>               | <b>-</b>          | <b>12.067.894.852</b> | <b>12.067.894.852</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>              |                   |                       |                       |
| Tại ngày đầu năm                    | -                 | -                     | -                     |
| Tại ngày cuối năm                   | -                 | 19.557.180.573        | 19.557.180.573        |

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|   | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 3.552.461.840         | 181.471.130           |
| - Chi phí sửa chữa, bảo trì   | 803.065.449           | 62.148.483            |
| - Chi phí sửa chữa Công trình Trung tâm tiệc cưới Đồng Khởi   | -                     | 1.240.909.082         |
| - Các khoản khác  | 2.521.476.349         | 353.671.838           |
|   | <b>6.877.003.638</b>  | <b>1.838.200.533</b>  |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                       |
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 19.188.059.572        | 1.611.990.011         |
| - Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông <sup>(1)</sup>   | 4.107.894.458         | 4.621.381.262         |
| - Chi phí quyền sử dụng đất <sup>(2)</sup>  | 2.796.816.024         | 2.949.369.624         |
| - Chi phí thuê đất  | 707.642.251           | 239.999.616           |
| - Lợi thế thương mại hình thành khi sáp nhập chi nhánh  | 7.051.954.898         | -                     |
| - Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận <sup>(3)</sup>  | 12.634.263.508        | -                     |
| - Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi (Chi phí trả trước sáp nhập từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận) <sup>(4)</sup> | 1.175.374.421         | -                     |
| - Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận <sup>(5)</sup>  | 24.715.046.951        | -                     |
| - Chi phí làm phim quảng cáo  | 295.050.503           | 448.989.899           |
| - Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ   | 4.916.357.728         | 1.596.262.095         |
| - Các khoản khác  | 6.204.077.537         | 142.897.373           |
|   | <b>83.792.537.851</b> | <b>11.610.889.880</b> |

- (1) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông vào Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre theo Hợp đồng sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015, số tiền: 5.134.868.066 đồng, phân bổ trong thời gian 10 năm từ ngày 01/01/2016.
- (2) Chi phí quyền sử dụng đất nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông khi sáp nhập vào Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre theo hợp đồng sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015. Đây là giá trị góp vốn bằng Thừa đất số 10, tờ bản đồ số 36 tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre và Thừa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại phường 8, thành phố Bến Tre của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre vào Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất ngày 07/12/2009. Chi phí quyền sử dụng đất trên được Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre tiếp nhận và phân bổ trong thời gian 20 năm.
- (3) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận vào Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo Hợp đồng sáp nhập ngày 02/12/2015 số tiền 15.702.829.395 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ tháng 01/2016.
- (4) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận (sau đó đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần du lịch Thăng Lợi) năm 2015 số tiền 1.555.642.608 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ tháng 07/2017.
- (5) Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận được xác định theo Chứng thu Thẩm định giá số 1634/2016/BC-DAVIHN ngày 30/12/2016 do Công ty TNHH Thẩm định giá Đại Việt phát hành. Theo đó, tổng giá trị tiền lợi thế tiền thuê đất tại ngày 01/12/2016 là 25.811.619.000 VND được Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian 306 tháng kể từ tháng 12/2016 theo thời hạn thuê đất.

#### 16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

|  | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| - Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con | 66.808.255.845        | 18.885.949.799        |
| - Số đã phân bổ các năm trước                                  | (2.045.977.895)       | (157.382.915)         |
| - Số phân bổ năm nay   | (6.466.456.601)       | (1.888.594.980)       |
| - Giảm do thoái vốn tại công ty con                            | (437.189.720)         |                       |
| Số dư cuối năm   | <u>57.858.631.629</u> | <u>16.839.971.904</u> |

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

|   | 01/01/2017     |                       | Trong năm        |                 | 31/12/2017     |                       |
|---|----------------|-----------------------|------------------|-----------------|----------------|-----------------------|
|   | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ | Tăng             | Giảm            | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND            | VND                   | VND              | VND             | VND            | VND                   |
| a) Vay ngắn hạn   |                |                       |                  |                 |                |                       |
| - Vay ngắn hạn  | 37.984.414.720 | 37.984.414.720        | 258.594.555.357  | 252.430.188.940 | 95.078.011.789 | 95.078.011.789        |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                        | 459.802.754    | 459.802.754           | 12.653.378.977   | 5.147.472.614   | 7.965.709.117  | 7.965.709.117         |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                             | 4.100.000.000  | 4.100.000.000         | 48.300.000.000   | 55.050.000.000  | 13.550.000.000 | 13.550.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu   | -              | -                     | 1.993.129.265    | 666.026.003     | 1.327.103.262  | 1.327.103.262         |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa           | -              | -                     | 19.988.696.611   | 16.216.500.420  | 9.385.916.370  | 9.385.916.370         |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận | -              | -                     | 7.971.065.784    | 47.600.414.704  | 5.742.823.896  | 5.742.823.896         |
| - Các bộ nhân viên  | -              | -                     | 11.326.000.000   | 8.527.000.000   | 17.853.000.000 | 17.853.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt             | -              | -                     | 21.960.444.689   | 52.579.071.507  | 25.931.594.340 | 25.931.594.340        |
| - Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng                        | -              | -                     | 26.761.091.726   | 26.761.091.726  | -              | -                     |
| - Ngân hàng BIDV- Bến Thành   | 450.000.000    | 450.000.000           | -                | 450.000.000     | -              | -                     |
| - Ngân hàng HDBANK- Chi nhánh Nguyễn Trãi                             | 500.000.000    | 500.000.000           | -                | 500.000.000     | -              | -                     |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk                      | 19.932.611.966 | 19.932.611.966        | 13.321.864.804   | 19.932.611.966  | 13.321.864.804 | 13.321.864.804        |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi                                   | 12.542.000.000 | 12.542.000.000        | (12.542.000.000) | 19.000.000.000  | -              | -                     |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng                   | -              | -                     | -                | -               | -              | -                     |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn trả                                       | 13.976.945.348 | 13.976.945.348        | 38.624.868.944   | 50.116.814.292  | 55.820.716.391 | 55.820.716.391        |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                        | 1.000.000.000  | 1.000.000.000         | 1.000.000.000    | 1.000.000.000   | 1.000.000.000  | 1.000.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu   | 3.087.759.004  | 3.087.759.004         | 3.882.658.588    | 3.087.759.004   | 3.882.658.588  | 3.882.658.588         |
| - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh                     | -              | -                     | 2.091.223.944    | 2.091.223.944   | 2.091.223.944  | 2.091.223.944         |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa           | -              | -                     | 12.795.645.000   | 12.795.645.000  | 20.359.860.000 | 20.359.860.000        |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận | -              | -                     | 9.081.000.000    | 9.081.000.000   | 9.000.000.000  | 9.000.000.000         |
| - Vay cá nhân   | -              | -                     | 5.166.000.000    | 2.681.000.000   | 2.825.000.000  | 2.825.000.000         |

Handwritten signature or stamp in the bottom right corner.



Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công  
Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

|   | 01/01/2017              |                         | Trong năm               |                            | 31/12/2017              |                         |
|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
|   | Giá trị                 | Số cổ khả năng trả nợ   | Tăng do mua trả nợ      | Tăng Công ty con trong năm | Giảm                    | Giá trị                 |
|   | VND                     | VND                     | VND                     | VND                        | VND                     | VND                     |
| - Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng                 | -                       | -                       | 1.031.000.000           | 1.176.680.000              | 1.031.000.000           | 1.176.680.000           |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt             | -                       | -                       | 8.460.000.000           | 9.180.000.000              | 8.460.000.000           | 9.180.000.000           |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh                | 198.000.000             | 198.000.000             | -                       | 539.676.996                | 198.000.000             | 539.676.996             |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk                      | 9.691.186.344           | 9.691.186.344           | -                       | 5.089.050.400              | 9.691.186.344           | 5.089.050.400           |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Ninh Thuận               | -                       | -                       | -                       | 676.566.463                | -                       | 676.566.463             |
| <b>b) Vay dài hạn</b>   | <b>51.961.360.068</b>   | <b>51.961.360.068</b>   | <b>89.154.099.596</b>   | <b>312.330.271.748</b>     | <b>302.547.003.232</b>  | <b>150.898.728.180</b>  |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                        | 4.739.521.197           | 4.739.521.197           | -                       | -                          | 1.000.000.000           | 3.739.521.197           |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu   | 30.964.328.905          | 30.964.328.905          | -                       | -                          | 3.087.759.004           | 27.876.569.901          |
| - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh                     | -                       | -                       | 11.675.999.424          | -                          | 2.091.223.944           | 9.584.775.480           |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa           | -                       | -                       | 94.536.796.665          | 9.545.488.646              | 16.118.826.993          | 87.963.458.318          |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận | -                       | -                       | 80.063.851.009          | -                          | 15.214.000.000          | 64.849.851.009          |
| - Vay cá nhân   | -                       | -                       | 6.513.000.000           | 22.500.000                 | 2.913.000.000           | 3.825.000.000           |
| - Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng                 | -                       | -                       | 5.154.827.000           | 676.368.000                | 1.114.750.000           | 4.716.445.000           |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt             | -                       | -                       | 72.487.500.000          | 7.226.238.650              | 8.599.180.000           | 71.114.558.650          |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                             | -                       | -                       | -                       | 44.800.000.000             | 25.800.000.000          | 19.000.000.000          |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh                | 990.000.000             | 990.000.000             | -                       | 1.708.385.000              | 198.000.000             | 2.500.385.000           |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk                      | 61.630.037.757          | 61.630.037.757          | -                       | 8.381.029.000              | 32.081.203.758          | 37.929.862.999          |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Ninh Thuận               | -                       | -                       | -                       | 10.421.152.820             | -                       | 10.421.152.820          |
| <b>Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>                          | <b>98.323.887.859</b>   | <b>98.323.887.859</b>   | <b>270.431.974.098</b>  | <b>82.983.662.116</b>      | <b>108.217.943.699</b>  | <b>343.521.580.374</b>  |
| <b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>                                 | <b>(13.976.945.348)</b> | <b>(13.976.945.348)</b> | <b>(38.624.868.944)</b> | <b>(53.335.716.591)</b>    | <b>(50.116.814.292)</b> | <b>(55.820.716.391)</b> |
|   | <b>84.346.942.511</b>   | <b>84.346.942.511</b>   |                         |                            |                         | <b>287.700.863.983</b>  |

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công  
Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:  
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

|   | Loại tiền | Lãi suất năm | Hình thức đảm bảo | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|---|-----------|--------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
|   |           |              |                   | VND                   | VND                   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam [1]                            | VND       | 6,9%         | Tài sản           | 7.965.709.117         | 459.802.754           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                                     | VND       | 11,0%        | Tin chấp          | 13.550.000.000        | 4.100.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Á Châu [2]   | VND       | 8,5%         | Tài sản           | 1.327.103.262         | -                     |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa [4]               | VND       | Điều chỉnh   | Tài sản           | 9.385.916.370         | -                     |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận [5]     | VND       | Điều chỉnh   | Tài sản           | 5.742.823.896         | -                     |
| Cán bộ công nhân viên   | VND       | 9,0%         | Tin chấp          | 17.853.000.000        | -                     |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt [7]                 | VND       | Điều chỉnh   | Tài sản           | 25.931.594.340        | -                     |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Bến Thành                       | VND       | 9,0%         | Tin chấp          | -                     | 450.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi | VND       | Điều chỉnh   | Tin chấp          | -                     | 500.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [9]                          | VND       | Điều chỉnh   | Tài sản           | 13.321.864.804        | 19.932.611.966        |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi   | VND       | 9,3%         | Tin chấp          | -                     | 12.542.000.000        |
|   |           |              |                   | <b>95.078.011.789</b> | <b>37.984.414.720</b> |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:  
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

|   | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | Hình thức đảm bảo | 31/12/2017              | 01/01/2017              |
|---|-----------|--------------|-------------|-------------------|-------------------------|-------------------------|
|   |           |              |             |                   | VND                     | VND                     |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam [1]                        | VND       | Điều chỉnh   | 2021        | Tài sản           | 3.739.521.197           | 4.739.521.197           |
| Ngân hàng TMCP Á Châu [2]   | VND       | Điều chỉnh   | 2024        | Tài sản           | 27.876.569.901          | 30.964.328.905          |
| Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh [3]                     | VND       | 9,5%         | 2022        | Tài sản           | 9.584.775.480           | -                       |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa [4]           | VND       | Điều chỉnh   | 2024        | Tài sản           | 87.963.458.318          | -                       |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận [5] | VND       | Điều chỉnh   | 2025        | Tài sản           | 64.849.851.009          | -                       |
| Cán bộ công nhân viên   | VND       | Điều chỉnh   | 2018        | Tin chấp          | 3.825.000.000           | -                       |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng [6]            | VND       | Điều chỉnh   | 2021        | Tài sản           | 4.716.445.000           | -                       |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt [7]             | VND       | Điều chỉnh   | 2026        | Tài sản           | 71.114.558.650          | -                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                                 | VND       | 10,5%        | 2019        | Tin chấp          | 19.000.000.000          | -                       |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh [8]         | VND       | Điều chỉnh   | 2022        | Tài sản           | 2.500.385.000           | 990.000.000             |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [9]                      | VND       | Điều chỉnh   | 2026        | Tài sản           | 37.929.862.999          | 61.630.037.757          |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận [10]        | VND       | Điều chỉnh   | 2025        | Tài sản           | 10.421.152.820          | -                       |
|   |           |              |             |                   | <b>343.521.580.374</b>  | <b>98.323.887.859</b>   |
|   |           |              |             |                   | <b>(55.820.716.391)</b> | <b>(13.976.945.348)</b> |
|   |           |              |             |                   | <b>287.700.863.983</b>  | <b>84.346.942.511</b>   |

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng  
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

**Thông tin chi tiết về tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn**

- [1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản, Công cụ dụng cụ của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre;
- [2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu được đảm bảo bằng Công trình Palace của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre;
- [3] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng Nhà cửa vật kiến trúc tạo số 25 Lý Thường Kiệt, P7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình;
- [4] Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa được đảm bảo bằng tài sản của Khách sạn Michelia của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi;
- [5] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận được đảm bảo bằng tài sản của Trung tâm Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Bình Thuận và Công trình Palace của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi;
- [6] Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng được đảm bảo bằng các Tài sản của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Công Lâm Đồng, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Lô đất 557 - KQH Trại Cá, đường Hàn Thuyên, Phường 5, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 010756 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/08/2010; Động sản bao gồm: Máy phát điện G-Power, đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 1x400kVA, cùng cấp điện cho trung tâm giặt ủi, hệ thống máy bơm nhiệt Megason, thang máy tải hàng kèm người, máy giặt vắt công nghiệp, máy sấy và máy ủi từ khách sạn Ngọc Lan được cải tạo, hệ thống xử lý nước thải;
- [7] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt được đảm bảo bằng các Tài sản của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Công Lâm Đồng, bao gồm: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác tại đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 01, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận số BH 130688 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp theo ủy quyền ngày 12/04/2012; Quyền sử dụng đất tại Lô B3, khoảnh 507, Tiểu khu 144B, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận số Y360935 do UBND Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/03/2004; Quyền sở hữu Công trình xây dựng theo giấy chứng nhận số 686722477200171 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp theo ủy quyền ngày 24/09/2008; Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số P 790004 do UBND tỉnh do UBND Huyện Đức Trọng cấp ngày 02/12/1999;
- [8] Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của Công ty là xe Mercedes-Benz biển kiểm soát 51G-530.80 và xe Toyota biển kiểm soát : 51G-238.77;
- [9] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của Công ty là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty có phần mua đường Thành Thành Công Tây Ninh phát hành, tỷ lệ đảm bảo 60%;
- [10] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Ninh Thuận được đảm bảo bằng nhà cửa, phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, bao gồm: (i) Tài sản là 22 nhà nghỉ B4-khu Brang, khu du lịch Bàu Trúc Ninh Thuận (nay là TTC Resort Premium - Ninh Thuận) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số phát hành 58582227700151 do UBND tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 18/06/2009 theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0043/2017/VCB.NTH ký ngày 15 tháng 05 năm 2017 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận; (ii) Xe Buggy vận chuyển hành khách và phục vụ; (iii) Xe vệ sinh cát biển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận; (iv) Các công trình trên đất (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành AB 095564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00046 do UBND tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 19/04/2005) chưa được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sở hữu (không thuộc khu Brang) tại khu du lịch Bàu Trúc Ninh Thuận thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận.

**c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

Vay  
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công

| Mối quan hệ | 31/12/2017            |                      | 01/01/2017           |          |
|-------------|-----------------------|----------------------|----------------------|----------|
|             | Gốc                   | Lãi                  | Gốc                  | Lãi      |
|             | VND                   | VND                  | VND                  | VND      |
|             | 32.550.000.000        | 2.512.922.913        | 4.100.000.000        | -        |
| Cổ đồng lớn | 32.550.000.000        | 2.512.922.913        | 4.100.000.000        | -        |
|             | <b>32.550.000.000</b> | <b>2.512.922.913</b> | <b>4.100.000.000</b> | <b>-</b> |



**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | 31/12/2017            |                       | 01/01/2017            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                       |                       |                       |                       |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát          | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         |
| - Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận                            | 1.013.913.500         | 1.013.913.500         | 697.993.000           | 697.993.000           |
| - Công ty CP Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh                    | -                     | -                     | 772.069.000           | 772.069.000           |
| - Chi nhánh Công ty CP Du lịch Thăng Lợi                             | -                     | -                     | 5.785.576.223         | 5.785.576.223         |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                            | 8.338.191.063         | 8.338.191.063         | -                     | -                     |
| - Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín                          | 26.000.000.000        | 26.000.000.000        | -                     | -                     |
| - Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam                        | 3.392.261.677         | 3.392.261.677         | -                     | -                     |
| - Phải trả các đối tượng khác  | 13.559.111.513        | 13.559.111.513        | 4.213.009.860         | 4.213.009.860         |
|  | <b>53.932.949.354</b> | <b>53.932.949.354</b> | <b>13.098.119.684</b> | <b>13.098.119.684</b> |
| <b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>                              |                       |                       |                       |                       |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát          | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         | 1.629.471.601         |
|  | <b>1.629.471.601</b>  | <b>1.629.471.601</b>  | <b>1.629.471.601</b>  | <b>1.629.471.601</b>  |
| <b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>                    |                       |                       |                       |                       |
| (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)                          | <b>8.338.191.063</b>  | <b>8.338.191.063</b>  | <b>1.170.960.622</b>  | <b>1.170.960.622</b>  |

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2017           | 01/01/2017            |
|---|----------------------|-----------------------|
|   | VND                  | VND                   |
| - Viên Diệu Hoa                             | -                    | 26.000.000.000        |
| - Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công | 2.029.726.000        | -                     |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác   | 6.215.771.035        | 2.115.619.113         |
|   | <b>8.245.497.035</b> | <b>28.115.619.113</b> |

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

|  | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm  | Tăng do mua Công ty con trong năm | Số phải nộp trong năm  | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm  |
|--|---------------------|----------------------|-----------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
|  | VND                 | VND                  | VND                               | VND                    | VND                      | VND                  | VND                   |
| - Thuế giá trị gia tăng                            | 148.664             | 500.838.924          | 2.205.327.905                     | 62.688.496.520         | 61.134.154.968           | 502.411.654          | 4.762.771.371         |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt                           | -                   | 45.606.061           | 48.257.828                        | 1.906.323.813          | 1.887.529.348            | 5.100.592            | 117.758.946           |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | -                   | 3.043.321.545        | 909.731.062                       | 23.906.570.579         | 16.803.366.696           | 3.659.336.914        | 14.715.593.404        |
| - Thuế thu nhập cá nhân                            | -                   | 280.415.679          | 51.811.942                        | 3.546.397.363          | 2.939.102.183            | -                    | 939.522.801           |
| - Thuế tài nguyên                                  | -                   | -                    | 6.145.120                         | 71.829.120             | 71.784.960               | -                    | 6.189.280             |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      | -                   | -                    | 2.843.440.905                     | 12.206.675.178         | 10.053.701.687           | 3.095.737            | 4.999.510.133         |
| - Các loại thuế khác                               | -                   | -                    | 1.585.185                         | 1.052.982.318          | 1.031.071.014            | -                    | 23.496.489            |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                   | -                    | 293.442.162                       | 348.733.752            | 342.629.240              | -                    | 299.546.674           |
|  | <b>148.664</b>      | <b>3.870.182.209</b> | <b>6.359.742.109</b>              | <b>105.728.003.643</b> | <b>94.263.340.096</b>    | <b>4.169.944.897</b> | <b>25.864.389.098</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|   | 31/12/2017           | 01/01/2017         |
|---|----------------------|--------------------|
|   | VND                  | VND                |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                      |                    |
| - Chi phí lãi vay   | 589.949.431          | 268.902.588        |
| - Chi phí tiền lương phải trả   | -                    | 590.663.000        |
| - Chi phí tư vấn  | 782.849.294          | -                  |
| - Trích trước chi phí hoa hồng  | 337.000.000          | -                  |
| - Chi phí phải trả khác   | 1.086.010.143        | 138.329.131        |
|   | <b>2.795.808.868</b> | <b>997.894.719</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                      |                    |
| - Chi phí trích trước giá vốn cho thuê tài sản (công trình 51 Hùng Vương) | 1.068.006.720        | -                  |
|   | <b>1.068.006.720</b> | <b>-</b>           |

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

|   | 31/12/2017            | 01/01/2017            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết   | 104.218.080           | 27.217.893            |
| - Kinh phí công đoàn  | 699.859.214           | 188.669.717           |
| - Bảo hiểm xã hội   | 348.339.607           | 28.317.774            |
| - Bảo hiểm y tế   | 94.481.949            | 15.276.397            |
| - Bảo hiểm thất nghiệp  | 40.610.470            | 1.659.106             |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn   | 4.733.613.970         | 265.715.498           |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả  | 9.728.524.541         | 8.132.524.541         |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác  | 18.281.041.253        | 43.888.663.152        |
| + Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ  | 4.008.603.410         | 4.671.130.250         |
| + Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bào Ngọc cho Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | -                     | 34.860.000.000        |
| + Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi   | -                     | 1.152.560.537         |
| + Các quỹ phục vụ   | 6.576.345.068         | -                     |
| + Phải trả khác   | 7.696.092.775         | 3.204.972.365         |
|   | <b>34.030.689.084</b> | <b>52.548.044.078</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                       |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn  | 4.299.996.131         | 930.670.000           |
|   | <b>4.299.996.131</b>  | <b>930.670.000</b>    |

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

|   | 31/12/2017            | 01/01/2017         |
|---|-----------------------|--------------------|
|   | VND                   | VND                |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                    |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động tour                     | 10.434.393            | 92.963.638         |
| - Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng, văn phòng    | 2.366.896.745         | -                  |
| - Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn     | 1.578.882.697         | 291.100.000        |
| - Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản                | 109.090.908           | 131.423.212        |
|   | <u>4.065.304.743</u>  | <u>515.486.850</u> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                    |
| - Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng văn phòng [*] | 21.522.789.896        | -                  |
|   | <u>21.522.789.896</u> | <u>-</u>           |

(\*) Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/2012/HĐTMB ngày 04/04/2012 giữa Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng, thời hạn cho thuê từ 10/05/2010 đến 10/05/2060 với tổng giá trị hợp đồng là 23.011.352.082 đồng.



10/1/2018

10/1/2018

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

|   | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu |     | Thặng dư vốn cổ phần |     | Chênh lệch tỷ giá hối đoái |     | Vốn khác của chủ sở hữu |     | Quỹ đầu tư phát triển |                 | Lợi nhuận chưa phân phối |                  | Lợi ích cổ đông không kiểm soát |     | Cộng |     |
|---|---------------------------|-----|----------------------|-----|----------------------------|-----|-------------------------|-----|-----------------------|-----------------|--------------------------|------------------|---------------------------------|-----|------|-----|
|   | VND                       | VND | VND                  | VND | VND                        | VND | VND                     | VND | VND                   | VND             | VND                      | VND              | VND                             | VND | VND  | VND |
| Số dư đầu năm trước   | 130.000.000.000           | -   | 910.000.000          | -   | -                          | -   | -                       | -   | 6.719.655.738         | 4.242.721.821   | 31.593.829.392           | 173.466.206.951  | 6.006.665.058                   |     |      |     |
| - Lãi trong năm trước   | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | 5.857.551.498   | 149.113.560              |                  |                                 |     |      |     |
| Số dư cuối năm trước  | 130.000.000.000           | -   | 910.000.000          | -   | -                          | -   | -                       | -   | 6.719.655.738         | 10.100.273.319  | 31.742.942.952           | 179.472.872.009  |                                 |     |      |     |
| Số dư đầu năm nay   | 130.000.000.000           | -   | 910.000.000          | -   | -                          | -   | -                       | -   | 6.719.655.738         | 10.100.273.319  | 31.742.942.952           | 179.472.872.009  |                                 |     |      |     |
| - Tăng vốn trong năm nay [*]  | 622.050.000.000           | -   | -                    | -   | -                          | -   | 10.382.620.000          | -   | -                     | -               | 60.642.600.000           | 693.075.220.000  |                                 |     |      |     |
| - Lãi trong năm nay   | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | 23.905.237.784  | 11.830.702.959           | 35.735.940.743   |                                 |     |      |     |
| - Điều chỉnh lợi ích do thay đổi cơ cấu vốn góp tại các Công ty con               | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | (9.904.807.753) | (9.595.904.177)          | (19.500.711.930) |                                 |     |      |     |
| - Tăng do hợp nhất bổ sung thêm công ty con trong năm                             | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | -               | 116.543.362.105          | 116.543.362.105  |                                 |     |      |     |
| - Chia cổ tức tại công ty con   | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | -               | (1.656.280.000)          | (1.656.280.000)  |                                 |     |      |     |
| - Phân phối lợi nhuận   | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | 140.509.110           | (9.940.970.589) | (1.355.394.889)          | (11.155.856.368) |                                 |     |      |     |
| - Chi phí phát hành tăng vốn  | -                         | -   | (161.363.636)        | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | -               | -                        | (161.363.636)    |                                 |     |      |     |
| - Chênh lệch tỷ giá phát sinh tại Công ty con                                     | -                         | -   | -                    | -   | (26.964.303)               | -   | -                       | -   | -                     | -               | (8.641.475)              | (35.605.778)     |                                 |     |      |     |
| - Chênh lệch giá mua và giá trị tài sản thuần khi góp thêm vốn vào Công ty con    | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | (403.303.349)   | -                        | (403.303.349)    |                                 |     |      |     |
| - Điều chỉnh liên quan đến thoái vốn tại Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng | -                         | -   | -                    | -   | -                          | -   | -                       | -   | -                     | 805.227.131     | 1.307.583.149            | 2.112.810.280    |                                 |     |      |     |
| Số dư cuối năm nay  | 752.050.000.000           | -   | 748.636.364          | -   | (26.964.303)               | -   | 10.382.620.000          | -   | 6.860.164.848         | 14.561.656.543  | 209.450.970.624          | 994.027.084.076  |                                 |     |      |     |

AA  
KIE  
ONC  
111

11/12/17



[<sup>1</sup>] Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của Công ty trên thị trường du lịch. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn: 62.205.000 cổ phiếu, tương ứng 622.050.000.000 đồng vốn điều lệ;
- Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:4,785 ;
- Ngày đăng ký giao dịch thành công: 03/04/2017.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|   | Cuối năm<br>VND        | Tỷ lệ<br>%     | Đầu năm<br>VND         | Tỷ lệ<br>%     |
|---|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 244.274.250.000        | 32,48%         | 51.051.000.000         | 39,27%         |
| Ông Huỳnh Văn Thành                     | 37.095.570.000         | 4,93%          | -                      | 0,00%          |
| Ông Tiền VI Diệp                        | 28.030.400.000         | 3,73%          | -                      | 0,00%          |
| Các cổ đông khác                        | 442.649.780.000        | 58,86%         | 78.949.000.000         | 60,73%         |
|   | <b>752.050.000.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>130.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                           | Năm 2017<br>VND | Năm 2016<br>VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| - Vốn góp đầu năm         | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm  | 622.050.000.000 | -               |
| - Vốn góp cuối năm        | 752.050.000.000 | 130.000.000.000 |

d) Cổ phiếu

|  | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 75.205.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 75.205.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 75.205.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 75.205.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 75.205.000 | 13.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): | 10.000     | 10.000     |

e) Các quỹ của Công ty

|                         | 31/12/2017<br>VND    | 01/01/2017<br>VND    |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 6.860.164.848        | 6.719.655.738        |
|                         | <b>6.860.164.848</b> | <b>6.719.655.738</b> |

35 / C  
 TỶ  
 HỮU H  
 A TO  
 3C  
 TP. P  
 1/2/17

1/2/17

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

a) Ngoại tệ các loại

|          | Đơn vị tính | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------|-------------|------------|------------|
| Đô la Mỹ | USD         | 396.169,40 | 3.880,30   |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

|                      |     | 31/12/2017           | 01/01/2017           |
|----------------------|-----|----------------------|----------------------|
|                      | VND |                      | VND                  |
| - Huỳnh Bá Phụng     |     | 235.000.559          | 235.000.559          |
| - Ngô Đình Long      |     | 207.057.168          | 207.057.168          |
| - Phạm Quốc Liêm     |     | 443.241.898          | 443.241.898          |
| - Các đối tượng khác |     | 1.127.113.538        | 1.056.930.538        |
|                      |     | <b>2.012.413.163</b> | <b>1.942.230.163</b> |

**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|   | Năm 2017               | Năm 2016               |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| Doanh thu bán hàng                          | 158.304.603.241        | 89.989.752.452         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                  | 668.087.955.490        | 157.577.758.952        |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản | 95.394.497.312         | -                      |
| Doanh thu khác                              | 3.911.954.019          | -                      |
|   | <b>925.699.010.062</b> | <b>247.567.511.402</b> |

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

|  |                |            |
|--|----------------|------------|
|  | 12.251.080.292 | 31.722.727 |
|--|----------------|------------|

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|  | Năm 2017               | Năm 2016               |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND                    |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán            | 141.688.791.339        | 87.095.767.014         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp        | 456.688.221.798        | 138.283.030.924        |
| Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư | 65.426.103.464         | -                      |
| Giá vốn hoạt động khác                 | 1.823.687.338          | -                      |
|  | <b>665.626.803.939</b> | <b>225.378.797.938</b> |

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|  | Năm 2017              | Năm 2016              |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                           | 15.590.630.843        | 977.944.979           |
| Lãi bán các khoản đầu tư                             | 11.696.315.992        | 31.236.116.578        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                          | 739.129.853           | 1.832.800             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm            | 150.530.230           | 663.619               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 377.500               | 1.219.536             |
| Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh  | -                     | 778.577.003           |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán         | 468.529.938           | -                     |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                   | 20.741.856            | 145.598.826           |
|  | <b>28.666.256.212</b> | <b>33.141.953.341</b> |

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|   | Năm 2017              | Năm 2016              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền vay  | 42.086.395.082        | 11.374.381.458        |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm                | 697.908.727           | -                     |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính                   | 35.937.969.926        | -                     |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                    | 39.534.352            | 8.503.470             |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm         | 18.098.041            | -                     |
| Lỗ do sáp nhập Công ty con trong năm                        | 10.846.362.007        | -                     |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 7.739.777.324         | -                     |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư đã thanh lý             | (33.214.214.394)      | -                     |
| Chi phí tài chính khác                                      | 5.619.037             | 165.225.817           |
|   | <b>64.157.450.102</b> | <b>11.548.110.745</b> |

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                  | Năm 2017              | Năm 2016             |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                  | VND                   | VND                  |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.438.600.450         | 24.215.375           |
| Chi phí nhân công                | 21.787.958.730        | 4.844.491.077        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 477.662.700           | 142.427.985          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.214.578.321         | 1.479.243.434        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 12.015.605.569        | 960.462.615          |
|                                  | <b>40.934.405.770</b> | <b>7.450.840.486</b> |

**31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2017<br>VND        | Năm 2016<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 5.850.811.758          | 1.340.502.821         |
| Chi phí nhân công                | 62.439.436.238         | 13.278.186.120        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.957.370.192          | 2.086.755.296         |
| Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng    | 435.354.378            | (4.726.000)           |
| Thuế, phí, và lệ phí             | 568.831.700            | 868.503.788           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 10.855.852.023         | 2.418.721.036         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 33.822.647.579         | 5.697.042.571         |
| Lợi thế thương mại               | 6.466.436.600          | 1.888.594.980         |
|                                  | <b>126.396.760.468</b> | <b>27.573.580.612</b> |

**32. THU NHẬP KHÁC**

|   | Năm 2017<br>VND       | Năm 2016<br>VND       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định            | 11.165.919.582        | 579.722.037           |
| Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản                      | 3.571.059.875         | 1.350.712.250         |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ                        | 593.650.649           | 12.683.700.206        |
| Tiền phạt, bồi thường thu được                              | 726.852.363           | 305.241.277           |
| Thu từ xử lý công nợ  | 1.641.133.715         | 1.650.000.000         |
| Thu nhập từ tiền thưởng, hỗ trợ chi phí bán hàng được hưởng | -                     | 1.180.133.987         |
| Thu nhập khác   | 2.862.594.215         | 914.399.883           |
|   | <b>20.561.210.399</b> | <b>18.663.909.640</b> |

**33. CHI PHÍ KHÁC**

|   | Năm 2017<br>VND       | Năm 2016<br>VND       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định    | 267.139.227           | -                     |
| Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ                                   | 2.539.463.741         | 12.558.393.747        |
| Chi tiền làm từ thiện   | 15.000.000            | 300.000.000           |
| Chi phí thiết kế dự án Khách sạn 3 sao Đồng Khởi không được thực hiện | -                     | 1.240.909.100         |
| Chi phí sửa chữa Ngọc Lan Đình chưa phân bổ hết giá trị vào chi phí   | 2.229.776.398         | -                     |
| Phạt chấm dứt hợp đồng  | 4.840.909.082         | -                     |
| Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy                | -                     | 273.749.390           |
| Giá trị vỏ chai bị thất thoát tại Công ty Bến Tre                     | -                     | 873.451.324           |
| Chi phí trả lương hộ cho nhà cung cấp                                 | -                     | 659.472.420           |
| Các khoản bị phạt thuế, phạt hành chính                               | 982.167.195           | 484.268.421           |
| Giá trị còn lại và chi phí từ chuyển nhượng bất động sản đầu tư       | 4.790.270.118         | -                     |
| Chi phí khác  | 3.771.410.140         | 1.147.306.215         |
|   | <b>19.436.135.901</b> | <b>17.537.550.617</b> |

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | Năm 2017              | Năm 2016             |
|--|-----------------------|----------------------|
|  | VND                   | VND                  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ      | 6.473.454.113         | 2.567.114.257        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con | 17.395.626.392        | 1.197.516.878        |
|  | <b>23.869.080.505</b> | <b>3.764.631.135</b> |

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

|  | 31/12/2017           | 01/01/2017 |
|--|----------------------|------------|
|  | VND                  | VND        |
| - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải nộp thuế | 1.446.181.602        | -          |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại   | <b>1.446.181.602</b> | <b>-</b>   |

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

|  | 31/12/2017           | 01/01/2017        |
|--|----------------------|-------------------|
|  | VND                  | VND               |
| - Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 2.179.199.398        | 23.962.054        |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                                      | <b>2.179.199.398</b> | <b>23.962.054</b> |

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

|                                      | Năm 2017             | Năm 2016          |
|--------------------------------------|----------------------|-------------------|
|                                      | VND                  | VND               |
| - Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (754.948.478)        | 23.962.054        |
|                                      | <b>(754.948.478)</b> | <b>23.962.054</b> |

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|  | Năm 2017       | Năm 2016      |
|--|----------------|---------------|
|  | VND            | VND           |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                             | 23.905.237.784 | 5.857.551.498 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông             | 23.905.237.784 | 5.857.551.498 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 59.653.750     | 13.000.000    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | <b>401</b>     | <b>451</b>    |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2017<br>VND        | Năm 2016<br>VND        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 135.561.784.960        | 16.157.447.763         |
| Chi phí nhân công                | 173.337.083.479        | 28.907.615.975         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 54.997.041.485         | 8.960.135.002          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 213.559.901.692        | 102.570.763.819        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 114.643.586.774        | 16.711.489.463         |
|                                  | <b>692.099.398.390</b> | <b>173.307.452.022</b> |

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    | Giá trị sổ kế toán     |                        |                        |                      |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
|                                    | 31/12/2017             |                        | 01/01/2017             |                      |
|                                    | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND        | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND      |
| Tài sản tài chính                  |                        |                        |                        |                      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 50.805.715.079         | -                      | 8.342.084.429          | -                    |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 84.980.772.966         | (1.206.191.865)        | 85.796.914.508         | (218.818.542)        |
| Các khoản cho vay                  | 357.156.500.000        | -                      | 4.900.000.000          | -                    |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 13.923.725.737         | (1.008.920.250)        | 50.626.000.000         | -                    |
|                                    | <b>517.473.162.873</b> | <b>(2.215.112.115)</b> | <b>149.687.908.937</b> | <b>(218.818.542)</b> |

|                                   | Giá trị sổ kế toán     |                        |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | 31/12/2017             | 01/01/2017             |
|                                   | VND                    | VND                    |
| Nợ phải trả tài chính             |                        |                        |
| Vay và nợ                         | 438.599.592.163        | 136.308.302.579        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 92.263.634.569         | 66.576.833.762         |
| Chi phí phải trả                  | 3.863.815.588          | 997.894.719            |
|                                   | <b>534.727.042.320</b> | <b>203.883.031.060</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

|                            | Từ 1 năm trở xuống<br>VND | Trên 1 năm đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2017</b> |                           |                             |                   |                       |
| Đầu tư ngắn hạn            | 12.914.805.487            | -                           | -                 | 12.914.805.487        |
|                            | <b>12.914.805.487</b>     | <b>-</b>                    | <b>-</b>          | <b>12.914.805.487</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b> |                           |                             |                   |                       |
| Đầu tư ngắn hạn            | 50.626.000.000            | -                           | -                 | 50.626.000.000        |
|                            | <b>50.626.000.000</b>     | <b>-</b>                    | <b>-</b>          | <b>50.626.000.000</b> |

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm trở xuống<br>VND | Trên 1 năm đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND            |
|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2017</b>         |                           |                             |                   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 50.805.715.079            | -                           | -                 | 50.805.715.079         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 73.106.912.215            | 10.667.668.886              | -                 | 83.774.581.101         |
| Các khoản cho vay                  | 304.306.500.000           | 52.850.000.000              | -                 | 357.156.500.000        |
|                                    | <b>428.219.127.294</b>    | <b>63.517.668.886</b>       | <b>-</b>          | <b>491.736.796.180</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b>         |                           |                             |                   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.342.084.429             | -                           | -                 | 8.342.084.429          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 81.199.692.680            | 4.378.403.286               | -                 | 85.578.095.966         |
| Các khoản cho vay                  | 4.900.000.000             | -                           | -                 | 4.900.000.000          |
|                                    | <b>94.441.777.109</b>     | <b>4.378.403.286</b>        | <b>-</b>          | <b>98.820.180.395</b>  |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm   | Trên 5 năm | Cộng                   |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2017</b>        | VND                    | VND                    | VND        | VND                    |
| Vay và nợ                         | 150.898.728.180        | 287.700.863.983        | -          | 438.599.592.163        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 87.963.638.438         | 4.299.996.131          | -          | 92.263.634.569         |
| Chi phí phải trả                  | 2.795.808.868          | 1.068.006.720          | -          | 3.863.815.588          |
|                                   | <b>241.658.175.486</b> | <b>293.068.866.834</b> | -          | <b>534.727.042.320</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b>        |                        |                        |            |                        |
| Vay và nợ                         | 51.961.360.068         | 84.346.942.511         | -          | 136.308.302.579        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 65.646.163.762         | 930.670.000            | -          | 66.576.833.762         |
| Chi phí phải trả                  | 997.894.719            | -                      | -          | 997.894.719            |
|                                   | <b>118.605.418.549</b> | <b>85.277.612.511</b>  | -          | <b>203.883.031.060</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tái chính đáo hạn.

### 39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

|   | Năm 2017        | Năm 2016        |
|---|-----------------|-----------------|
|   | VND             | VND             |
| <b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>     |                 |                 |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;    | 341.978.217.473 | 104.474.634.614 |
| <b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b> |                 |                 |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;   | 360.648.132.639 | 130.597.421.515 |

### 40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 26/12/2017, Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Hoạt động sáp nhập dự kiến sẽ diễn ra vào Quý II/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17)



Giao dịch phát sinh trong năm:

|   | Mối quan hệ | Năm 2017       | Năm 2016   |
|---|-------------|----------------|------------|
|   |             | VND            | VND        |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 12.251.080.292 | 31.722.727 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | 12.251.080.292 | 31.722.727 |

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

|   | Mối quan hệ | 31/12/2017      | 01/01/2017    |
|---|-------------|-----------------|---------------|
|   |             | VND             | VND           |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng            |             | 1.253.213.304   | 311.473.466   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | 1.253.213.304   | 311.473.466   |
| Phải thu cho vay ngắn hạn               |             | 285.800.000.000 | -             |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | 285.800.000.000 | -             |
| Phải thu cho vay dài hạn                |             | 52.850.000.000  | -             |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | 52.850.000.000  | -             |
| Phải trả cho người bán ngắn hạn         |             | 8.338.191.063   | 1.170.960.622 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | 8.338.191.063   | 1.170.960.622 |
| Phải trả khác ngắn hạn                  |             | -               | 3.194.444     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | -               | 3.194.444     |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|                                   | Năm 2017      | Năm 2016    |
|-----------------------------------|---------------|-------------|
|                                   | VND           | VND         |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT | 1.149.853.223 | 801.570.014 |

#### 43. SỐ LIỆU SO SÁNH

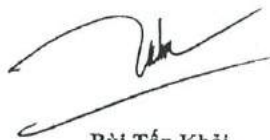
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân

